

# Luận Đại Trí Độ

## Tập V

### Cuốn 96 - 100

(Mahàprajñàparamitàsatra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cưư Ma La Thập  
**Việt Dịch** HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam  
Ấn hành 1997

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

# Luận Đại Trí Độ

## Tập V

Cuốn 96 - 100

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cư Ma La Thập  
**Việt Dịch:** HT.Thiện Siêu

Cuốn 96 .....	3
Giải Thích: Phẩm Như Hóa Thứ 87 .....	3
Giải Thích: Phẩm Tát-Đà-Ba-Luân Thứ 88 .....	10
Cuốn 97 .....	19
Cuốn 98 .....	31
Cuốn 99 .....	51
Phẩm 89 .....	51
Giải Thích: Phẩm Đàm-Vô-Kiệt Thứ 89 .....	51
Cuốn 100 .....	68
Phẩm 90 .....	77
Giải Thích: Phẩm Chúc Lụy Thứ 90 .....	77

## Cuốn 96

### Giải Thích: Phẩm Như Hóa Thứ 87

(Kinh Đại Bát-nhã hội 2 ghi: Phẩm Không Tính thứ 85)

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp bình đẳng, không có làm gì, thời Bồ-tát làm thế nào hành Bát-nhã ba-la-mật mà đối với pháp bình đẳng không lay động, lại hành việc của Bồ-tát như bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự v.v... ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như vậy, như vậy, như lời ông nói. Các pháp bình đẳng, không có làm gì. Nếu chúng sinh tự biết các pháp bình đẳng thời Phật không dùng thần lực mà đối với các pháp bình đẳng không lay động, kéo chúng sinh ra khỏi chấp trước tướng tôi, ta; lấy Không mà làm cho thoát khỏi năm đường sinh tử cho đến làm cho thoát khỏi chấp trước tướng kẻ biết, kẻ thấy; làm cho thoát khỏi sắc tướng cho đến thức tướng, nhãn tướng cho đến ý tướng, địa chủng tướng cho đến thức chủng tướng; xa lìa tướng của tính hữu vi khiến được tướng của tính vô vi, mà tướng của tính vô vi tức là không.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, dùng Không gì nên hết thảy pháp không?

Phật dạy: Bồ-tát xa lìa tướng hết thảy pháp, dùng không ấy nên hết thảy pháp không. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, nếu có người biến hóa làm ra người biến hóa, việc biến hóa ấy phải chăng thật sự có cái chẳng không ư?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn. Người biến hoá ấy, không cái gì thật sự mà chẳng không. Người biến hóa và không ấy hai việc không hợp, không tán; vì không không cho nên không, không nên phân biệt là không, là hóa, vì sao? Vì trong hai việc không ấy không thể có được là không, là hóa, vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, sắc tức là hóa; thọ, tưởng, hành, thức tức là hóa, cho đến trí Nhất thiết chủng tức là hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu pháp thế gian là hóa; pháp xuất thế gian như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, cùng các quả pháp và hiện thánh là Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn, các pháp ấy cũng là hóa chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy pháp đều là hóa. Đối với pháp ấy có pháp do Thanh văn biến hóa, có pháp do Bích-chi Phật biến hóa, có pháp do Bồ-tát biến hóa, có pháp do chư Phật biến hóa, có pháp do phiền não biến hóa, có pháp do nghiệp nhân duyên biến hóa. Vì nhân duyên ấy nên hết thấy pháp đều là hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, các phiền não dứt nên gọi là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo; dứt các phiền não tập khí đều là biến hóa chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu pháp có tướng sinh, diệt, thời đều là biến hóa.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, những pháp nào chẳng phải biến hóa?

Phật dạy: Nếu pháp không sinh, không diệt, là chẳng phải biến hóa.

Tu-bồ-đề thưa: Thế nào là pháp không sinh không diệt thời chẳng phải biến hóa?

Phật dạy: Như tướng Niết-bàn không đối, pháp ấy chẳng phải biến hóa.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, như Phật tự nói: Các pháp bình đẳng, chẳng phải Thanh văn làm, chẳng phải Bích-chi Phật làm, chẳng phải Bồ-tát làm, chẳng phải chư Phật làm, dù có Phật hay không có Phật thời tính các pháp vẫn thường không; tính không tức là Niết-bàn, cứ sao nay nói pháp Niết-bàn chẳng phải như biến hóa?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như vậy, như vậy. Các pháp bình đẳng, chẳng phải Thanh văn làm, cho đến tính không tức là Niết-bàn. Nếu Bồ-tát mới phát tâm nghe hết thấy pháp đều rất ráo, tính không cho đến Niết-bàn cũng đều như biến hóa thời tâm kinh sợ. Vì hàng Bồ-tát mới phát tâm ấy nên phân biệt nói pháp có sinh diệt như biến hóa, pháp không sinh diệt chẳng như biến hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào dạy hàng Bồ-tát mới phát tâm khiến biết tính không ấy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các pháp vốn có nay không ư?

LUẬN: Hỏi: Việc ấy Phật trước đã đáp rồi, nay cứ sao Tu-bồ-đề còn hỏi rằng: Nếu các pháp bình đẳng, không có làm gì, thời làm thế nào Bồ-tát đối với các pháp bình đẳng không lay động mà làm lợi ích lớn cho chúng sinh?

Đáp: Vì việc ấy khó hiểu nên tuy trước đã nói mà nay hỏi lại. Lại thời kinh sắp hết Phật nói tính không sâu xa, phàm phu và thánh nhân không thể hành được, không thể đến được. Nên Tu-bồ-đề biết hết thấy pháp tướng bình đẳng chắc chắn không, thời làm thế nào Bồ-tát trú trong pháp ấy mà có thể làm lợi ích chúng sinh, vì pháp bình đẳng, không có tướng tạo tác, mà làm lợi ích là có tướng tạo tác? Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề, theo câu hỏi của Tu-bồ-đề mà đáp, hứa khả tính bình đẳng và đáp việc làm lợi ích chúng sinh. Nghĩa là nếu chúng sinh tự biết các pháp bình đẳng rốt ráo không, thời Phật không có ơn gì; nếu người bệnh tự biết sắp qua khỏi thời thầy thuốc vô công.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu các pháp thật tướng rốt ráo không, không thể tạo tác, thời vì cớ gì Bồ-tát trú trong ấy mà làm lợi ích chúng sinh? Nếu Bồ-tát dùng pháp bình đẳng ấy làm lợi ích chúng sinh thời phá hoại thật tướng?

Phật dạy: Bồ-tát không lấy các pháp thật tướng làm lợi ích chúng sinh, mà chỉ vì chúng sinh không biết pháp rốt ráo không nên Bồ-tát dạy khiến biết. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, đó là cách đối trị tất đàn; Tu-bồ-đề cho đệ nhất nghĩa tất đàn là không có làm lợi ích để vấn nạn. Phật đáp: Chúng sinh điên đảo không biết, Phật chỉ phá cái điên đảo ấy mà không cho là thật. Thế nên Bồ-tát trú trong tướng bình đẳng xa lìa tướng ngã cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy, ấy gọi là chúng sinh không và đem pháp hết thấy vô ngã ấy giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh có hai, một là ái nhiều, hai là kiến nhiều. Người ái nhiều gặp được pháp vô ngã ấy thời sinh tâm lìa dục, nghĩ rằng: Nếu vô ngã thời cần gì các vật khác mà tham? Người kiến nhiều tuy biết vô ngã mà đối với sắc pháp v.v... vẫn hý luận cho rằng hoặc thường hoặc vô thường. Thế nên kế tiếp nói sắc tướng, năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cho đến xa lìa tướng của tính hữu vi, khiến được tướng của tính vô vi, mà tướng vô tính tức là không; ấy gọi là pháp không.

Hỏi: Cớ gì Tu-bồ-đề hỏi dùng không gì cho nên hết thấy pháp không?

Đáp: “Không” có nhiều thứ: Như trong lửa không có nước, trong nước không có lửa, cũng là không; trong ngũ uẩn không có ngã cũng như vậy. Hoặc có chúng sinh không, hoặc có pháp không. Đối với pháp không, có người nói rằng các pháp tuy không cũng chẳng phải không hết; như trong sắc không có vi trần gốc tồn tại. Thế nên Tu-bồ-đề hỏi vì không gì nên hết thấy pháp không. Phật đáp: Vì vô sở đắc rốt ráo không, nên xa lìa hết thấy tướng. Do vậy mà trong đây nói chúng sinh không và pháp không. Vì hai không ấy nên hết thấy pháp không có pháp nào chẳng không.

Hỏi: Nếu như vậy thì có gì trong đây nói là tướng hết thầy pháp?

Đáp: Hết thầy pháp không thể phá hoại cùng tận, chỉ là cái ức tướng tà vạy đối với nó nên tất cả pháp tự xa lìa. Như người có thần thông vì hoại sắc tướng nên vách đá không làm chướng ngại. Như Phật nói: Các ông đối với năm uẩn tu chánh ức niệm, dứt tham dục, được chánh giải thoát nên nói là lìa tướng. Tu-bồ-đề nghe xong tâm kinh hãi, nghĩ rằng: Vì sao hết thầy pháp hoặc lớn hoặc nhỏ đều không có căn gốc chơn thật? Hạng phàm phu hư vọng có thể không có sự thật, còn thánh nhân phải có chút ít sự thật? Tu-bồ-đề tuy là A-la-hán, rất quý Phật pháp, song vì hàng Bồ-tát mới pháp tâm cho nên hỏi Phật.

Phật biết ý Tu-bồ-đề muốn làm rõ việc ấy nên nói thí dụ mà hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, như người biến hóa lại làm ra việc biến hóa, sự biến hóa ấy có căn gốc thật chẳng không chẳng? Đáp: Thừa không. Sự biến hóa ấy không có sự thật mà chẳng không. Không và người biến hóa, hai việc chẳng hợp, chẳng tán, vì đều là không, nên dùng không không, nên không.

Hỏi: Có gì nói là vì không không, nên không?

Đáp: Vì phá mười tám sự thật nên có mười tám không; vì phá sự biến hóa không trong tâm chúng sinh nên dùng không không. Người thế gian đều biết huyễn hóa không trụ lâu, không có làm gì nên gọi là không, nên nói vì không không, nên không, không nên phân biệt đó là không, là hóa. Người phàm phu biết việc biến hóa là không, không thật, còn các pháp khác là thật. Vì vậy mà lấy việc biến hóa ví dụ, nên biết các pháp khác cùng với biến hóa không khác nhau. Như chỗ hiểu của thánh nhân thì không được dùng biến hóa làm ví dụ, vì không có phân biệt. Hết thầy pháp gọi là năm uẩn. Phật nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có cái gì chẳng là biến hóa, vì là không.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, pháp phàm phu hư dối nên như biến hóa, pháp xuất thế gian cũng như biến hóa ư? Nghĩa là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hoặc pháp bốn niệm xứ theo mặt nhân duyên sinh cho nên như hóa, nhưng quả pháp của bốn niệm xứ là Niết-bàn cũng lại như hóa ư? Hoặc hành giả tu các pháp ấy là các bậc Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng lại như hóa ư?

Phật dạy: Hoặc hữu vi hoặc vô vi và các hiện tượng đều là hóa, vì rốt ráo không. Nghĩa ấy từ phẩm đầu lại đây nơi nơi đã nói rộng. Thế nên nói hết thầy pháp không, đều như hóa.

Hỏi: Nếu hết thấy pháp đều không, như hóa, có gì có các pháp sai khác?

Đáp: Như việc Phật biến hóa và người khác biến hóa, tuy đều không thật mà có các hình tượng sai khác; cũng như các thứ thấy trong mộng. Người thấy việc tốt xấu trong mộng có việc sinh mừng, có việc sinh sợ; như tượng trong gương tuy thật sự không có mà tùy theo hình thật nên tượng có đẹp có xấu. Các pháp cũng như vậy, tuy không mà mỗi mỗi có nhân duyên sai khác; như trong đây Phật tự nói: Trong pháp biến hóa có Thanh văn biến hóa, có Bích-chi Phật biến hóa, có Bồ-tát biến hóa, có Phật biến hóa, có phiền não biến hóa, có nghiệp biến hóa; thế nên hết thấy pháp đều là biến hóa.

Thanh văn biến hóa là ba mươi bảy pháp trợ đạo, bốn thánh đế cho đến ba môn giải thoát, vì sao? Vì người Thanh văn trú trong trì giới, thiền định nhiếp tâm mà cầu Niết-bàn; quán trong thân ngoài thân bất tịnh gọi là thân niệm xứ. Tu các pháp như vậy vì Niết-bàn nên siêng tinh tấn; pháp ấy vốn không nay có, có rồi lại không; ấy gọi là Thanh văn biến hóa.

Bích-chi Phật biến hóa là quán mười hai nhân duyên, vì sao? Vì trí tuệ của Bích-chi Phật sâu hơn trí tuệ của Thanh văn.

Bồ-tát biến hóa là sáu Ba-la-mật với hai thứ thần thông do quả báo được và do tu được.

Phật biến hóa là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, mười trí lực, trí Nhất thiết chủng, vô lượng Phật pháp.

Phiền não biến hóa là phiền não khởi lên các nghiệp lành, chẳng lành và vô ký; nghiệp định, nghiệp bất định, nghiệp lành, chẳng lành, bất động, vô lượng các nghiệp.

Hỏi: Các phiền não là pháp ác, làm sao có thể sinh nghiệp lành và nghiệp bất động?

Đáp: Có hai nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Người có tâm chấp ngã, vì muốn thân sau được giàu vui nên tu bố thí, ấy là nhân gần; vì xa lìa thân bất tịnh, sự suy não của cõi dục nên tu thiền định; ấy là nhân xa.

Lại, có người nói: Hết thấy phàm phu đều do tâm chấp ngã nên tạo nghiệp. Có người nói: Không có việc lìa tâm chấp ngã mà khởi lên thức thứ sáu, vì có tâm chấp ngã nên khởi lên thức thứ sáu; và tâm chấp ngã tức là căn gốc của phiền não.

Hỏi: Phiền não là tâm nhớ nhớt, tâm lành là tâm trong sạch; nhớ nhớt và trong sạch không hòa hợp được, có gì nói ở nơi tâm chấp ngã có thể khởi lên nghiệp lành?

Đáp: Không phải vậy. Hết thấy tâm đều cùng sinh với tuệ, trong tâm vô minh cũng phải có tuệ. Tuệ với vô minh trái nhau mà khởi lên trong một tâm; sạch và nhớ cũng như vậy. Phạm phu chưa được thánh đạo thời làm sao có thể lìa tâm chấp ngã mà làm việc lành? Trong phiền não sân v.v... thời không thể làm lành. Còn tâm chấp ngã thời vô kí nhu nhuyến, nên trong tâm phiền não sinh khởi nghiệp lành và nghiệp bất động, không lỗi.

Nghiệp biến hóa là sinh ra hết thấy quả báo, đó là sáu đường. Quả báo của nghiệp ác là ba đường ác; quả báo của nghiệp lành là ba đường lành. Nghiệp ác có thượng, trung và hạ. Thượng thời đọa địa ngục, trung thời đọa súc sinh, hạ thời đọa ngạ quỷ. Nghiệp lành cũng có thượng, trung và hạ. Thượng thời sinh cõi trời; trung thời sinh cõi người; hạ thời sinh cõi A-tu-la. Nghiệp lành có phân biệt các thứ nặng nhẹ, nghiệp ác cũng có phân biệt nặng nhẹ. Thứ lớp nặng nhẹ như nói ở trong cảnh địa ngục, các đạo khác cũng đã nói như trong phẩm Phân biệt nghiệp.

Hỏi: Nếu từ nghiệp mà có, thời có gì nói biến hóa?

Đáp: Người phạm phu thấy các pháp chẳng như biến hóa; còn thánh nhân vì biết rõ ráo không nên dùng thiên nhãn xem thấy chúng sinh đều không có đầu, cuối, khoảng giữa. Như người chủ biến hóa đi đến nơi xa làm việc biến hóa; nghiệp cũng như vậy, từ trong đời quá khứ làm ra thân này. Như việc biến hóa có thể làm cho con người sinh lo, mừng, sợ hãi. Người trí thấy đều không có gì thật, mà người ta vọng sinh ra lo, mừng, thật đáng cười; nghiệp cũng như vậy, nên nói nghiệp biến hóa.

Hỏi: Các biến hóa ấy đều do nghiệp làm ra, có gì không chỉ nói nghiệp biến hóa mà nói thêm các biến hóa khác?

Đáp: Nghiệp có hai thứ là nghiệp sạch và nghiệp nhớ. Nghiệp sạch là Thanh văn biến hóa cho đến Phật biến hóa; nghiệp nhớ là phiền não biến hóa.

\* Lại nữa, có hai nghiệp: Nghiệp phạm phu và nghiệp thánh nhân. Nghiệp phạm phu là phiền não biến hóa, nghiệp thánh nhân là Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Nên tuy đều là nghiệp biến hóa mà phân biệt nói rộng, không lỗi. Vì vậy nên biết, hết thấy pháp không, đều như biến hóa.



Tu-bồ-đề lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn, các thánh nhân dứt hết phiền não được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật; dứt hết phiền não tập khí, các sự dứt ấy đều như biến hóa chăng? Ý Tu-bồ-đề là, pháp hữu vi hư dối cho nên như biến hóa, còn pháp vô vi thật không có làm gì, nên không thể như biến hóa? Thế nên hỏi.

Phật dạy: Hết thấy pháp hoặc sinh hoặc diệt đều như hóa, vì sao? Vì vốn không nay có, nay có sau không, dối gạt lòng người. Ý Phật là, hết thấy pháp theo nhân duyên sinh đều không có tự tính, vì không có tự tính nên rốt ráo không, vì rốt ráo không nên đều như biến hóa. Tu-bồ-đề tìm thật tướng các pháp ý còn chưa dứt cho nên hỏi Phật: Pháp gì chẳng như biến hóa? Ý Tu-bồ-đề muốn hỏi rằng, có một pháp chắc thật chẳng như biến hóa, có thể nương pháp ấy mà tinh tấn chăng? Phật đáp: Có. Nếu pháp không sinh không diệt tức chẳng phải như biến hóa. Pháp ấy là pháp gì? Đó là Niết-bàn không có tướng hư dối. Pháp ấy không sinh nên không diệt, không diệt nên không khiến người ta sinh lo. Phật phân biệt hết thấy pháp hữu vi rốt ráo không, đều như hóa, duy chỉ có pháp Niết-bàn chẳng phải như biến hóa.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật: Như Phật nói, pháp bình đẳng chẳng phải Phật làm, chẳng phải Thanh văn làm, Bích-chi Phật làm, dù có Phật hay không có Phật thời các pháp tính vẫn thường trú. Tính không, tính không tức là Niết-bàn. Ý Tu-bồ-đề muốn nói rằng, vào sâu Bát-nhã ba-la-mật thời Niết-bàn cũng không, ở phẩm trước nơi nơi đã nói, nay có gì Phật nói chỉ một pháp Niết-bàn chẳng như biến hóa? Thế nên dẫn lời Phật để vấn nạn: Thật tướng các pháp tính không, thường trú. Chư Phật chỉ vì người nên diễn nói tính không tức là Niết-bàn, nay có gì đối với pháp sinh diệt nói riêng Niết-bàn không có tướng hư dối, chẳng như biến hóa? Phật đáp: Các pháp bình đẳng thường trú, chẳng phải hiện thánh làm; nếu hàng Bồ-tát mới học mà nghe thời sợ hãi, thế nên phân biệt nói: Cái gì sinh diệt thời như biến hóa, cái gì không sinh diệt thời không như biến hóa.

Hỏi: Duy chỉ có Phật là người không nói quanh co nên tất cả mọi người đều muốn tìm sự thật ở nơi Phật, có sao nay Phật nói hết thấy pháp đều không, hoặc nói đều chẳng không?

Đáp: Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì đối với hàng Bồ-tát mới phát tâm nên nói Niết-bàn chẳng như biến hóa.

Hỏi: Có thể vì người mà chuyển biến các pháp tướng ư?

Đáp: Trong đây Phật nói các pháp tính, tính không, thời làm sao chuyển được? Khi Phật mới được thật tướng các pháp ấy, tâm chỉ hướng đến Niết-bàn tịch diệt; khi ấy mười phương chư Phật và chư thiên thỉnh Phật chớ vào Niết-bàn, mà nên độ thoát cho hết thảy chúng sinh khổ não. Phật liền nhận lời thỉnh, chỉ vì độ chúng sinh nên trụ lại. Do vậy nên biết, chúng sinh không thể làm lợi ích chúng sinh, nên Phật theo việc vì chúng sinh mà nói. Vì quán thấy các pháp hữu vi hư dối nên nói Niết-bàn là thật, chẳng đổi khác. Hàng Bồ-tát mới phát tâm đấm trước Niết-bàn ấy, nhân đó khởi lên phiền não; vì dứt sự đấm trước ấy cho Bồ-tát nên nói Niết-bàn như biến hóa. Nếu không có tâm đấm trước thời khi ấy nói Niết-bàn chẳng phải như biến hóa.

\* Lại nữa, có hai đạo là đạo Tiểu thừa và đạo Đại thừa. Tiểu thừa hí luận cho rằng Niết-bàn là thật; Đại thừa hí luận cho rằng vì trí tuệ lanh lợi, có thể vào sâu nên xem sắc pháp v.v... đều như Niết-bàn. Cho nên hai cách nói đều không có lỗi.

Lại hỏi: Làm thế nào giáo hóa Bồ-tát mới phát tâm khiến biết tính không bình đẳng? Ý Tu-bồ-đề muốn nói rằng, pháp tính không là chỗ hàng phàm phu sợ hãi. Họ nghe nói tính không, không có sở hữu, thời như rơi vào hố sâu, vì sao? Vì hết thảy những người chưa đắc đạo do tâm chấp ngã sâu xa nên sợ hãi pháp không, nghĩ rằng: Phật dạy người siêng tu hạnh lành chung quy đi vào chỗ không có sở hữu. Vì thế nên Tu-bồ-đề hỏi: Dùng phương tiện gì giáo hóa Bồ-tát mới phát tâm ấy? Phật dạy: Các pháp trước có nay không ư? Ý Phật là, vì hàng mới phát tâm sợ về sau sẽ không có gì, nên nói các pháp trước có nay không ư? Tu-bồ-đề tự mình biết rõ các pháp trước tự nó không nay cũng không, chỉ vì kẻ mới học bị tâm chấp ngã che lấp mà sinh ra sợ hãi. Vì trừ cái điên đảo ấy khiến được thật thấy, rốt ráo không có lỗi. Biết thật tướng của các phiền não điên đảo là tính không, khi ấy thời không còn sợ hãi; các pháp như vậy nên đem dạy hàng mới phát tâm. Nếu cho rằng pháp trước có, song vì do hành đạo nên không, mới nên sợ hãi; còn pháp trước tự nó đã không, nên không nên sợ hãi, chỉ vì trừ điên đảo mà thôi.

### **Giải Thích: Phẩm Tát-Đà-Ba-Luân Thứ 88**

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật nên như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân. Bồ-tát ấy hiện ở chỗ Phật Đại Lô Âm, hành đạo Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân làm thế nào cầu Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân khi cầu Bát-nhã ba-la-mật-đa không tiếc thân mạng, không cầu danh lợi, ở chỗ núi rừng trống vắng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Nay ông, thiện nam tử, nên đi về phương đông, chớ nghĩ đến mệt nhọc, chớ nghĩ đến ngủ nghỉ, chớ nghĩ đến ăn uống, chớ nghĩ đến ngày đêm, chớ nghĩ đến lạnh nóng, chớ nghĩ đến trong ngoài. Nay thiện nam tử, khi đi chớ ngó qua phải trái, khi đi chớ hủy hoại tướng thân, chớ hủy hoại tướng sắc, chớ hủy hoại tướng thọ, tướng, hành, thức, vì sao? Vì nếu hủy hoại các tướng ấy thời đối với Phật pháp có chướng ngại. Nếu đối với Phật pháp có chướng ngại, bèn qua lại trong năm đường sinh tử, cũng không thể được Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp lại tiếng giữa hư không: Tôi sẽ theo lời dạy bảo, vì sao? Vì tôi muốn vì hết thảy chúng sinh làm ánh sáng lớn, muốn tập hợp hết thảy Phật pháp, muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lại nghe giữa hư không nói rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Ông đối với không, vô tướng, vô tác nên sinh tín tâm, đem tâm lìa tướng mà cầu Bát-nhã ba-la-mật; lìa tướng ngã cho đến lìa tướng kẻ biết kẻ thấy; nên xa lìa ác tri thức, nên gần gũi cúng dường thiện tri thức. Những ai là thiện tri thức? Là những người nói pháp không, vô tướng, vô tác, không sinh, không diệt và trí Nhất thiết chủng, làm cho người khác vào cái vui hoan hỷ, tín thọ; ấy là thiện tri thức. Nay thiện nam tử, nếu ông hành được như vậy thời không bao lâu sẽ nghe được Bát-nhã ba-la-mật, hoặc nghe từ trong kinh, hoặc nghe từ Bồ-tát nói. Nay thiện nam tử, ở chỗ ông được nghe Bát-nhã ba-la-mật nên sinh tâm tưởng như Phật. Nay thiện nam tử, ông nên biết ơn, nghĩ rằng, từ chỗ được nghe Bát-nhã ba-la-mật tức là thiện tri thức của ta, ta nhờ nghe pháp ấy nên mau được không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác, gần gũi chư Phật, thường sinh trong nước có Phật, xa lìa các nạn, được chỗ đầy đủ không có hoạn nạn. Nay thiện nam tử, nên suy nghĩ trừ lượng công đức ấy, đối với chỗ được nghe pháp nên sinh tâm tưởng như Phật. Nay thiện nam tử, chớ đem tâm lợi dưỡng thế gian mà đi theo pháp sư, chỉ vì tâm yêu pháp, cung kính pháp nên đi theo Bồ-tát thuyết pháp. Bấy giờ nên giác biết việc ma: Hoặc ác ma làm ra năm dục đem đến cho Bồ-tát thuyết pháp, giả vờ vì pháp nên khiến lãnh thọ. Nếu Bồ-tát thuyết pháp vào được pháp môn chân thật, do công đức ấy nên lãnh thọ mà không bị ô nhiễm. Lại do việc ma nên lãnh thọ năm dục: Một, vì có sức phương tiện; hai, vì khiến chúng sinh gieo trồng căn lành; ba, vì muốn đồng sự với chúng sinh. Ông ở trong ấy chớ sinh tâm ô nhiễm, nên khởi tướng thanh

tịnh, tự nghĩ rằng: Ta chưa biết Âu-hòa-câu-xá-la, mà đại sư dùng phương tiện vì độ chúng sinh, khiến được phước đức nên lãnh thọ năm dục ấy; đối với trí tuệ không chấp trước, không ngại, không bị dục làm ô nhiễm. Nay thiện nam tử, phải quán chơn chính thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp là hết thảy pháp không nhớ, không sạch, vì sao? Vì hết thảy pháp tự tính không, không có chúng sinh, không có nhân, không có ngã. Hết thảy pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như hóa. Nay thiện nam tử, quán thật tướng các pháp ấy rồi nên theo pháp sư, ông không bao lâu sẽ thành tựu được Bát-nhã ba-la-mật.

\* Lại nữa, nay thiện nam tử, ông lại nên giác biết việc ma. Nếu Bồ-tát thuyết pháp, thấy người muốn lãnh thọ Bát-nhã ba-la-mật mà không để ý đến thời ông không nên khởi sinh oán hận. Ông chỉ nên vì pháp, nên cung kính, chớ khởi tâm nhàm chán, giải đãi, thường nên đi theo pháp sư.

LUẬN: Phẩm trên hỏi, đối với Bồ-tát mới phát tâm làm thế nào dạy tính không? Vì pháp tính không rất ráo không, không có sở hữu, khó hiểu, khó biết? Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại: Pháp trước có nay không ư? Ý Phật muốn nói rằng, pháp tính không chẳng phải khó được, khó hiểu, vì sao? Vì xưa nay thường không, lại không có cái mới khác, có gì tâm ông sợ hãi cho rằng khó được? Pháp tính không ấy tuy sâu xa, mà Bồ-tát chỉ có thể nhất tâm siêng tinh tấn, không tiếc thân mạng, đem nhất tâm cầu như vậy bèn có thể được. Trong đây nêu việc đời trước của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân để làm chứng. Phật pháp có mười hai bộ loại kinh. Hoặc có người nhận Khế kinh, Phúng tụng, kinh Bản sinh mà được độ; nay Phật đem kinh Bản sinh để làm chứng. Như có người nghe nghĩ rằng, người kia có thể được thời ta cũng có thể được! Vì thế mà nêu nhân duyên đời trước của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân để làm chứng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật nên như Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Nếu Bát-nhã ba-la-mật rất ráo không, không có tướng, thời hành thiền định còn khó được, huống nữa là ưu sầu, khóc lóc, tán tâm tìm cầu mà có thể được?

Đáp: Vì Bồ-tát mới phát tâm nên dẫn nói Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát mới phát tâm, thời mười phương chư Phật làm thế nào hiện ở trước người đó khiến được các tam-muội, không tiếc thân và thấy Đàm-vô-kiệt? Lại, được vô lượng vô số tam-muội, có sao gọi là mới phát tâm?

Đáp: Bồ-tát mới học có hai hạng: Một là tâm đấm trước lớn cái vui thế gian, phát tâm mềm yếu; hai là phát tâm sâu xa, không đấm trước thế gian. Phát tâm mềm yếu thời Phật không cho là phát tâm; phát tâm sâu xa mới gọi là phát tâm. Như trong pháp Thanh văn Phật nói với hai Tỳ-kheo: “Ở trong pháp Ta, cho đến không có chút noãn pháp như mây lông”. Phật xem noãn pháp là rất nhỏ, người phàm phu xem cho là lớn. Thí như vị quốc vương thấy một tấm vải không cho là nhiều, còn người nghèo thấy thời cho là nhiều. Vì nhất tâm không tiếc thân mạng nên nêu Tát-đà-ba-luân làm chứng.

Hỏi: Nếu Bồ-tát Tát-đà-ba-luân có thể khổ hạnh được như vậy, từ nơi Đàm-vô-khiết được các tam-muội, sẽ làm Phật, có gì nay còn ở chỗ Phật Đại Lôi Âm tu hạnh Bồ-tát?

Đáp: Phật pháp vô lượng vô biên, nếu trải qua ngàn vạn vô số kiếp siêng tu khổ hạnh còn không thể được hưởng nữa là Tát-đà-ba-luân một đời khổ hạnh! Lại có Bồ-tát đầy đủ đạo Bồ-tát, mười lực, bốn điều không sợ v.v... vì chúng sinh nên trú ở thế gian, chưa thủ chứng thật tế, như Bồ-tát Văn thù sư lợi v.v... Tát-đà-ba-luân hoặc có thể như vậy nên chưa làm Phật. Tam-muội của Bồ-tát nhiều như số vi trần trong mười phương các cõi nước, mà Tát-đà-ba-luân mới được sáu vạn tam-muội thời đầu đủ cho là nhiều? Phật Đại Lôi Âm như rồng chúa lớn sắp muốn mưa nên làm chấn động sấm sét; chim sẻ, côn trùng nhỏ thấy đều sợ hãi. Phật ấy khi mới Chuyển pháp luân, mười phương chúng sinh đều phát tâm, ngoại đạo tà kiến đều sợ hãi nhiếp phục, nên người trời và chúng sinh xưng gọi Phật là Đại Lôi Âm. Phật ấy nay đang ở trong hiện tại.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân làm thế nào cầu Bát-nhã ba-la-mật? Bồ-tát Tát-đà-ba-luân chưa được bất thoái chuyển, có sao gọi là Bồ-tát ma-ha-tát?

Đáp: Vì có đại tâm lớn nên tuy nhỏ mà cũng gọi là đại. Vì người kia tuy chưa được trí tuệ chơn thật mà có thể nhớ nghĩ sâu Bát-nhã ba-la-mật, do không tiếc thân mạng nên có công đức lớn, cũng gọi là Bồ-tát ma-ha-tát.

Hỏi: Sao gọi là Tát-đà-ba-luân? Tát-đà nghĩa là thường; ba-luân nghĩa là khóc; đó là tên do cha mẹ đặt, hay là tên theo nhân duyên nào?

Đáp: Có người nói: Do vị ấy khi nhỏ ưa khóc nên tên là Thường khóc. Có người nói: Bồ-tát ấy thực hành tâm đại bi nhu nhuyễn nên thấy chúng sinh ở trong đời ác nghèo cùng, già chết, ưu khổ mà thường khóc, vì thế nên mọi người gọi là Tát-đà-ba-luân. Có người nói: Bồ-tát ấy vì cầu Phật đạo, xa lìa mọi người, ở chỗ trống vắng, tâm cầu xa lìa, nhất tâm, suy nghĩ, trừ lượng, siêng cầu Phật

đạo. Đời bấy giờ không có Phật, Bồ-tát ấy thực hành tâm từ bi. Vì có ít nhân duyên nên sinh vào đời không có Phật, vị ấy có tâm bi, đối với chúng sinh muốn siêng năng không dứt, nên ở chỗ rừng núi trống vắng. Vị ấy nhờ nhân duyên đời trước và đời nay nhất tâm, có ước muốn lớn, sức tinh tấn lớn, do hai nhân duyên ấy nên nghe trong hư không có tiếng dạy bảo, không bao lâu liền dứt, tâm lại nghĩ rằng: Tại sao ta không hỏi? Do nhân duyên ấy nên ưu sầu, khóc lóc bảy ngày bảy đêm. Nhân vì thế mà trời, rồng, quỷ, thần gọi là thường khóc. Như Phật đáp Tu-bồ-đề: Đời quá khứ có Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không tiếc thân mạng, không tham tài lợi; khi cầu Bát-nhã, ở rừng đồi trống vắng nghe có tiếng giữa hư không.

Hỏi: Tiếng giữa hư không là tiếng gì?

Đáp: Hoặc chư Phật, Bồ-tát, chư thiên, long vương vì thương xót chúng sinh nên thấy người ấy không đấm trước thế gian, nhất tâm cầu Phật đạo, song vì lúc đó không có Phật pháp nên chư Phật muốn làm nhân duyên mở bày cho người kia được Bát-nhã nên giữa hư không phát ra âm thanh.

Có người nói: Tát-đà-ba-luân là người có nhân duyên lành đời trước, ở trong rừng làm quỷ thần thấy người kia sầu khổ, vì người là nhân duyên đời trước. Lại, quỷ thần ấy cũng cầu Phật đạo; do hai nhân duyên ấy nên phát ra âm thanh.

Như Bà-la-môn Mật-bát vì Tu-đạt-đa mà đi đến thành Vương-xá. Khi đến nhà vị đại trưởng giả hỏi vợ cho con, Mật-bát ở giữa chúng lớn Bà-la-môn của thành Vương-xá, vì ăn uống quá độ, sinh bụng mà chết, nên sinh làm quỷ thần ở trên cửa thành Vương-xá.

Tu-đạt-đa nghe Bà-la-môn ấy đã chết nên tự mình đi đến nhà vị trưởng giả ở lại. Vị trưởng giả cuối đêm thức dậy sớm đủ thức ăn uống, Tu-đạt-đa hỏi: “Ông có việc gì vậy? Vì muốn cưới vợ, gả chồng cho con, hoặc muốn mời đại quốc vương hay vì triều hội, cơ sao sửa soạn gấp rút như vậy?”.

Trưởng giả đáp: “Tôi muốn thỉnh Phật và chúng Tăng”.

Tu-đạt nghe tên Phật thời kinh hãi, mừng rỡ đến dựng lộng. Trưởng giả trước đã được dấu đạo, bèn nói rộng công đức cho Tu-đạt nghe. Tu-đạt-đa nghe xong ưa vui tốt độ nên rất muốn thấy Phật. Do tâm nhớ nghĩ Phật mà đêm ít ngủ, vì tâm nhớ nghĩ Phật chí thiết nên giậy lát thức dậy, giữa đêm thấy trăng sáng cho là mặt trời mọc, liền đứng dậy đi đến cửa, thấy cửa an toàn đã mở. Cửa thành

Vương-xá đầu đêm chưa đóng, vì khách đến; cuối đêm mở sớm, vì khách đi. Đã thấy cửa mở liền đi thẳng đến chỗ Phật.

Lúc ấy Phật đang ở giữa rừng lạnh. Khi đang đi giữa đường trời trăng lặng, trời trở lại tối. Tâm Tu-đạt hồi hận do dự muốn vào thành trở lại.

Bấy giờ thần Mật-bát phóng ánh sáng nơi thân chiếu khắp khu rừng vắng, bảo: “Này cư sĩ, cư sĩ chớ sợ hãi, cứ đi, đừng trở lại. Đi thời được lợi ích lớn”, như trong kinh đây nói rộng. Tu-đạt-đa thấy Phật thời chứng được quả Tu-đà-hoàn, thỉnh Phật và Tỳ-kheo tăng đến nước Xá-vệ, suốt đời cúng dường. Phật sai Xá-lợi-phất làm thầy Tu-đạt-đa, ở tại nước Xá-vệ dựng tinh xá. Như vị thần tri thức của Tu-đạt chỉ đường, thiện tri thức của Tát-đà-ba-luân cũng chỉ đường như vậy. Thế nên thấy người kia sầu khổ mà chỉ đường, nói rằng: Này thiện nam tử, ông từ đây đi về phương đông, trong khi đi chớ nghĩ đến mỗi mệt v.v...

Hỏi: Mỗi mệt, đói khát, lửa đến bức thân, vì sao không nghĩ đến?

Đáp: Vì sức muốn tinh tấn nên nhất tâm ưa vui Phật đạo mà không tiếc thân mạng. Những việc nghỉ ngơi, ăn uống đều là giúp cho thân, việc ấy tuy đến mà không làm loạn tâm, vì đều vô thường, hư vọng, không thật như giấc, như oán, chỉ làm vui cho thân, nên đâu đủ để nghĩ đến? Nên chớ vì đói khát, mệt nhọc mà bỏ Phật đạo.

Chớ nghĩ đến ngày đêm là chớ nghĩ đến ngày tu hành, đêm phải nghỉ ngơi. Thật ra không có ngày đêm, vì có sao? Vì mặt trời bị bóng núi Tu-di che khuất nên gọi là đêm.

Chớ nghĩ đến trong ngoài là chúng sinh phần nhiều đắm trước pháp bên trong. Pháp bên trong là thân, pháp bên ngoài là năm dục. Pháp trong ngoài không nhất định, vì tính không, nên không nên đắm trước.

Chớ xem phải trái là do tâm tà vậy mà hành đạo nên mới xem phải, xem trái. Hành giả không có việc gì phải xem lui sau, còn trước mặt thời không thể không xem, nên chỉ nói chớ xem phải, trái.

\* Lại nữa, ma thường làm loạn và mê hoặc hành giả: Hoặc hiện các hình tướng, hiện sắc đẹp, hiện làm thú dữ ở hai bên phải trái, cho nên chớ xem. Đây đều là nắn đứt tâm niệm thô động.

Chớ hủy hoại tướng thân và tướng sắc là, năm uẩn hòa hợp nên giả gọi là thân. Nếu nói nhất định có thân ấy riêng thời là phá hoại thân tướng; nếu đắm pháp

không có thân cũng là hủy hoại thân tướng. Lìa tướng một, khác, có, không, ấy mà thực hành trung đạo thời mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì thế nên nói chớ hủy hoại tướng thân. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu hủy hoại các tướng ấy thời đối với Phật pháp có chướng ngại.

Phật pháp có chướng ngại là phải qua lại trong năm đường sinh tử, không thể được Bát-nhã ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân đáp lại tiếng giữa hư không mà tự nói nhân duyên: Tát-đà-ba-luân thấy hết thấy chúng sinh đọa trong chỗ vô minh tăm tối, ta muốn vì họ thấp ánh sáng trí tuệ. Hết thấy chúng sinh có hết thấy phiền não, ta muốn thiết lập hết thấy thứ thuốc Phật pháp, vì hết thấy chúng sinh đều đọa vào đường tà nên ta cầu đạo vô thượng. Ba thệ nguyện ấy khi được Bát-nhã ba-la-mật thời có thể đầy đủ; thế nên nói là thọ giáo.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân không thấy hình tướng người kia, chỉ nghe âm thanh người kia, có sao lại nói là thọ giáo?

Đáp: Như người tìm việc gấp, nên nghe tiếng liền cảm ứng. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy.

\* Lại nữa, nghe người kia nói lí lẽ hay ho thời biết người kia cũng hay ho nên không cần mắt thấy. Như trong chỗ tối tăm có các chúng sinh mắt tuy không trông thấy mà nghe tiếng nói cũng biết nó loại gì.

Bấy giờ tiếng giữa hư không lại tán thán rằng lành thay. Người đó tuy không thấy hình tướng mà có thể tín thọ lời nói để thực hành. Lại người đó muốn độ hết thấy chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tâm không biếng nhác, dừng nghỉ. Có các nhân duyên như vậy nên tán thán lành thay.

Đối với ba môn giải thoát nên sinh tín tâm là, ba môn ấy là cửa vào thật tướng các pháp, lìa ba môn ấy đều là hư dối, không có chơn thật. Người tuy chưa được mà nhờ sinh tín căn, tín lực lớn; vì tín căn tín lực nên dần dần đầy đủ các căn.

Đem tâm lìa tướng mà cầu Bát-nhã ba-la-mật là, quán các pháp rốt ráo không, lìa tướng chúng sinh, lìa tướng pháp.

Hỏi: Ba môn giải thoát thu nhiếp vào hết trong Bát-nhã chăng? Nếu thu nhiếp thời có gì lại nói riêng? nếu không thu nhiếp thời có gì nói hết thấy pháp trợ đạo đều thu nhiếp trong Bát-nhã?



Đáp: Hết thầy pháp đều vào trong Bát-nhã. Con người đều vì sợ khổ nên cầu giải thoát. Cho nên đối với phần Bát-nhã trước tiên nói ba môn giải thoát. Do nhân duyên gì được giải thoát ấy? Do lia hai bên là tướng chúng sinh và tướng pháp mà hành Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Trước tiên dạy tinh tấn, sau dạy ba môn giải thoát và Bát-nhã; nay lại muốn vì việc gì nữa nên dạy gần gũi thiện tri thức?

Đáp: Tuy có pháp tốt lành song nếu không ai dạy thời tuy có thực hành mà sai lầm nhiều; thí như tuy có thuốc tốt mà cũng cần có thầy thuốc giỏi. Lại, Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát mới phát tâm, mà Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa, làm sao chỉ nghe giữa hư không dạy sơ lược mà có thể đầy đủ được? Nên dạy rằng, phải thân cận thiện tri thức. Ý nghĩa thiện tri thức như trước đã nói, nay lược nói hai tướng thiện tri thức: Một là dạy nhất tâm hướng đến Nhất thiết trí; hai là dạy pháp Bát-nhã ba-la-mật không, vô tướng, vô tác, không sinh, không diệt v.v... Nếu dạy được như vậy thời không bao lâu được Bát-nhã ba-la-mật; như thầy thuốc vì người bệnh nói cách uống thuốc: Ông có thể uống đúng cách thời bệnh mau lành.

Hoặc nghe từ trong kinh, từ Bồ-tát nói là, khiến Tát-đà-ba-luân đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-khiết, ở đó hai nơi có Bát-nhã: Một là quyển sách vàng ở trên đài báu; hai là Bồ-tát Đàm-vô-khiết nói. Nếu người có nhiều phước đức thời nghe từ Đàm-vô-khiết; người có phước đức ít thời nghe từ quyển kinh. Đối với thầy sinh tâm tưởng như Phật, vì là nhân duyên dạy cho Phật đạo. Kẻ tiểu nhân ở thế gian khi được việc rồi thời quên mất ơn nghĩa, nghĩ rằng: Như người cưỡi thuyền qua sông, đến bờ kia rồi cần gì chiếc bè. Vì thế nên nói: Ông nên biết ơn, nên nghĩ rằng, từ người đó ta nghe được Bát-nhã, tức là thiện tri thức của ta. Trong tất cả lợi ích, lợi ích của Bát-nhã là hơn hết. Thực hành Bát-nhã ấy mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thoái chuyển. Lại, nhân thực hành Bát-nhã nên gần gũi chư Phật, thường sinh trong nước có Phật, xa lìa chỗ tám nạn, được gặp Phật ở đời. Bồ-tát nên nghĩ rằng: Ta được các công đức như vậy đều từ Bát-nhã, mà Bát-nhã ba-la-mật từ nơi thầy mà có được; vì thế nên xem thầy như Phật. Có người nói: Được Bát-nhã ba-la-mật thời có phước đức lớn, nhiều thiện tri thức, được nhiều cúng dường.

Đệ tử lúc đầu vì Bát-nhã nên theo thầy, nhưng sau dần dần vì cúng dường, lợi dưỡng. Vì thế nên nói chớ vì lợi dưỡng thế gian đi theo thầy.

Hỏi: Vì có gì không chỉ nói thân cận thiện tri thức mà còn nói các nhân duyên ấy?

Đáp: Có người đã được thiện tri thức mà không được vừa ý, trở lại thành oán thù, nên bị đọa vào địa ngục, lại hủy báng nhau. Duy chỉ có Phật mới không có các lỗi lầm, còn những người khác, ai có thể không có lỗi lầm? Đệ tử thấy lỗi của thầy hoặc thật hoặc hư, tâm người đó tự bại hoại, không còn được lợi ích của pháp. Thế nên tiếng nói giữa hư không dạy rằng: Nếu thấy lỗi thầy chớ khởi tâm hiềm hận, mà nên nghĩ rằng phước đức đời trước của ta không đầy đủ nên không được gặp Phật. Nay gặp vị thầy thực hành hỗn tạp ấy, ta không nên nghĩ đến tội lỗi của người đó để rồi ngăn mất Bát-nhã của mình. Tội lỗi của thầy không dính gì ta, ta chỉ theo thầy thọ học Bát-nhã ba-la-mật. Thí như da chó đựng vật báu, không nên vì da mà bỏ vật báu; như người tội cầm đuốc soi đường, không thể vì người tội mà không chịu ánh sáng ấy để tự rơi vào hầm hố. Lại, như đi xa có kẻ tiểu nhân dẫn đường, không thể vì người nhỏ nên không theo lời họ. Có các nhân duyên như vậy, nên không nên xa lìa thầy. Thầy nếu thật có tội còn không nên xa lìa, huống nữa trong đây do ma biến trá khiến người thuyết pháp đắm năm dục thâm diệu khiến đệ tử không nhiệm trước pháp! Người thuyết pháp vì phương tiện nên thị hiện lãnh thọ cúng dường. Phương tiện là muốn làm nhân duyên cho chúng sinh gieo phước, cũng vì lấy đồng sự nhiếp mà nhiếp hóa chúng sinh. Lại có các Bồ-tát vì thông đạt thật tướng các pháp nên không bị chướng ngại, không có tội lỗi; tuy có tội lỗi cũng không trở ngại, như người tuổi trẻ sức mạnh, lửa nóng trong bụng, tuy không thích ăn uống mà không sinh bệnh. Lại như có thuốc tốt, tuy bị chất độc mà không thể làm hại. Có các nhân duyên như vậy nên chớ khởi tâm hiềm hận mà mất Bát-nhã của mình như trong kinh đây nói. Lại có người thuyết pháp trì giới thanh tịnh, xa lìa năm dục, hiểu nhiều biết nhiều, có tiếng tăm tốt, oai đức tôn trọng, đệ tử thọ pháp mà không đoái nghĩ đến lợi lộc của đệ tử; nơi đó ông chớ sinh oán hận, mà nên nghĩ rằng, vì tội ta đời trước nên nay làm tiểu nhân. Thầy không khinh ta, mà ta tự vô phước nên không được gần gũi. Lại, ta ở chỗ thầy nên phá tâm kiêu mạn, tâm vì lợi cầu pháp. Có các hạng thầy như vậy, Bồ-tát vì cầu Bát-nhã ba-la-mật nên chỉ nhất tâm cung kính, không nghĩ đến chỗ hay dở của thầy. Nếu nhấn nhục được như vậy, đối với thầy nhất tâm, không khởi tâm thêm bớt thời ông ở chỗ thầy được nhiều diệu pháp; như đồ vật hoàn hảo bền chắc, đựng gì cũng không lọt mất.

Tát-đà-ba-luân nghe tiếng nói giữa hư không xong, từ đó đi về phương đông như trong kinh này nói rộng.

(Hết cuốn 96 theo bản Hán)

--o0o--

## Cuốn 97

KINH: Bảy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lãnh thọ lời dạy giữa hư không xong, từ đây đi về phương đông; đi không bao lâu lại nghĩ rằng: Tại sao ta không hỏi tiếng nói giữa hư không: Ta sẽ đi đến chỗ nào, sẽ đi xa hay gần, sẽ theo ai nghe Bát-nhã ba-la-mật? Khi ấy liền đứng lại, khóc lóc, ưu sầu, nghĩ rằng: Ta đứng nơi đây quá một ngày một đêm; hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày bảy đêm, không nghĩ đến mỗi một, cho đến không nghĩ đến đói khát, lạnh nóng; không có nhân duyên nghe, lãnh thọ Bát-nhã ba-la-mật thời không bao giờ cất bước. Thí như người có một đứa con chết đột ngột, ưu sầu, khổ sở, chỉ ôm lòng áo nảo, không nghĩ đến việc gì khác. Như vậy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lúc bảy giờ không có tâm khác, chỉ nghĩ đến ta lúc nào sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật? Tại sao ta không hỏi âm thanh giữa hư không: Ta nên đi đến chỗ nào? Sẽ đi xa hay gần? Sẽ theo ai nghe Bát-nhã ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề, khi Tát-đà-ba-luân ưu sầu nghĩ tưởng như vậy, giữa hư không có Phật nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng như người ngày nay. Con do sự siêng năng tinh tấn, ưa vui pháp, nên từ đây đi về phương đông, cách đây 500 do tuần, có thành gọi là Chúng Hương. Thành kia có bảy lớp bảy báu trang nghiêm. Đền đài, quán xá, lan can đều trang sức bằng bảy báu. Ao bảy báu, hàng cây bảy báu bao quanh bảy lớp. Thành ấy ngang dọc mười hai do tuần; giàu, vui, yên tịnh; nhân dân thịnh vượng. Năm trăm làng chợ, đường ngõ tương đương, đẹp đẽ như tranh vẽ, cầu đồ như đất, rộng rãi thanh tịnh. Trên bảy lớp thành đều có lầu đài bảy báu, cây báu thành hàng, cành lá bằng vàng ròng bạc trắng, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, lưu ly, pha lê, ngọc báu sắc hồng. Dây báu giăng hàng, lưới linh bằng vàng trồng lên trên thành, gió thổi tiếng linh âm thanh hòa nhã làm vui chúng sinh, giống như khéo làm năm thứ nhạc rất vui thích; lưới vàng, linh báu có âm thanh như vậy. Bốn phía thành kia có ao nước chảy trong sạch, lạnh ấm tùy theo sở thích; giữa ao có thuyền trang sức bằng bảy báu do nghiệp đời trước gây dựng, chúng sinh cưỡi trên thuyền báu ấy vui chơi thích thú. Trong ao nước có các hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng xen lộn, các hoa đẹp trải khắp trên mặt nước. Các hoa có được trong thế giới

ba ngàn đại thiên đều ở trong đây. Bốn phía thành kia có năm trăm vườn quán có bảy báu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Trong mỗi mỗi vườn đều có năm trăm ao, mỗi ao ngang dọc mười dặm, đều do bảy báu làm thành, trang nghiêm đủ màu sắc. Trong ao nước cũng có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng trải khắp trên nước, các hoa sen ấy lớn như bánh xe; hoa màu xanh ánh sáng xanh, hoa màu vàng ánh sáng vàng, hoa màu đỏ ánh sáng đỏ, hoa màu trắng ánh sáng trắng. Chim cưu, nhạn, oang ương, các loài chim khác ở trong ao nước phát âm thanh hòa hợp. Các vườn quán ấy không thuộc của ai, mà là do nghiệp đời trước của chúng sinh làm nên. Do nhân duyên đem dài tin vui pháp thâm diệu mà hành Bát-nhã ba-la-mật nên thọ hưởng quả báo ấy. Nay thiện nam tử, trong thành Chúng Hương ấy có đài cao lớn, cung điện của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trên đó. Cung điện kia ngang dọc một do tuần, đều trang sức bằng bảy báu với nhiều màu sắc trang nghiêm rất đáng ưa vui. Tường vách bảy tầng đều bằng bảy báu, lan can bảy lớp, lầu gác bảy báu, ao báu bảy lớp cũng đều bằng bảy báu. Ao sâu bao quanh vườn, bảy báu trùng điệp. Hàng cây bảy lớp, cành lá bảy báu bảy lớp bao quanh. Trong cung điện kia có bốn loại vườn vui thích: Một là thường vui; hai là lìa buồn; ba là tô điểm bằng hoa; bốn là tô điểm bằng hương. Trong mỗi mỗi vườn đều có các ao: một là hiền; hai là hiền hơn; ba là vui vẻ; bốn là vui vẻ hơn; năm là yên ổn; sáu là yên ổn hơn; bảy là xa lìa; tám là không thoái chuyển. Bốn phía các ao, mỗi mặt đều có một thứ báu bằng vàng ròng, bạc trắng, lưu ly, pha lê, vấn quý làm đáy ao, bên trên rải cát vàng. Cạnh mỗi mỗi ao có thêm tám bậc, trang sức bằng các thứ báu vi diệu. Giữa các bậc thêm có hàng cây chuỗi màu vàng Diêm-phù-đề. Trong tất cả các ao, các thứ hoa sen xanh, vàng, đỏ trắng trải khắp trên mặt nước. Bốn phía các ao sinh cây hoa đẹp, gió thổi các hoa rơi vào ao nước. Ao kia thành tựu tám công đức, hương thơm như chiên đàn; màu sắc, mùi vị đầy đủ, nhẹ và mềm mại. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với sáu vạn tám ngàn kỹ nữ, năm chục đầy đủ, cùng nhau vui thích và nam nữ trong thành đều vào trong các vườn thường vui, lìa lo v.v... Trong các ao hiền, hiền hơn v.v... có năm chục đầy đủ, cùng nhau vui thích. Nay thiện nam tử, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với các thể nữ giỡn chơi vui thích rồi, mỗi ngày ba buổi nói Bát-nhã ba-la-mật; trai gái lớn nhỏ trong thành Chúng Hương, nơi có nhiều người nhóm họp trải tòa pháp lớn, bốn chân tòa kia hoặc bằng vàng ròng, hoặc bằng bạc trắng, bằng lưu ly, pha lê; trải nệm the đủ các màu sắc, treo các dây màn, lẩy lụa trắng trải lên trên đó, rải các thứ hoa thơm. Tòa cao năm dặm, giăng trướng ngọc trắng. Bốn phía đất kia rải hoa năm màu, đốt các hương thơm nổi tiếng, rưới hương bôi trên đất để cung kính cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trên tòa ấy nói Bát-nhã ba-la-mật. Những người kia

cung kính cúng dường Đam-vô-kiệt như vậy là vì muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật. Trăm ngàn vạn chúng nơi đại hội ấy gồm chư thiên, người đời tập họp một chỗ, trong đó có người nghe, có người lãnh thọ, có người nắm giữ, có người đọc tụng, có người viết chép, có người nhớ nghĩ đúng, có người thực hành như kinh nói. Khi ấy, chúng sinh do nhân duyên đó đều không bị đọa vào ác đạo, không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay con, thiện nam tử, hãy đi đến chỗ Bồ-tát Đam-vô-kiệt sẽ nghe Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Đam-vô-kiệt đời đời là thiện tri thức của con, có thể dạy cho con Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chỉ bày, dạy bảo, làm lợi ích vui mừng. Bồ-tát Đam-vô-kiệt xưa kia khi cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng như con ngày nay vậy. Con đi chớ kể ngày đêm, chớ sinh tâm chướng ngại, không bao lâu con sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân tâm hoan hỷ, vui vẻ nghĩ rằng: Lúc nào ta sẽ được gặp thiện nam tử ấy, được nghe Bát-nhã ba-la-mật? Thí như có người bị trúng tên độc bèn không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ lúc nào sẽ gặp được thầy thuốc giỏi, nhổ tên độc ra, trừ khổ cho ta. Như vậy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không có nghĩ gì khác, chỉ ước nguyện rằng: Khi nào ta sẽ được gặp Bồ-tát Đam-vô-kiệt để ta được nghe Bát-nhã ba-la-mật? Ta nghe Bát-nhã ba-la-mật ấy mà dứt các tâm sở hữu?

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân từ chỗ đang ở, nghĩ đến Bồ-tát Đam-vô-kiệt, đối với hết thấy pháp được thấy biết không chướng ngại, liền được vô lượng môn tam-muội hiện ra trước mắt, đó là: Môn tam-muội Quán các pháp tính, môn tam-muội Các pháp tính không thể có được, môn tam-muội Phá vô minh đối với các pháp, môn tam-muội Các pháp không khác, môn tam-muội Các pháp không hư hoại tự tại, môn tam-muội Các pháp hay chiếu sáng, môn tam-muội Các pháp lìa tối, môn tam-muội Các pháp không có tương tục khác, môn tam-muội Các pháp không thể có được, môn tam-muội Rải hoa các pháp vô ngã, môn tam-muội Uy thế như huyễn; môn tam-muội Như tượng trong gương, môn tam-muội Được biết ngôn ngữ hết thấy chúng sinh, môn tam-muội Hết thấy chúng sinh hoan hỷ, môn tam-muội Vào phân biệt âm thanh, môn tam-muội Được mỗi mỗi ngôn ngữ tự cú trang nghiêm, môn tam-muội Không sợ, môn tam-muội Tính thường im lặng, môn tam-muội Được giải thoát không ngại, môn tam-muội Lìa trần cấu, môn tam-muội Lìa danh tự ngữ cú trang nghiêm, môn tam-muội Thấy các pháp, môn tam-muội Các pháp không có ngại gì, môn tam-muội Như hư không, môn tam-muội Như kim cương, môn tam-muội Không sợ nhiễm đấm sắc, môn tam-muội Được thắng, môn tam-muội Chuyển mắt, môn tam-muội Rốt ráo pháp tính, môn

tam-muội Hay cho yên ổn, môn tam-muội Sư tử rống, môn tam-muội Hòn hết thầy chúng sinh, môn tam-muội Hoa trang nghiêm, môn tam-muội Dứt nghi, môn tam-muội Theo hết thầy kiên cố, môn tam-muội Xuất sinh các pháp được sức thần thông không sợ, môn tam-muội Có thể thông đạt các pháp, môn tam-muội Các pháp tài ẩn, môn tam-muội Các pháp không có phân biệt thấy, môn tam-muội Lìa các kiến chấp, môn tam-muội Lìa hết thầy tối tăm, môn tam-muội Lìa hết thầy tướng, môn tam-muội Giải thoát hết thầy nhiễm trước, môn tam-muội Trừ hết thầy giải đãi, môn tam-muội Được pháp sâu xa vi diệu sáng tỏ, môn tam-muội Không thể cướp đoạt, môn tam-muội Phá ma, môn tam-muội Không đắm trước ba cõi, môn tam-muội Khởi lên ánh sáng, môn tam-muội Thấy chư Phật v.v... Như vậy, Tát-đà-ba-luân ở trong các môn tam-muội ấy liền thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật, vì các hàng Bồ-tát nói Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Tát-đà-ba-luân vì có gì quên không hỏi âm thanh giữa hư không?

Đáp: Tát-đà-ba-luân vì việc quá hoan hỷ che tâm nên quên. Như người quá ưu sầu, quá hoan hỷ, do hai việc ấy nên quên.

Hỏi: Âm thanh giữa hư không đã diệt, có gì ở đó bảy ngày mà không trở lại tìm chỗ để hỏi?

Đáp: Như xưa ở chỗ trống vắng, vì nhất tâm cầu Bát-nhã ba-la-mật nên giữa hư không có tiếng. Nay cũng muốn nhất tâm như xưa, mong trở lại nghe tiếng để dứt nghi ngờ.

\* Lại nữa, Tát-đà-ba-luân đã bỏ cái vui thế gian, vào sâu Phật đạo, tâm ưa thích đến cùng tột, âm thanh giữa hư không tuyên bảo, mở bày cho chút ít, rốt cuộc chưa dứt được nghi thời âm thanh kia liền dứt. Như trẻ con được chút ít vị ngon, vì ưa đắm vị nên lại khóc lóc muốn được nữa. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, được nhân duyên mùi vị của Bát-nhã ba-la-mật mà không thể thông đạt nên chẳng biết đi đâu, thế nên trú lại mà khóc lóc.

Hỏi: Có gì cho đến bảy ngày thân Phật mới hiện?

Đáp: Thí như người quá khát mới biết nước ngon. Hoặc hai ngày, ba ngày tinh tấn, ham muốn chưa sâu, nếu quá bảy ngày sợ người kia ưu sầu chướng ngại tâm, không còn chịu cầu đạo, nên bảy ngày ưu sầu, như thí dụ trong kinh đây nói.

Hỏi: Có gì Tát-đà-ba-luân ưu sầu đến thế, như có đứa con yêu quý chết?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật là đệ nhất thật giữa các pháp, là pháp bảo chơn thật của mười phương chư Phật. Tát-đà-ba-luân được chút ít ý vị, vì chưa đủ nên ưu sàu, như đứa con yêu quý chết, nghĩ rằng: Khi nó khôn lớn, có nhiều việc thành đạt thời trông mong nhờ vào sức nó. Bồ-tát cũng như vậy, nghĩ đến tăng ích sức Bát-nhã ba-la-mật, được không thoái chuyển rồi, thời thành tựu việc Phật. Như con đối với cha, hiếu hạnh suốt đời, không có tâm đổi khác. Bát-nhã ba-la-mật đối với Bồ-tát cũng như vậy, nếu có thể được vào cho đến thành Phật, trọn không xa lìa; như cha thấy con, tâm liền vui vẻ. Bồ-tát tuy được mỗi mỗi pháp cũng không hoan hỷ như thấy được Bát-nhã ba-la-mật. Như đứa con, giả có tên đó, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, không, không nhất định thật có, chỉ có tên giả; như vậy là nhân duyên tướng chung.

Cha tuy yêu con, song không thể đem đầu, mắt cho nó; Bồ-tát vì Bát-nhã ba-la-mật nên trong vô lượng đời đem đầu, mắt, tủy, não thí cho chúng sinh. Con đối với cha hoặc có khi không thể báo ân, hoặc có thể báo ân, ngay cả có thể làm lợi nhỏ trong hiện tại như cung cấp cơm áo, hoan lạc v.v... còn Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật không điều gì không làm được, cho đến hết thầy trí tuệ, hưởng gì thế lực của Bồ-tát và sự giàu vui thế gian. Con báo ân cha thời ân cùng cực chỉ một đời, còn sự lợi ích của Bát-nhã đến vô lượng đời, cho đến khi thành Phật. Con đối với cha hoặc tốt hoặc xấu, còn Bát-nhã ba-la-mật không điều gì không tốt. Con chỉ là tên giả, hư dối không thật, còn Bát-nhã ba-la-mật là thánh pháp chơn thật, không có hư dối. Sự báo ân của con tuy đem lại cái vui nhỏ hiện tại, song có vô lượng cái ưu sàu khổ não, còn Bát-nhã ba-la-mật chỉ đưa đến cái vui chơn thật, hoan hỷ, cho đến cái vui thành Phật. Con chỉ có thể cung dưỡng lợi ích cho cha, không thể cứu cha khỏi sinh, già, bệnh, chết, còn Bát-nhã ba-la-mật khiến Bồ-tát rốt ráo thanh tịnh, không còn già, bệnh, chết. Con chỉ có thể làm cho cha được tự tại trong cái vui thế gian, còn Bát-nhã ba-la-mật có thể làm cho Bồ-tát làm chủ hết thầy thế gian trời người. Có các nhân duyên và thí dụ sai khác như vậy. Người đời biết việc ưu sàu vì con chết, nên lấy đó làm ví dụ.

Hỏi: Phật hiện ra giữa hư không là Phật nào? Có sao trước chỉ có âm thanh, mà nay hiện thân? Phật đã hiện thân có sao không độ liền mà bảo đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?

Đáp: Chẳng phải chơn Phật, chỉ là ảnh tượng hiện ra, hoặc Phật khiến hóa Phật, hoặc đại Bồ-tát hiện làm Phật. Vì phước đức thiện căn đời trước nên chỉ nghe âm thanh. Nay sau bảy ngày bảy đêm, nhất tâm niệm Phật, công đức thành tựu nên được thấy thân Phật. Phật sở dĩ không độ liền, vì người kia đời

đời có nhân duyên với Đam-vô-kiệt, nên sẽ từ nơi đó được độ. Có người nên theo Xá-lợi-phát được độ, giả sử Phật hiện thân cũng không thể làm cho giác ngộ.

Phật tán thán lành thay là, vì Tát-đà-ba-luân chí tâm cầu muốn biết chỗ đến và nhân duyên nghe Bát-nhã nên Phật hiện thân mà tán thán lành thay. Chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát, cầu Bát-nhã cũng siêng khổ như vậy. Vì mới phát tâm mà tội cũ còn dày nặng nên phước đức chưa tập hợp. Phật an ủi tâm người kia rằng: Người cầu Bát-nhã ba-la-mật tuy siêng khổ cũng chớ giải đãi, chớ sinh tâm thoái mất. Hết thấy chúng sinh có được kết quả tu hành, thời trong khi tu nhân đều khổ. Lúc hưởng quả được vui, nên suy nghĩ rằng, vô lượng công đức quả báo của chư Phật đều do tự các ngài siêng năng gắng gổ. An ủi như vậy rồi, nói rằng: Con từ đây đi về phương đông, cách 500 do tuần có thành gọi là Chúng Hương, không bao lâu sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Thành Chúng Hương ở chỗ nào?

Đáp: Sau khi Phật quá khứ diệt độ, chỉ có để lại giáo pháp. Giáo pháp ấy không trải khắp Diêm-phù-đề, chỉ chỗ nào chúng sinh có nhân duyên nghe pháp thời đi đến. Bấy giờ cõi nước Chúng Hương giàu vui, sinh nhiều bảy báu nên lấy bảy báu làm thành. Khi ấy Tát-đà-ba-luân tuy cùng ở cõi Diêm-phù-đề mà sinh ở chỗ không có Phật pháp, không có bảy báu sinh ra, chỉ nghe truyền tên Phật, tên Bát-nhã ba-la-mật là Phật đạo. Người ấy đời trước chứa nhiều phước đức, phiền não nhẹ ít, nghe liền tin vui, nhàm ghét vui thú thế tục, xa lìa thân thuộc, đi đến ở giữa rừng vắng, muốn đi đến cõi nước có Phật pháp.

Âm thanh mở bày lời nói là, sợ người kia đi đến chỗ khác mà không đi đến chỗ Bồ-tát Đam-vô-kiệt, cho nên nói, tiếp sau Phật hiện thân chỉ rõ chỗ đi đến.

Hỏi: Nhân duyên về Tát-đà-ba-luân đã nghe đủ ở trên, nay nhân duyên về Đam-vô-kiệt như thế nào?

Đáp: Uất-già-đà, Trung Hoa dịch là Thịnh; Đạt-ma, Trung Hoa dịch là Pháp. Bồ-tát ấy ở trong thành Chúng hương theo ý thuyết pháp cho chúng sinh, khiến chúng sinh gieo rộng căn lành nên gọi là Pháp thịnh. Nước ấy không có vua, trong đó nhân dân đều không có chấp tôi, ta; như người châu Uất-đơn-việt, duy chỉ Bồ-tát Đam-vô-kiệt là chủ. Nước đó khó đến được. Tát-đà-ba-luân nhờ không tiếc thân mạng, lại được chư Phật, Bồ-tát tiếp trợ nên đến được. Đại Bồ-tát vì độ chúng sinh nên sinh trong cõi nước như thế, chúng sinh không có thiếu thốn gì, tâm họ điều hòa nhu nhuyễn, dễ có thể được độ.



Hỏi: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là thân do cha mẹ sinh, hay vì độ chúng sinh nên dùng sức thần thông hóa làm thân ấy? Nếu là thân của phước báo thời cần gì dùng sáu vạn thể nữ, vườn quán, ao tắm, các thứ trang nghiêm để tự vui thích? Nếu là thân do cha mẹ sinh thời làm sao có thể khiến Tát-đà-ba-luân cúng dường đầy đủ, đều ở giữa hư không hóa thành đài lớn, vào các tam-muội, trải qua bảy năm?

Đáp: Có người nói, đó là thân do cha mẹ sinh. Vì Bồ-tát được thật tướng các pháp và sức thần thông thiên định nên muốn độ chúng sinh trong thành ấy; như các Bồ-tát lợi căn trong thành khác, có thể vào thiên định, cũng có thể vào cõi Dục. Vì nhiếp hóa chúng sinh nên thọ năm dục mà không mất thiên định; thí như người tránh nóng nên nằm ở trong bùn, khi đứng dậy trở lại rửa sạch như cũ; còn phàm phu căn độn nên không thể làm được như vậy. Vì vậy mà dùng sức thần thông hóa làm đài hoa, bảy năm vào định. Lại, vì sức phương tiện nên có thể thọ năm dục, ý nghĩa như trước nói. Bồ-tát không chỉ hành một đạo, mà vì chúng sinh nên hành đủ các đạo để diu dắt. Như rồng nổi mây, sấm sét, giông tố, mưa trận mưa lớn. Bồ-tát cũng như vậy, tuy là thân do cha mẹ sinh chưa lìa phiền não, mà có thể tu hành pháp lành, vì chúng sinh nên không dứt hết kiết sử.

Có người nói: Bồ-tát này là thân do pháp tính sinh. Vì độ chúng sinh trong thành Chúng Hương nên biến hóa mà độ; nếu là thân do cha mẹ sinh thời làm sao được mười phương Phật khen ngợi và khiến Tát-đà-ba-luân đi theo thọ pháp, được sáu vạn tam-muội? Thế nên biết, đó là đại Bồ-tát hóa thân. Thí như tướng rồng chết xuất hiện trong biển lớn; như quả chín thời phải rơi, khi ấy chim Cánh vàng đi đến ăn. Chúng sinh cũng như vậy, khi nghiệp nhân duyên chín mùi thời đại Bồ-tát đến độ.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghe tiếng Phật dạy giữa hư không nên sinh tâm rất hoan hỷ, rất ham muốn: Khi nào ta sẽ được gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói Bát-nhã ba-la-mật để làm cho mũi tên phiền não ái kiến trong tâm ta ra khỏi? Vì muốn làm rõ việc ấy nên trong đây Phật nói ví dụ mũi tên độc: Như người bị mũi tên độc vào thân liền không có nghĩ gì khác, mà chỉ nghĩ đến đau khổ cấp bách; và mũi tên độc không lấy ra mau thời độc chạy khắp mình mà mất mạng. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, bị mũi tên có tầm chất độc tà nghi và mũi tên tham dục vào tâm, do đã thấy mọi người vì mũi tên độc tà kiến làm tổn thương tâm và sợ mũi tên độc tham dục chạy khắp mình, cướp mất mạng trí tuệ, phải chết như người phàm nên nghe nói Bồ-tát Đàm-vô-kiệt có thể lấy mũi tên ấy ra thời gấp rút muốn gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, chứ không còn nghĩ gì khác.

Trong đây, nói dứt các tâm sở hữu. Tâm sở hữu là tâm thủ tướng chấp trước, cho đến đối với pháp lành cũng có bệnh ấy. Tát-đà-ba-luân mắt trông thấy thân Phật, trước đó chưa từng thấy, theo Phật nghe dạy, được cái vui pháp nên xa lìa cái vui năm dục, liền được thấy biết không ngại đối với hết thầy pháp.

Thấy biết không ngại là, như sức của Tát-đà-ba-luân được thấy biết không ngại, chẳng phải Phật không ngại. Khi ấy được vào các môn tam-muội.

Môn tam-muội Quán các pháp tính là, môn tam-muội có thể quán thật tính các pháp.

Môn tam-muội Thật tính các pháp không thể có được là, lúc đầu được tam-muội là không, không sinh, không diệt, nay được tam-muội này là được không nhiễm trước tính ấy, không cho rằng được tính ấy có tướng quyết định.

Môn tam-muội Phá vô minh đối với các pháp là, các pháp ở trong tâm người phạm phu, vì vô minh nên quanh co bất chính, cho là thường, lạc, ngã, tịnh. Được tam-muội này thời vô minh tương ứng với điên đảo, chấp thường, lạc, ngã, tịnh bị phá; chỉ quán hết thầy pháp vô thường, không, vô ngã.

Hỏi: Như Bồ-tát phá được vô minh đối với các pháp còn không cần thấy Phật, cần gì phải đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?

Đáp: Phá vô minh không chỉ có một thứ mà có thứ ngăn chặn không cho phát khởi, cũng gọi là phá. Vì chúng được thật tướng các pháp nên phá vô minh.

Lại, vô minh có rất nhiều loại: Có phần Bồ-tát phá, có phần Phật phá, có phần Bồ-tát nhỏ phá, có phần Bồ-tát lớn phá, như trước nói ví dụ ngọn đèn.

Lại, Tu-đà-hoàn cũng gọi là phá vô minh, cho đến A-la-hán mới là thật phá. Trong pháp Đại thừa cũng như vậy, Bồ-tát mới phát tâm vì hiểu được thật tướng các pháp nên cũng gọi là phá vô minh, cho đến Phật thời vô minh phá hết không còn thừa. Thế nên Tát-đà-ba-luân có vô minh tà kiến và ngã kiến, đối với Phật pháp đều phá hết nên được gọi là tam-muội Phá vô minh, không lỗi.

Môn tam-muội Các pháp không sai khác là, được tam-muội ấy thời quán hết thầy pháp một tướng tức là vô tướng.

Môn tam-muội Các pháp không hư hoại tự tại là, được tam-muội ấy thời quán hết thầy pháp như, pháp tính, thật tế, vô vi nên gọi là không hư hoại. Được pháp ấy rồi được tự tại, biết rõ ràng các pháp; vì cầu Phật đạo nên không thủ chứng pháp ấy.

Môn tam-muội Các pháp có thể chiếu sáng là, do tướng chung, tướng riêng mà biết hết thầy pháp.

Môn tam-muội Các pháp lìa tối tăm là, vô minh có hai, một là dày, hai là mỏng. Mỏng gọi là vô minh; dày gọi là tối tăm. Pháp vô minh dày nên gọi là lìa tối tăm; trước pháp vô minh mỏng nên gọi là pháp vô minh đối với các pháp.

Môn tam-muội Các pháp không có các tương tục là, năm uẩn mỗi niệm diệt, tương tợ tương tục sinh, khi chết nối tiếp sinh mà không tương tợ. Được tam-muội này biết các pháp niệm niệm tương tục, không sai khác.

Môn tam-muội Các pháp không thể có được là tam-muội tương ưng với hết thầy pháp không.

Môn tam-muội Rải hoa là được tam-muội này, đối trước mười phương Phật có thể dùng hoa bảy báu rải lên trên Phật.

Môn tam-muội Các pháp vô ngã là quán hết thầy pháp vô ngã.

Môn tam-muội Uy thế như huyễn là được tam-muội này có thể mỗi mỗi biến hóa thân, như vị thầy huyễn thuật lớn có thể dẫn dắt chúng sinh phát khởi tâm hiếm có, dùng sức huyễn xoay chuyển tâm người trong một nước.

Môn tam-muội Được như tượng trong gương là, được tam-muội này thời quán các pháp sở hữu trong ba cõi, như tượng trong gương, hư dối không thật.

Môn tam-muội Biết được ngôn ngữ của hết thầy chúng sinh là, được tam-muội này thời có thể biết ngôn ngữ của hết thầy chúng sinh.

Môn tam-muội Hết thầy chúng sinh hoan hỷ là, vào tam-muội này thời có thể chuyển tâm sân giận của chúng sinh thành tâm hoan hỷ.

Môn tam-muội Vào phân biệt âm thanh là, vào tam-muội này thời có thể phân biệt được hết thầy âm thanh lớn nhỏ, thô tế của trời, người.

Môn tam-muội Được mỗi mỗi câu chữ của ngôn ngữ câu chữ trang nghiêm là, được tam-muội này thời nghĩa lý tuy cạn mà có thể trang nghiêm tự cú ngôn ngữ, làm cho người khác hoan hỷ, hưởng nữa là nghĩa lý sâu xa.

Môn tam-muội Không sợ là, được tam-muội này thời không sợ tất cả ma dân, ngoại đạo, luận sư và các phiền não.

Môn tam-muội Tính thường im lặng là, vào tam-muội này thời thường im lặng nhiếp tâm, vì độ chúng sinh nên tùy theo điều họ muốn nghe mà phát ra âm thanh, như kỹ nhạc trời ứng ý mà phát ra.

Môn tam-muội Được giải thoát không ngăn ngại là, được tam-muội này thời đối với hết thảy pháp được trí tuệ không ngăn ngại.

Môn tam-muội Lìa trần cấu là, được tam-muội này thời các trần cấu kiết sử đều dứt. Đây tức là tam-muội Vô sinh pháp nhẫn.

Môn tam-muội Danh tự, ngữ ngôn trang nghiêm là, được tam-muội này thời có thể trang nghiêm mỗi mỗi câu kệ, ngôn ngữ mà thuyết pháp.

Môn tam-muội Thấy các pháp là, vào tam-muội này, do thấy thể đế và đệ nhất nghĩa nên biết rõ các pháp.

Môn tam-muội Các pháp vô ngại đảnh là, như người ở đỉnh núi xem khắp bốn phương. Bồ-tát trú ở tam-muội này thấy khắp hết thảy pháp không có chướng ngại.

Môn tam-muội Như hư không là, vào tam-muội này thấy pháp trong thân ngoài thân đều như hư không, được tự tại.

Môn tam-muội Như kim cương là, như kim cương có thể phá các núi. Tam-muội này cũng như vậy, có thể phá pháp làm chướng ngại sáu Ba-la-mật mà thẳng đến Phật đạo.

Môn tam-muội Không sợ nhiễm đấm sắc là, được tam-muội này cho đến sắc cõi trời còn không nhiễm đấm, hưởng nữa là sắc khác.

Môn tam-muội Được hơn là, muốn có làm gì đều có thể hơn chứ không thua.

Môn tam-muội Chuyển mắt là, được tam-muội này thời ma và ma dân muốn thấy chỗ khuyết điểm của Bồ-tát, trở lại thấy thành chỗ hay.

Môn tam-muội Rốt ráo pháp tính là, được tam-muội này thời thấy hết thảy pháp rốt ráo vào trong pháp tính.

Môn tam-muội Có thể cho yên ổn là, được tam-muội này thời tuy luân chuyển qua lại sáu đường mà tự biết mình chắc chắn sẽ làm Phật, yên vui không lo sợ.

Môn tam-muội Sư tử rống là, vào tam-muội này có thể hàng phục đến thảy ma dân, ngoại đạo, không ai dám đương đầu.

Môn tam-muội Hơn hết thầy chúng sinh là, được tam-muội này quá hơn đối với hết thầy chúng sinh. Hết thầy có hai: Một là danh từ hết thầy, hai là thật hết thầy. Hơn đối với hàng phàm phu có tâm chấp trước ba cõi và hàng Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát mới phát tâm chưa được tam-muội ấy, nên gọi là hết thầy.

Môn tam-muội Hoa trang nghiêm là, được tam-muội này thời thấy mười phương Phật ngồi trên hoa sen bảy báu ở giữa hư không mà mưa hoa sen bảy báu lên trên Phật.

Môn tam-muội Dứt nghi là, tuy chưa được làm Phật mà vẫn có thể dứt nghi cho hết thầy chúng sinh.

Môn tam-muội Theo hết thầy kiên cố là, thật tướng các pháp gọi là kiên cố. Được tam-muội này thời theo thật tướng các pháp chứ không theo pháp khác.

Môn tam-muội Vượt ra ngoài các pháp, được sức thần thông không sợ là, được tam-muội này thời vượt qua pháp phàm phu, được sáu thần thông, mười lực, bốn điều không sợ của Bồ-tát.

Môn tam-muội Có thể thông đạt các pháp là được tam-muội này cho đến đối với các pháp Như, pháp tính, thật tế, thông đạt mà không trú trước, cho đến pháp bình đẳng.

Môn tam-muội Các pháp tài ẩn là, tài là pháp thiện; ẩn là tướng. Như người được dây đeo ẩn không ai dám khinh dễ; Bồ-tát được ẩn pháp tài cũng không ai có thể làm chướng ngại.

Môn tam-muội Không có phân biệt thấy là, nếu phân biệt các pháp tức sinh tâm thương ghét; được tam-muội này thời thấy các pháp không khởi tâm phân biệt.

Môn tam-muội Lìa các chấp kiến là sáu mươi hai tà kiến và chấp thủ tương đối với sắc pháp v.v... cho đến chấp Phật, chấp Pháp, chấp Tăng, chấp Niết-bàn đều gọi là chấp kiến, vì sao? Vì thủ tướng nên sinh ra tâm chấp trước.

Môn tam-muội Lìa hết thầy tướng là, tức tam-muội tương ưng với môn Vô tướng giải thoát.

Môn tam-muội Lìa hết thầy nhiễm trước là, lìa hết thầy tướng nên đối với hết thầy pháp cũng không chấp trước.

Môn tam-muội Trừ hết thầy giải đãi là, được tam-muội này như trong đây nói, cho đến bảy năm không ngồi, không nằm. Bồ-tát được tam-muội ấy thời thường không có tâm giải đãi cho đến khi thành Phật, không bao giờ ngưng nghỉ.

Môn tam-muội Được pháp sáng suốt, sâu xa là, pháp sáng suốt là Phật pháp và hết thầy trí tuệ. Bồ-tát được tam-muội này thời có thể thấy xa Phật pháp, suy nghĩ trừ lượng biết pháp ấy sâu xa, vi diệu không gì sánh bằng.

Môn tam-muội Không thể cướp đoạt là được tam-muội này thời hành đạo Bồ-tát không ai có thể cướp đoạt được ý nguyện ấy.

Môn tam-muội Phá ma là, được tam-muội này thời ma tuy là chủ cõi Dục, mà Bồ-tát dùng thân người vẫn có thể phá được ma.

Môn tam-muội Không nhiễm trước ba cõi là, được tam-muội này thời thân tuy ở trong ba cõi mà tâm thường ở Niết-bàn, nên không đắm trước.

Môn tam-muội sinh khởi ánh sáng là, được tam-muội này thời có thể phóng ra vô lượng ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Môn tam-muội Thấy chư Phật là được tam-muội này thời tuy chưa được mắt trời, tai trời mà vẫn có thể thấy mười phương chư Phật, nghe mười phương chư Phật nói pháp, thưa hỏi chỗ nghi.

Tát-đà-ba-luân trú trong các tam-muội ấy liền thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật ở giữa đại chúng, vì hàng Bồ-tát mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

(Hết cuốn 97 theo bản Hán)

--o0o--

## Cuốn 98

KINH: Khi ấy mười phương chư Phật an ủi Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Chúng ta xưa khi hành đạo Bồ-tát, cầu Bát-nhã Bát-nhã ba-la-mật, được các tam-muội ấy cũng như nay ông được. Chúng ta được các tam-muội ấy, khéo vào Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu sức phương tiện, an trú địa vị không thoái chuyển. Chúng ta quán tính các tam-muội ấy không thấy có pháp ra tam-muội, vào tam-muội cũng không thấy người hành Phật đạo, cũng không thấy người được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay thiện nam tử, ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật; nghĩa là không nghĩ rằng có các pháp ấy.

Nay thiện nam tử, chúng ta an trú nơi pháp vô niệm được thân kim sắc, hào quang một trượng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình và trí tuệ không thể nghĩ nghĩ, được giới vô thượng, tam-muội vô thượng, trí tuệ vô thượng, hết thảy công đức đều đầy đủ. Vì công đức đều đầy đủ nên Phật còn không thể thủ tướng nói hết, huống nữa là hàng Thanh văn, Bích-chi Phật và những người khác. Vì thế, nên thiện nam tử, đối với Phật pháp nên cung kính ái niệm, sinh tâm thanh tịnh gấp bội; đối với thiện tri thức nên sinh tưởng như Phật, vì sao? Vì nhờ thiện tri thức thủ hộ nên Bồ-tát mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân bạch mười phương Phật rằng: Thế nào là thiện tri thức của con, người con nên gần gũi cúng dường?

Mười phương Phật bảo với Tát-đà-ba-luân rằng: Nay ông, thiện nam tử, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đời đời giáo hóa thành tựu cho ông Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thủ hộ ông, dạy ông Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện; ấy là thiện tri thức của ông. Ông cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt hoặc một kiếp, hoặc hai, ba, cho đến quá trăm kiếp, đầu đội, cung kính, đem hết thảy nhạc cụ, sắc, tiếng, hương, vị, xúc thượng diệu của trong thế giới ba ngàn để cúng dường còn chưa thể báo ân trong giây lát, vì sao? Vì nhờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên làm cho ông được các tam-muội như vậy, được Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện.

Chư Phật giáo hóa an ủi Tát-đà-ba-luân như vậy, làm cho hoan hỷ xong bỗng nhiên không hiện.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân từ tam-muội dậy không còn thấy Phật, nghĩ rằng: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu?. Vì không thấy Phật nên lại rầu rĩ không vui, suy nghĩ: Ai sẽ dứt nghi cho ta? Lại nghĩ rằng: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lâu xa lại

đây thường hành Bát-nhã ba-la-mật. được sức phương tiện và được các định, được tự tại đối với pháp Bồ-tát, đã nhiều lần cúng dường chư Phật quá khứ, đời đời làm thầy ta, thường làm lợi ích cho ta, ta sẽ gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và hỏi Phật từ đâu đến và đi đến đâu?

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân đối với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sinh tâm cung kính, ưa thích, tôn trọng, nghĩ rằng: Ta sẽ đem gì cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt? Ta nay nghèo cùng; hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, y phục, phan lọng, vàng bạc chơn châu, lưu ly, pha lê, mã não, xan hô, hổ phách, không có các vật như vậy có thể đem cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và pháp sư thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Theo phép ta không nên đi không đến chỗ Đàm-vô-kiệt. Nếu ta không có gì mà đi đến thì tâm không vui vẻ. Ta sẽ bán thân lấy của, vì Bát-nhã ba-la-mật mà cúng dường pháp sư Đàm-vô-kiệt, vì sao? Vì ta đời đời đã mất vô số thân, ở trong vô tử sinh tử hoặc chết hoặc bán, hoặc vì dục lạc nên phải đời đời ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ não, chưa từng vì pháp thanh tịnh vì để cúng dường thuyết pháp sư nên bán thân.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân giữa đường đi vào một thành lớn, đi đến chợ cát tiếng to rằng: Ai muốn cần người, ai muốn mua người?

Lúc ấy ác ma nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân này do mến pháp mà muốn tự bán thân, vì Bát-nhã ba-la-mật nên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt; sẽ được hỏi ngay Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện: Làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác và sẽ được đa văn đầy đủ, như nước biển lớn, lúc đó không thể làm ngăn trở, phá hoại, được đầy đủ hết thầy công đức, làm lợi ích cho các Bồ-tát, vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên vượt qua cảnh giới ma của ta, cũng dạy người khác ra khỏi cảnh giới ma của ta, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ta nay sẽ phá hoại việc ấy.

Bấy giờ ác ma làm che lấp tâm các Bà-la-môn, cư sĩ để không nghe tiếng rao tự bán mình ấy, trừ một người con gái của trưởng giả, ma không thể ngăn che được, vì nhân duyên đời trước của nó. Lúc ấy Tát-đà-ba-luân bán thân không ai mua nên ưu sầu khóc lóc, đứng ở một bên, khóc rằng: Ta tự bán thân là vì Bát-nhã ba-la-mật nên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, mà vì ta tội lớn nên bán thân không có người mua.

Lúc ấy trời Đế-thích nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân mến pháp nên tự bán thân mình, vì Bát-nhã ba-la-mật nên muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ta sẽ thử xem để biết thiện nam tử ấy thực sự do tâm mến pháp nên xả bỏ thân chăng? Bấy



giờ trời Đế-thích hóa làm người Bà-la-môn đi gần bên Tát-đà-ba-luân hỏi rằng: Này anh, thiện nam tử, vì có gì mà khóc lóc, nhan sắc tiêu tụy, đứng ở một bên. Đáp rằng: Này Bà-la-môn, tôi kính yêu pháp nên tự bán thân, vì Bát-nhã ba-la-mật, nên muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nay tôi bán thân mà không có người mua, nên tôi tự nghĩ, do mình phước mỏng nên muốn bán thân để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà không có người mua.

Khi ấy Bà-la-môn nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Này thiện nam tử, ta không cần người, ta muốn tế trời nên chỉ cần tim người, máu người, tủy người, ông có thể bán cho ta chăng? Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta được lợi lớn, ta được lợi lớn bậc nhất. Ta nay vì đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật và sức phượng tiện, được bán tim, máu và tủy. Khi ấy tâm rất hoan hỷ, vui vẻ, không lo âu, đem tâm nhu hòa nói với Bà-la-môn rằng: Điều ông cần dùng tôi đều chấp thuận. Bà-la-môn nói: Ông cần giá bao nhiêu? Đáp: Tùy ý ông trả.

Tức thời Tát-đà-ba-luân tay phải cầm dao bén chặt cánh tay trái chảy máu, cắt thịt bắp về phải, lại muốn phá xương lấy tủy. Khi ấy có một người con gái của vị trưởng giả ở trên gác cao trông thấy Tát-đà-ba-luân tự cắt thân thể, không tiếc mạng sống, nghĩ rằng: Thiện nam tử ấy vì nhân duyên gì mà làm khốn khổ thân mình như vậy, ta thử đến hỏi xem. Người con gái của vị trưởng giả liền xuống lầu, đi đến chỗ Tát-đà-ba-luân, hỏi rằng: Anh vì nhân duyên gì làm khốn khổ thân như vậy? Anh lấy tim, máu, tủy ấy để làm gì? Tát-đà-ba-luân đáp: Bán cho Bà-la-môn. Vì cầu Bát-nhã ba-la-mật nên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Người con gái của vị trưởng giả nói: Này thiện nam tử, vì việc bán thân ấy mà muốn tự đem tim, máu, tủy của mình ra để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thời được công đức, lợi lạc gì? Tát-đà-ba-luân nói: Này thiện nữ nhân, vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt khéo học Bát-nhã ba-la-mật và sức phượng tiện, sẽ nói cho tôi việc nên làm của Bồ-tát, việc hành đạo của Bồ-tát. Tôi học pháp ấy, học đạo ấy, khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thời vì chúng sinh làm chỗ nương tựa, sẽ được thân kim sắc có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hào quang một trượng sáng vô lượng, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, bốn điều không sợ, mười lực của Phật, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, sáu thần thông và giới thanh tịnh, thiên tịnh, trí tuệ không thể nghĩ nghĩ, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được thấy biết không ngại đối với các pháp, đem pháp bảo vô thượng mà phân bố cho hết thấy chúng sinh. Có công đức lợi ích như vậy, tôi sẽ theo nơi Bồ-tát ấy mà được.

Khi ấy người con gái trưởng giả nghe Phật pháp thượng diệu thời tâm rất vui mừng, kinh hãi, dựng đứng lông tóc, tán thán Tát-đà-ba-luân rằng: Thừa thiện nam tử, thật hiếm có! Những điều ông nói vi diệu, khó gặp, vì mỗi mỗi pháp ấy nên xả bỏ thân mạng như số cát sông Hằng, vì sao? Vì như lời ông nói thật vi diệu. Thừa thiện nam tử, nay ông cần gì, tôi sẽ cho hết: Nào là vàng bạc, chơn châu, lưu ly, pha lê, san hô, hổ phách, các vật trân báu và hoa hương, anh lạc, hương xoa, hương đốt, phan lọng, y phục, kỹ nhạc, các đồ cúng dường để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Thừa thiện nam tử, chớ tự làm khốn khổ thân mình nữa, tôi cũng muốn đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cùng với ông gieo trồng căn lành vì được pháp vi diệu như vậy, như lời ông nói.

Bấy giờ trời Đế-thích liền biến trở lại thân cũ mà tán thán Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Ông kiên trì chấp nhận việc ấy mà tâm không lay động. Chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát cũng cầu Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện như vậy mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tôi thật không cần dùng tim người, máu tủy người, mà chỉ đến thử cho biết thôi. Ông ước nguyện điều gì tôi sẽ cho hết. Tát-đà-ba-luân đáp: Hãy cho tôi Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trời Đế-thích nói: Việc ấy chẳng phải sức tôi làm được, đó là cảnh giới của chư Phật, nếu cần cúng dường hãy yêu cầu việc khác. Tát-đà-ba-luân nói: Ông nếu đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác không có sức thời ông chắc thấy sự cúng dường của tôi, nên hãy làm cho thân tôi bình phục như cũ. Thân Tát-đà-ba-luân liền bình phục, không có thương tích, như cũ không khác. Trời Đế-thích giúp cho ước nguyện xong bỗng nhiên không hiện.

Bấy giờ người con gái của vị trưởng giả nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Thừa thiện nam tử, hãy đến nhà tôi, có cần dùng gì, tôi xin cha mẹ tôi, đều cho hết. Tôi cũng sẽ từ giã cha mẹ tôi và cùng những người hầu hạ đi với ông, đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cầu đạo. Tức thời Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả đi đến nhà cô ấy, đứng ở ngoài cửa. Người con gái của trưởng giả thưa với cha mẹ cho con các thứ hương hoa, anh lạc, hương xoa, hương đốt, phan lọng, y phục, vàng bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, san hô, hổ phách, các đồ kỹ nhạc cúng dường, cũng cho phép chính con và năm trăm người hầu gái đã hầu hạ trước đây đi cùng Tát-đà-ba-luân đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ thuyết pháp cho chúng con, chúng con sẽ thực hành đúng như pháp, sẽ được đầy đủ các Phật pháp.

Cha mẹ của cô gái nói rằng: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân là người nào?

Cô gái đáp: Người ấy đang ở ngoài cửa. Người ấy vì tâm sâu xa cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, muốn độ thoát chúng sinh khỏi khổ sinh tử. Người ấy vì pháp nên tự bán thân mình để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là đạo của Bồ-tát tu học. Vì cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên người ấy ở giữa chợ cất lớn tiếng rằng, ai cần người, ai muốn mua người. Người ấy muốn bán thân mà không có người mua nên đứng ở bên đường, ưu sầu khóc lóc. Bấy giờ trời Đế-thích hóa làm Bà-la-môn đi đến muốn thử lòng, hỏi rằng: Này thiện nam tử, vì có gì mà ưu sầu khóc lóc, đứng ở bên đường vậy? Đáp: Này Bà-la-môn, tôi muốn bán thân để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, song vì tôi phước mỏng nên bán thân không có người mua. Bà-la-môn nói với thiện nam tử rằng, ta không cần người, ta muốn tế trời nên cần tim người, máu người, tủy người, ông có thể bán chăng? Khi ấy thiện nam tử không còn ưu sầu, tâm rất nhu hòa, vui vẻ, nói với Bà-la-môn rằng: Điều ông cần thiết ta liền cho hết. Bà-la-môn nói: Ông cần giá bao nhiêu? Đáp: Tùy ý ông trả. Tức thời thiện nam tử ấy tay phải cầm dao bén chặt cánh tay trái ra máu, cắt thịt bấp vế phải. Lại muốn phá xương lấy tủy, con ở trên gác xa thấy việc ấy, bấy giờ con liền nghĩ: Người ấy vì có gì mà làm khốn khổ thân mình như vậy, ta thử đến hỏi xem. Con liền xuống lầu đi đến hỏi: Này thiện nam tử, vì nhân duyên gì mà ông tự làm khốn khổ thân mình như vậy? Thiện nam tử ấy đáp lại con rằng: Này chị, tôi vì cầu pháp nên muốn cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nhưng tôi nghèo cùng, không có của cải, không có vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, pha lê, chân châu, hoa hương, kỹ nhạc. Này chị, tôi vì muốn cúng dường pháp nên tự bán thân mình, nay đây gặp được người mua cần tim người, máu người, tủy người, tôi cần được giá để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Con hỏi người con trai ấy: Nay ông tự bán tim, máu, tủy của mình để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thời được công đức gì? Thiện nam tử ấy đáp: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ vì tôi nói Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, đó là đạo Bồ-tát nên học, Bồ-tát nên làm, Bồ-tát nên thực hành. Tôi sẽ học đạo ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Tôi sẽ được thân kim sắc đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hào quang một trượng, ánh sáng vô lượng, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười lực của Phật, mười tám pháp không chung, sáu thần thông, giới thanh tịnh, thiên định, trí tuệ không thể nghĩ nghĩ, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thấy biết hết thảy không ngại đối với các pháp, đem pháp báu vô thượng phân bố cho chúng sinh. Pháp lớn vi diệu như vậy tôi sẽ theo Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà có được. Con nghe

công đức vi diệu không thể nghĩ nghĩ của chư Phật và nghe nguyện lớn của Tát-đà-ba-luân như vậy nên tâm con vui mừng, nghĩ rằng: Nguyện lớn vi diệu, thanh tịnh ấy thật hiếm có, cho đến vì mỗi mỗi pháp như vậy mà xả bỏ thân mạng như số cát sông Hằng. Thiện nam tử ấy vì pháp mà có thể chịu khổ hạnh, làm việc khó làm là không tiếc thân mạng. Con có nhiều châu báu, có gì không phát nguyện siêng cầu pháp như vậy mà cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt? Con suy nghĩ như vậy rồi, nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rằng: Nay ông, thiện nam tử, chớ làm khốn khổ thân mình nữa! Tôi sẽ thưa với bố mẹ tôi cho ông nhiều vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, pha lê, chân châu, hoa hương, chuỗi anh lạc, hương xoa, hương bột, y phục, phan lọng cùng các đồ kỹ nhạc để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Tôi cũng xin bố mẹ thêm các người hầu cùng tôi đi đến cúng dường người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cùng tôi gieo trồng căn lành, vì để được pháp thanh tịnh ấy, như lời nói. Bố mẹ nay hãy cho con 500 người hầu trước đã cung cấp, hầu hạ con, cũng cho phép con đem các hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, y phục, phan lọng, kỹ nhạc, vàng bạc, lưu ly, đồ cúng dường cùng với Tát-đà-ba-luân đi đến cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, vì để được pháp Phật thanh tịnh vi diệu như vậy.

Bấy giờ cha mẹ bảo với con gái rằng: Điều con ca tụng thật là hiếm có, khó có ai sánh kịp, nói rằng: Thiện nam tử ấy siêng năng vì pháp, rất ưa vui pháp và các Phật pháp không thể nghĩ nghĩ, là tối thượng bậc nhất giữa hết thủy thế gian, là nhân duyên vui mừng cho hết thủy chúng sinh. Thiện nam tử ấy vì pháp nên trang nghiêm lớn. Cha mẹ cho phép con đi đến gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để gần gũi cúng dường. Con phát tâm lớn vì Phật pháp nên tinh tấn như vậy, thời cha mẹ làm sao không tùy hỷ được?

Cô gái ấy vì cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên được cha mẹ cho phép, trả lời cha mẹ rằng: Cha mẹ cũng tùy hỷ tâm nguyện ấy, chúng con trọn không làm mất nhân duyên pháp thiện của cha mẹ.

Khi ấy người con gái của vị trưởng giả trang hoàng năm trăm cỗ xe bảy báu, tự thân mình cùng các người hầu gái đem các vật báu cúng dường, các loại hoa sinh dưới nước, sinh trên đất và vàng bạc, hoa báu, áo báu đủ màu, hương thơm, hương giã, hương nước, anh lạc và các mùi vị ăn uống cùng với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và 500 người hầu gái, mỗi người cưỡi một xe vây quanh cung kính, dần dần đi về phương đông. Thấy thành Chúng Hương trang nghiêm bằng bảy báu, ao bảy báu bao quanh bảy lớp, hàng cây bảy báu đều cũng bảy lớp.

Thành kia ngang dọc mười hai do tuần, giàu vui yên lặng thật là vui vẻ, nhân dân thịnh vượng. Năm trăm làng chợ, đường ngõ ngang nhau đoan nghiêm như bức họa; cầu đồ như đất, rộng rãi trong sạch.

Từ xa trông thấy thành Chúng Hương, khi vào trong thành, thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên tòa ở đài cao thuyết pháp, có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng cung kính vây quanh. Tát-đà-ba-luân khi thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, tâm rất vui mừng; thí như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba, nhiếp tâm yên ổn. Thấy rồi nghĩ rằng: Theo lẽ, chúng ta không nên cưỡi xe đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nghĩ rồi, xuống xe đi bộ đến. Người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu cũng đều xuống xe. Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái đủ các báu đẹp để cung kính vây quanh, cùng đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt có đài bảy báu, có hương Chiên-đàn sinh ở núi Xích Ngưu đầu để trang nghiêm, có lưới chân châu che trên đài, bốn góc đều treo ngọc báu Ma-ni để làm đèn sáng và có lò hương bốn báu, thường đốt hương thơm có tiếng để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Trong đài có giường lớn bảy báu, giường nhỏ bốn báu trải chõng trên đó; lấy là vàng ròng chép Bát-nhã ba-la-mật đặt trên giường nhỏ và các thứ phan lọng trang nghiêm che lên trên. Tát-đà-ba-luân và các cô gái thấy đài báu trang nghiêm và thấy trời Đế-thích cùng với trăm ngàn vạn chư thiên lấy hoa Mạn-đà-la trời, bột hương Chiên-đàn; mài châu báu thành từng hạt nhỏ để rải trên đài; đánh kỹ nhạc trời ở giữa hư không làm vui đài ấy.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân hỏi trời Đế-thích rằng: Thưa Kiều-thi-ca, vì nhân duyên gì mà ông cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chư thiên, lấy hoa Mạn-đà-la trời, bột hương chiên đàn, mài châu báu thành từng hạt nhỏ để rải lên trên đài; đánh kỹ nhạc trời ở giữa hư không để làm vui đài ấy? Trời Đế-thích đáp: Này thiện nam tử, không biết ư? Đây là Bát-nhã ba-la-mật lớn, là mẹ của các Bồ-tát lớn, có thể sinh ra chư Phật và nắm giữ các Bồ-tát. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật ấy thời thành tựu tất cả công đức, được trí Nhất thiết chủng của chư Phật.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân rất vui mừng, hoan hỷ hỏi trời Đế-thích rằng: Thưa Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của các Bồ-tát, hay sinh ra chư Phật và nắm giữ Bồ-tát; Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật ấy thời thành tựu hết thảy công đức, được trí Nhất thiết chủng của Phật nay ở chỗ nào?

Trời Đế-thích đáp: Này thiện nam tử, trong đài ấy có giường lớn bảy báu, giường nhỏ bốn báu trải chõng trên ấy; dùng lá vàng ròng chép Bát-nhã ba-la-mật để

trên giường nhỏ. Do Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lấy ấn bảy báu ấn vào nên chúng tôi không thể mở ra để chỉ bày cho ông.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái lấy đồ cúng dường, hương hoa, chuỗi anh lạc, phan lọng chia làm hai phần: Một phần cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, một phần cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tòa.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân cùng với 500 người nữ đem hương hoa, chuỗi anh lạc, phan lọng, kỹ nhạc, các châu báu cúng dường Bát-nhã ba-la-mật xong, sau đó đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Đến rồi, trông thấy Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tòa bèn đem hương hoa, anh lạc, hương giã, hương nước, vàng bạc, hoa báu, phan lọng, áo báu rải lên trên ấy, vì pháp nên cúng dường. Khi ấy hoa hương, áo báu ở giữa hư không phía trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt biến thành đài hoa; bột hương chiên đàn, mảnh báu, vàng bạc, hoa báu biến thành trướng báu. Trên màn báu, các áo báu biến làm lọng báu, bốn phía lọng báu treo các phan báu. Tát-đà-ba-luân và các cô gái thấy sự biến hóa của Đàm-vô-kiệt thời rất vui mừng nghĩ rằng chưa từng có, không ngờ đại sư Đàm-vô-kiệt có thần lực và uy đức như vậy. Khi hành đạo Bồ-tát còn có sức thần thông như thế, huống gì khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Bây giờ người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái lòng tin trong sạch, cung kính Đàm-vô-kiệt mà đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nguyện rằng: Như Đàm-vô-kiệt được pháp Bồ-tát sâu xa, vi diệu, như Đàm-vô-kiệt cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, như Đàm-vô-kiệt ở giữa đại chúng diễn nói, phô bày Bát-nhã ba-la-mật, như Đàm-vô-kiệt được Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, thành tựu thần thông, được tự tại đối với việc của Bồ-tát, thời chúng con đây cũng sẽ như vậy.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân và 500 người hầu gái dùng hương hoa, vật báu cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Đàm-vô-kiệt xong, đầu mặt cúi lễ Đàm-vô-kiệt rồi chắp tay cung kính đứng một bên, thưa với Đàm-vô-kiệt rằng: Con vốn khi cầu Bát-nhã ba-la-mật, ở chỗ núi rừng trống vắng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Nay thiện nam tử, ông nên đi về phương đông sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Con lãnh thọ lời ấy liền đi về phương đông. Đi chưa bao lâu, nghĩ rằng: Cớ sao con không hỏi tiếng nói giữa hư không rằng, con sẽ đi đến chỗ nào? Đi xa hay gần? Sẽ theo ai nghe? Khi ấy con thật ưu sầu mà khóc lóc, ở chỗ ấy bảy ngày bảy đêm ưu sầu cho đến không nghĩ đến ăn uống, chỉ nghĩ đến lúc nào con sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Con ưu sầu như vậy, một lòng nghĩ tới

Bát-nhã ba-la-mật, thời bỗng thấy thân Phật hiện ra giữa hư không, nói với con rằng: Nay thiện nam tử, con có ước nguyện lớn, tâm tinh tấn lớn. Chớ buông bỏ ước nguyện lớn ấy, tâm tinh tấn lớn ấy, ông cứ đi về phương đông, cách 500 do tuần có thành tên là Chúng Hương, trong đó có vị Bồ-tát tên là Đàm-vô-kiệt, đến chỗ người ấy sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát ấy đời đời là thiện tri thức của ông, thường ủng hộ ông. Con theo Phật thọ giáo xong liền đi về phương đông, không nghĩ đến chuyện khác, chỉ nghĩ đến khi nào con sẽ thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vì con thuyết Bát-nhã ba-la-mật. Bấy giờ đang ở giữa đường con được trí thấy không ngại đối với hết thầy pháp, quán các pháp tính, được các tam-muội hiện ra trước mắt. Trú trong các tam-muội ấy thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật nói Bát-nhã ba-la-mật. Chư Phật khen con rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Ta xưa khi cầu Bát-nhã ba-la-mật được các tam-muội cũng giống như ông ngày nay. Được tam-muội ấy rồi thời khắp được Phật pháp. Khi Phật vì con thuyết pháp, an ủi con rồi, bỗng nhiên không hiện. Con từ tam-muội dậy nghĩ rằng: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu? Con vì không thấy chư Phật nên rất ưu sầu, lại nghĩ rằng: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cúng dường Phật trước, gieo trồng căn lành, hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, khéo biết sức phương tiện, đối với đạo Bồ-tát được tự tại, là thiện tri thức của ta, thủ hộ cho ta. Ta sẽ hỏi Đàm-vô-kiệt việc ấy: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu? Con nay xin hỏi đại sư: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu. Nguyện đại sư vì con nói rõ chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu, khiến con được biết. Biết rồi con cũng thường không xa lìa thấy Phật.

LUẬN: Tát-đà-ba-luân khát ngưỡng muốn nghe Bát-nhã nên thấy mười phương chư Phật vì đại chúng thuyết pháp thời tâm rất hoan hỷ, được mãn ý nguyện. Chư Phật vì thấy sức tin của người đó bền chắc, tinh tấn, chịu khó nhọc nên an ủi tâm người đó, khen rằng: Lành thay! Ta xưa khi mới hành đạo Bồ-tát cầu Bát-nhã cũng như ông hôm nay, ông chớ ưu sầu mà tự cho mình phước mỏng.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân thật được sức các tam-muội, tâm ông ấy đắm sâu. Thế nên chư Phật dạy rằng: Hãy tìm thật tính các tam-muội thời không thấy thật thể, cũng không thấy người vào tam-muội và ra tam-muội, vì chúng sinh không, pháp không. Chư Phật lược nói cho tướng Bát-nhã ba-la-mật: Không nghĩ rằng có pháp ấy; nghĩa là hết thầy pháp không có tướng nên không thể nghĩ tướng hay chấp trước. Chúng ta ở trong pháp vô niệm ấy, có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật. Vì sáu Ba-la-mật đầy đủ nên được thân kim sắc như trong kinh này nói. Chư Phật giáo hóa, vì lợi ích vui mừng mà an ủi tâm Bồ-tát ấy.

Hỏi: Trên kia hóa Phật đã nói cho biết rằng “Đàm-vô-kiệt đời đời là thiện tri thức của ông”, cứ sao nay còn hỏi “ai là thiện tri thức của con”?

Đáp: Vì Phật dạy đối với thiện tri thức hãy ái niệm cung kính gấp bội. Lại vì muốn ở chỗ mười phương Phật mà nghe công đức của Đàm-vô-kiệt. Vì muốn làm cho lòng tin mình bền chắc nên không nghi mà vẫn hỏi. Mười phương Phật đáp như trong kinh đây nói. Tát-đà-ba-luân là người có nhân duyên được Đàm-vô-kiệt hóa độ, nên được chư Phật giúp đỡ, chỉ bày; hoặc được các Bồ-tát giúp đỡ. Vì người đáng được Phật độ nên khiến đi đến chỗ Phật.

Hỏi: Trên kia nghe tiếng nói giữa hư không mà không hỏi, nên bảy ngày khóc than; nay không thấy mười phương Phật cứ sao không ưu sầu, mà lại cầu thấy Phật, chỉ muốn đến chỗ Đàm-vô-kiệt hỏi việc Phật đến, Phật đi?

Đáp: Tát-đà-ba-luân khi trước chỉ có mắt thịt, chưa được tam-muội, song vì tâm sâu xa tin đắm thiện pháp nên rất khóc than. Nay được các sức tam-muội, lại thấy mười phương chư Phật, các phiền não mỏng ít, tâm đắm trước đã xa lìa, nên một lòng nghĩ rằng: Lúc nào ta sẽ thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân được sức tam-muội, cứ gì không trở lại vào tam-muội để hỏi mười phương chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu, mà lại muốn thấy Đàm-vô-kiệt để hỏi?

Đáp: Mười phương Phật cũng dùng mỗi mỗi nhân duyên khen ngợi Đàm-vô-kiệt là “đời đời làm thầy ông”. Thế nên muốn hỏi Đàm-vô-kiệt.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng, Đàm-vô-kiệt là nhân duyên đời trước của ta, thế nên sinh tâm cung kính tôn trọng. Do có công đức lớn nên tôn trọng, vì là nhân duyên đời trước nên cung kính, ái mộ.

Hỏi: Trước nói Tát-đà-ba-luân không quá đắm việc thế gian mà thật yêu Bát-nhã ba-la-mật nên ưu sầu, khóc than. Nay cứ gì tự chê mình nghèo cùng, không có gì để cúng dường? Chỉ đem tâm đi theo thầy, ấy cũng là pháp cúng dường, cần gì phải dùng hương hoa?

Đáp: Pháp cúng dường tuy cao thượng, song chúng sinh ở thế gian thấy từ xa đi đến cầu pháp mà hai tay không có gì, thời tâm không hoan hỷ. Vì theo pháp thế gian nên tìm vật cúng dường.

\* Lại nữa, năm Ba-la-mật là trợ giúp Bát-nhã ba-la-mật. Trong pháp trợ giúp, bố thí là đứng đầu. Tát-đà-ba-luân suy nghĩ: Ta được ruộng phước tôn trọng là Bồ-



tát Đàm-vô-kiệt. Hãy lấy pháp trợ đạo căn bản cúng dường; cũng muốn vì phát khởi tâm hoan hỷ của đại chúng rằng: Tát-đà-ba-luân là người trí, người lành; nghèo cùng mà còn có thể cúng dường, huống nữa là chúng ta!

Lại nữa, khi thực hành các pháp lành mà khi suy nghĩ ý vị của nó khác nhau. Tát-đà-ba-luân muốn thực hành ý vị bố thí nên tìm vật cúng dường.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát lớn, có thể thấy mười phương Phật, lại được các tam-muội sâu xa, có gì bị nghèo cùng?

Đáp: Có người nói: vị ấy bỏ nhà cầu Phật đạo, tuy sinh trong nhà giàu mà xóm làng cách xa, nên đi một mình mà không mang theo tài vật. Có người nói: Tuy là đại nhân nhưng vì tội nhỏ của đời trước nên sinh vào nhà nghèo cùng. Có người tuy là tiểu nhân nhưng do chút ít nhân duyên đời trước nên sinh vào nhà giàu; như Tô-đà-di, Mi-tha v.v... là người được chư thiên cúng dường mà sinh vào tiểu gia. Nghèo là hai: Một là nghèo của; hai là nghèo công đức của pháp. Nghèo công đức của pháp là cái nghèo rất lớn, đáng hổ thẹn. Nghèo của, người tốt cũng có; nghèo pháp, người tốt không có.

Không có hương hoa là không có hoa báu thượng diệu, lại vì ít nên nói không có. Ta nếu tay không mà đến, thầy tuy không cần vật cúng nhưng tâm ta không được vui, vì thế nên muốn bán thân.

Hỏi: Nếu bán thân mình cho người khác thì ai đem vật ấy đến cúng dường thầy?

Đáp: Xả bỏ thân tức là cúng dường lớn; dù có đi đến hay không đi đến không đáng kể. Có người nói: Người ấy bán thân lấy của, nhân nơi thân người để cúng dường: Ta vì cúng dường mà bán thân làm nô tì. Lại có người nói: Lúc bấy giờ nhằm đời tốt đẹp, mọi người đều biết pháp, tuy tự bán thân, mà người mua chắc chắn có thể nghe nói để cúng dường, mà trả lại.

\* Lại nữa, người ấy phát tâm sâu xa, muốn thực hành bố thí để vì cúng dường pháp và pháp sư mà không có vật bên ngoài, chỉ có thân mình là vật bên trong nên bán vật bên trong. Đối với các vật trong, ngoài, vật trong là nặng, mến tiếc rất sâu, vì muốn không phá hạnh nguyện bố thí nên bán thân để cúng dường. Trong kinh đây nói nhân duyên không hối hận: Ta đời đời mất mạng nhiều vô số mà chưa từng vì pháp thanh tịnh. Nên nay vì cúng dường người thuyết pháp mà bỏ thân này thời được lợi ích Phật pháp rất lớn.

Tát-đà-ba-luân định tâm, dứt ý nghĩ tham tiếc thân, ở giữa đường đi vào một thành lớn muốn bán cho người mua tùy ý sử dụng. Nhất tâm muốn bán thân vì trừ hổ thẹn, phá kiêu mạn nên xưng to rằng: Ai cần người?

Hỏi: Ác ma có gì muốn phá hoại ý nghĩ của người ấy?

Đáp: Ma thường là oan gia của chư Phật và Bồ-tát, nên muốn đến phá.

\* Lại nữa, các Bồ-tát nhỏ chưa được thật tướng các pháp nên ma và người ác có thể phá. Nếu được vô sinh pháp nhẫn, trú trong sức thần thông của Bồ-tát thời không ai phá nổi. Như trồng cây nhỏ thời trẻ con phá được, cây lớn thời không thể phá.

\* Lại nữa, trong đây tự nói nhân duyên ma phá rằng: Tát-đà-ba-luân yêu kính pháp nên tự bán thân để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát thuyết pháp, sẽ được hỏi ngay Bát-nhã ba-la-mật, nói rộng như trong kinh này.

Hỏi: Nếu ma muốn phá Tát-đà-ba-luân thời nên trước tiên đi đến nghe giữa hư không có tiếng, và khi thấy mười phương Phật có gì không phá hoại, mà nay mới ngăn che các Bà-la-môn, cư sĩ khiến không nghe được tiếng rao bán?

Đáp: Tát-đà-ba-luân lúc trước tâm chưa định nên còn tiếc thân. Khi thấy mười phương Phật và được các tam-muội thời tâm kia mới định. Nay tướng định tâm hiện ra nên ma kinh sợ. Nếu Bồ-tát tâm chưa định thời chưa thể động đến ma; nếu Bồ-tát tâm đã định thời ma cũng không đến được. Tát-đà-ba-luân nay muốn định tâm, thoát ra khỏi cảnh giới của ma nên ma đi đến. Thí như người mắc nợ chưa muốn đi xa, chủ nợ không ngăn cản; khi muốn ra khỏi ranh giới thời chủ nợ không để cho đi.

Hỏi: Ma có sức lớn, vì có gì không giết Bồ-tát ấy, mà chỉ phá hoại?

Đáp: Ma vốn không ganh tị mạng sống của người ấy, chỉ ghét tâm làm Phật kia, thế nên muốn phá. Lại, pháp của các thiên thần đối với người không có tội nặng thời không thể giết càn, chỉ có thể phá loạn, khủng bố. Nếu thiên thần không có khuôn phép ấy thời người không có ai được sống; thế nên không giết.

Sinh vào dòng Bà-la-môn, vì thọ giới nên gọi là Bà-la-môn, ngoài ra gọi chung là cư sĩ.

Cư sĩ là chỉ cho ông chủ ở nhà, chẳng phải cư sĩ trong bốn giai cấp, ngoại trừ người con gái trưởng giả. Do người ấy vì Phật đạo mà đời đời chứa nhóm công đức nên ma không thể ngăn che. Lại có người nói: Tát-đà-ba-luân không đáng

chết nên khiến một người con gái nghe tiếng rao bán. Có người nói: Nhờ thần lực của Đàm-vô-kiệt nên khiến người con gái của vị trưởng giả nghe tiếng rao bán. Rao bán như vậy ba lần, không có người mua nên rất ưu sầu.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân đã không tiếc thân, thời tuy không có ai mua cũng không nên ưu sầu?

Đáp: Đã phát tâm lớn mà không được mãn nguyện thế nên rất sầu.

Trời Đế-thích nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân muốn bán thân mà không có ai mua, nói rộng như trong kinh đây.

Hỏi: Trời Đế-thích có sức biết tâm người khác do quả báo được, nên biết tâm Tát-đà-ba-luân đã quyết định, có gì nay đi đến thử?

Đáp: Chư thiên chỉ biết tâm người thế gian, còn tâm làm Phật, không làm Phật thời không thể biết được; trừ Phật, không có ai biết được người ấy vì Phật đạo, nên thọ ký cho.

\* Lại nữa, trời Đế-thích muốn được dẫn đường nhiều người cho nên đến thử, ai nghe thấy cũng đều phát tâm cầu làm Phật. Lại như các báu vàng, bạc không vì khinh hèn nó mà đốt nấu, mài dũa; Bồ-tát cũng như vậy, nếu có thể cắt thịt ra máu, phá xương lấy tủy mà tâm kia bất động; ấy là chính định của Bồ-tát. Thế nên Đế-thích đến thử.

Hỏi: Đế-thích là thiên vương lớn, có gì nói dối rằng: Ta muốn té trời, cần dùng tim, máu, tủy người?

Đáp: Nếu vì phiền não, xan tham, sân giận, muốn cầu tự lợi mà nói dối như thế thời là tội. Song nếu trời Đế-thích đem thân thật, lời thật ra thử thời Bồ-tát không tin. Thế nên như phép của nước người ấy cần té trời, vì người ấy tin thọ như vậy.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân rất hoan hỷ, nói rằng: Ta được lợi lớn.

Lợi lớn là được địa vị không thoái chuyển, còn lợi bậc nhất là Phật đạo. Lợi lớn là năm Ba-la-mật; lợi bậc nhất là Bát-nhã ba-la-mật. Lợi lớn là Bát-nhã ba-la-mật; lợi bậc nhất là sức phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật. Lợi lớn là sơ địa Bồ-tát; lợi bậc nhất là thập địa. Lợi lớn là từ sơ địa đến thập địa; lợi bậc nhất là địa thứ mười. Lợi lớn là Bồ-tát địa, lợi bậc nhất là Phật địa; phân biệt như vậy. Tuy chưa đầy đủ nhưng đã là nhân duyên đầy đủ, thế nên nói là đầy đủ.

Hỏi: Nếu trời Đế-thích hóa thân đi đến, có gì hỏi “ông cần giá bao nhiêu”?

Đáp: Vì biết người kia muốn cúng dường Đàm-vô-kiệt nên muốn làm mãn nguyện người đó. Lại, trời Đế-thích làm khốn khổ Tát-đà-ba-luân, sợ ông ấy đòi nhiều nên hỏi cần giá bao nhiêu.

Tùy ý ông trả cho tôi là, nói rằng: Theo ý ông nên trả cho tôi, chừng nào mà đối với ông không tham tiếc nhiều, không gây ra hối hận. Tát-đà-ba-luân không có thế lực nên không thể bảo hộ Chiên-đà-la mà tự mình cầm dao cắt lấy. Bà-la-môn vì cũng sợ tội nên không cắt lấy. Vì thế Tát-đà-ba-luân tự cầm dao cắt xẻ thân mình.

Hỏi: Nếu người con gái trưởng giả nghe tiếng, có sao không đi đến hỏi rằng: “Ông vì sao tự bán thân”?

Đáp: Việc bán thân mà chỉ nói suông thôi là việc nhẹ. Phá thân, lấy tim, tùy là việc nặng nên con gái của vị trưởng giả phát tâm. Người con gái của vị trưởng giả ở trên lầu từ xa trông thấy người ấy tự cắt xẻ mà nghĩ rằng: Hết thầy chúng sinh đều tìm vui sợ khổ, tham tiếc thân mình, còn Tát-đà-ba-luân lại tự cắt xẻ thân mình, thật là hiếm có. Lại do nhân duyên phước đức đời trước dắt dẫn nên đi đến chỗ kia mà hỏi. Tát-đà-ba-luân đáp: Muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Lại hỏi: Được lợi ích gì? Đáp: Được Bát-nhã ba-la-mật, là chỗ học của Bồ-tát. Nên từ nơi Tát-đà-ba-luân nghe được: Tôi học đạo ấy sẽ được làm Phật, làm chỗ nương dựa cho hết thầy chúng sinh. Thí như cây lá rậm dày thời che mát nhiều. Lại như khi nóng, giữa đồng trống, đường hiểm mà gặp được ao lớn trong mát; để làm cho phát tâm nên nói công đức hiện tại của Phật là thân kim sắc, 32 rương, hào quang một trượng, ánh sáng vô lượng.

Hào quang một trượng là, vì chúng sinh trong đời ác cõi Diêm-phù-đề trông thấy, chứ ánh sáng thật của chư Phật không có hạn lượng.

Đại từ đại bi cho đến ý nghĩa sáu thần thông như trước đã nói.

Giới thanh tịnh, thiên định, trí tuệ không thể nghĩ nghĩ như đã nói trong phần giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của Phật.

Được thấy biết hết thầy không ngại đối với các pháp là chư Phật có giải thoát không ngại, tri kiến tương ứng với giải thoát ấy, đối với hết thầy pháp không bị chướng ngại. Phân biệt tri và kiến như trước đã nói.

Tát-đà-ba-luân nói: Tôi được vô lượng công đức Phật như vậy, do đem pháp báu vô thượng phân bố cho hết thầy chúng sinh.

Pháp báu vô thượng là có người nói pháp báu trong ba ngôi báu.

Có người nói: Tám vạn bốn ngàn pháp tụ, ấy là pháp báu. Được pháp bảo ấy nên trừ các phiền não, dứt các hí luận, giải thoát các khổ.

Có người nói: Pháp báu vô thượng tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có pháp nào vượt qua hơn nữa.

Có người nói: Niết-bàn là pháp báu vô thượng, vì sao? Vì hết thầy pháp hữu vi đều hữu thượng, như trong A-tỳ-đàm nói: Hết thầy pháp hữu vi và pháp hư không, chẳng phải số duyên tận, gọi là pháp hữu thượng, số duyên tận gọi là pháp vô thượng. Số duyên tận tức là tên khác của Niết-bàn. Có người nói: Đạo Niết-bàn tuy là hữu vi, song vì nó vì Niết-bàn nên trong pháp hữu vi, nó là vô thượng. Pháp báu trong như vậy phân bố làm ba thừa cho chúng sinh. Vô lượng Phật pháp như vậy phải theo thầy mới có được, nên ta phải xả bỏ cái thân hôi hám, bất tịnh, là trú xứ của già, bệnh, chết mà vì cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được thân Phật.

Người con gái của vị trưởng giả đời đời cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, trí tuệ sáng suốt, nghe Phật pháp nên tâm ấy vào sâu, được pháp hỷ lớn, cho đến tâm kinh sợ đến dựng lông, nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Thật là hiếm có. Ông tán thán pháp rất vi diệu, vì mỗi mỗi pháp ấy nên xả bỏ thân như số cát sông Hằng, huống nữa là một thân! Người con gái của vị trưởng giả khi trước không biết nhân duyên gì mà người ấy tự làm khốn khổ thân, nên thương xót, cho rằng việc làm không đáng. Song nay nghe vô lượng vô biên Phật pháp thanh tịnh không gì sánh bằng, vì thế mà xứng đáng, nên rất hoan hỷ, nói: Vì pháp ấy nên xả bỏ thân như số cát sông Hằng. Cô gái lại nói: Ông vì nghèo mà tự làm khốn khổ thân, nay có thể ngưng lại. Ông cần dùng gì tôi sẽ cung cấp cho, tôi cũng theo ông mà cầu đạo.

Hỏi: Bồ-tát ấy đã tự cắt xẻ thân thể, làm sao có thể nói nhiều Phật pháp cho người con gái của vị trưởng giả?

Đáp: Tâm lực của bồ tát ấy rất lớn, tuy bị khổ nhọc mà không thể che lấp tâm. Bồ-tát ấy mới cầm dao cắt thịt chảy máu, sắp muốn phá xương lấy tủy, thì người con gái trưởng giả đi đến, chưa buồn bực lắm nên có thể thuyết pháp. Trời Đê-thích biết tâm người kia chắc chắn, thử xong mà không nói gì nữa, liền biến trở

lại thân cũ, khen ngợi rằng: Lành thay! Tâm ông đã kiên quyết nhận chịu việc ấy. Ý trời Đế-thích muốn nói: Như thân xác thịt sinh tử của ông nay chưa được Phật đạo, mà có thể không tiếc thân như vậy, thì ông không bao lâu sẽ đối với hết thầy pháp không còn vướng mắc gì, trú trong vô sinh pháp nhẫn mà mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đem chư Phật quá khứ ra làm chứng và các nhân duyên như vậy để an ủi tâm người ấy: Ta là vua trời, ưa vui Phật đạo cho nên đi đến thử để muốn biết tâm ông mềm cứng thế nào. Muốn làm cho ông tin nên nói rằng, ta cần tìm, tùy người để tế trời, chứ thật ra chẳng cần. Ông có ước mong gì ta sẽ cung cấp cho. Ông là người tốt, là giống Phật, ta sẽ ủng hộ ông.

Tát-đà-ba-luân tin ngay, nên tâm rất nhu nhuyễn, rất ham mê Phật đạo mà không phân biệt chúng sinh. Nghe lời Đế-thích nên liền nói rằng: Nguyện giúp cho tôi Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trời Đế-thích nói: Việc ấy sức tôi không thể làm được, đó là cảnh giới của Phật.

\* Lại nữa, có người nói: Đế-thích thật làm khốn khổ Tát-đà-ba-luân nên nay dùng lời ấy để tạ tội. Ý trời Đế-thích cho rằng người ấy chỉ cần cầu vật báu, vàng bạc chứ không biết rằng đòi xin Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đã không cho được nên chỉ biết hổ thẹn mà thôi. Lại nói rằng: Hễ cùng nhau cúng dường thì nên ước nguyện đòi thứ khác. Ý Đế-thích nói: Tôi đã làm khổ ông nhiều nên tôi không được bỏ đi ngay, mà phải cúng dường ông. Tát-đà-ba-luân tuy không tiếc thân, song muốn đem thân này cúng dường Đam-vô-kiệt để nghe Bát-nhã ba-la-mật nên nói rằng: Nếu ông không có sức cho tôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì hãy làm cho thân thể tôi bình phục như cũ. Trời Đế-thích nói: Theo như lời ông. Vết thương liền bình phục như cũ không khác.

Hỏi: Trước đã cắt thịt thì làm sao làm cho bình phục đầy đủ?

Đáp: Phật nói có năm điều không thể nghĩ nghĩ, trong đó việc của rồng làm còn không thể nghĩ nghĩ, huống nữa là việc trời làm!

Lại, giữa hư không bụi bặm đầy khắp, trời Đế-thích nhờ phước đức nên hể sinh tâm là có thể hòa hợp đầy đủ thành thân. Như thân trong chư thiên và địa ngục chẳng phải là thân sinh ra bằng bào thai, do nhân duyên của tội phước mà hòa hợp có thân.

Khi ấy trời Đế-thích biết tâm người kia kiên cố nên làm cho mãn nguyện rồi, liền biến mất.

Bấy giờ, Tát-đà-ba-luân tội nhỏ của đời trước đã sạch hết, phước đức sáng suốt đầy đủ. Thế nên người con gái của vị trưởng giả đem về nhà, có cần dùng gì đều xin cha mẹ cho, như trong kinh này nói rộng.

Hỏi: Cô gái ấy trước nói “ông cần vật gì hãy hỏi xin ở nơi tôi”, nay có gì lại nói “xin nơi cha mẹ tôi”?

Đáp: Vì nay cô gái đã dẫn về đến nhà. Và vì Tát-đà-ba-luân mắt đã nhìn vào nhà, mà bấy giờ từ cha mẹ xin được nên hổ thẹn không xứng với lời trước kia, cho nên cô tự nói trước rằng “theo cha mẹ xin cho”.

Lại, cô gái có thể có được của báu, song phép của người con gái là phải xin cha mẹ. Cô gái đã vào nhà như lời hứa trước, theo cha mẹ xin cho. Vì nước kia không có Phật pháp, nên cha mẹ mới hỏi con gái: Ai là Bồ-tát Tát-đà-ba-luân? Người con gái theo như điều đã nghe, đã thấy mà nói hết thấy việc của Tát-đà-ba-luân với cha mẹ: Nay cha mẹ hãy cho phép con cùng với Tát-đà-ba-luân và 500 người hầu gái đem đồ cúng dường đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Cha mẹ nghe lời kia liền theo như ý của con gái mình.

Hỏi: Vị trưởng giả giàu sang mà lại có thể lực, có sao trước đó không biết Tát-đà-ba-luân, để đến khi nghe nói công đức mới khiến con gái và quyến thuộc và cho vật báu đem đi đến cúng dường?

Đáp: Trưởng giả cũng gieo trồng cội phúc, song vì ít nhân duyên nên sinh vào nước không có Phật. Khi tạm nghe công đức Phật thời phát khởi tâm thức cũ mà liền khai ngộ, cho nên khiến đi. Thí như hoa sen sinh trưởng đầy đủ, gặp ánh mặt trời thời nở ra. Cha mẹ biết tâm con gái mình thuần thực, không có hạnh bất tịnh, giữ gìn tiết tháo không mất, không ưa cái vui thế gian, chỉ cầu lợi ích của Phật pháp và biết tâm kia chí thiết nên không thể ngăn chặn; nếu trái ý con, sợ sẽ tự hại. Suy nghĩ trừ lượng xong, hoàn toàn theo ý con mình mà tự được công đức, hoan hỷ khiến đi. Nhân duyên thế gian do vì đắm sâu nên khó mở. Lòng tham ái sâu xa còn không thể trái, huống nữa là con mình vì Phật đạo! Tâm nó thanh tịnh không có nhiễm trước mà không chấp thuận cho sao? Người con gái thấy cha mẹ vì pháp nên cho phép, không tiếc vật báu, cũng do tâm tùy hỷ mà làm cho tùy hỷ.

Bấy giờ tâm mọi người đã định nên trang hoàng xe bảy báu cùng mọi người vây quanh, dần dần đi đến phương đông. Khi ấy năm trăm người con gái thân thuộc và mọi người trong thành thấy việc hiếm có khó sánh kịp nên cũng đều đi theo. Mọi người tập hợp, vui vẻ đi cùng, khác ngưỡng đến thành Chúng Hương. Như

người khát nước nghĩ tới uống nước, dần dần tiến bước lên đường. Từ xa trông thấy thành Chúng Hương, cho đến cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người con gái cung kính vây quanh để đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Hỏi: Đàm-vô-kiệt là vị Bồ-tát lớn, được các Đà-la-ni Văn trì v.v... được hiểu nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, đã tự đọc tụng thông lợi, nhớ nghĩ, thọ trì, còn cần gì đài bảy báu mà chép kinh Bát-nhã để vào trong đó cúng dường?

Đáp: Tuy có các nhân duyên lược nói có hai nghĩa: Một là, tâm hành của chúng sinh không giống nhau, hoặc ưa xem quyển kinh, hoặc ưa nghe diễn thuyết; hai, thân Đàm-vô-kiệt là cư sĩ, hiện có gia đình, thân thuộc. Chúng sinh căn độn hoặc nghĩ rằng Đàm-vô-kiệt ở nhà chắc chắn có nhiệm đấm, làm sao có thể đem Bát-nhã rất ráo thanh tịnh vô cầu mà làm lợi ích chúng sinh? Tự mình còn chưa không nhiệm đấm thời làm sao có thể đem pháp không nhiệm đấm giáo hóa? Vì vậy mà chép văn kinh ấy để vào trên đài bảy báu mà cúng dường các báu. Hàng trời, rồng, quỷ, thần cũng đều đến cung kính, cúng dường hương hoa, phan lọng, mưa xuống bảy báu. Chúng sinh trông thấy thời tăng ích lòng tin mà đem pháp ấy chỉ bày, truyền dạy lời Phật, lấy án văn diễn giảng giáo lý, khuyến khích phát tâm. Đồ trang nghiêm tất cả đài báu và nhân duyên Tát-đà-ba-luân hỏi trời Đế-thích như trong kinh này đã nói.

Bảy án án là, án chơn thật của Đàm-vô-kiệt, thường tự tay cầm lấy án vào kinh. Có người nói: Bảy án là có bảy thần lớn cầu Phật đạo cầm loại kim cương, thường cung cấp cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt khiến thủ hộ kinh văn, không để ma và ma dân biến cải tạp loạn, vì quý kính Bát-nhã. Có người chỉ nghe diễn nói mà phát tâm. Có người thấy văn tự trang nghiêm mà hoan hỷ phát tâm nên trang nghiêm đài báu, dùng lá vàng chép và lấy bảy án án vào.

Hỏi: Trên đài viết chép Bát-nhã, Đàm-vô-kiệt miệng diễn thuyết Bát-nhã, tuy hai nơi đều có mà nơi viết chép không thể ích lợi người, có gì trước tiên đi đến đài báu?

Đáp: Bát-nhã được chép thuộc vào trong pháp báu, vì sau Phật bảo thứ lớp có pháp bảo, nên trước tiên cúng dường. Đàm-vô-kiệt, một người không thuộc về Tăng bảo, nên trước tiên cúng dường Pháp bảo. Lại, Đàm-vô-kiệt nói ra tuy là pháp mà chúng sinh chấp thủ tướng người nói nên phần nhiều sinh tâm đấm trước. Nếu thấy sách Bát-nhã thời không sinh chấp thủ tướng người, tuy chấp thủ tướng khác mà tâm đấm trước ít hơn đấm trước tướng người; thế nên trước tiên cúng dường quyển kinh. Chư Phật còn cúng dường kinh pháp, hướng nữa



là Đàm-vô-kiệt và Tát-đà-ba-luân! Đàm-vô-kiệt nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật nên được cúng dường. Kinh Bát-nhã là cái gốc của sở nhân, sao không cúng dường trước được? Thế nên chia đồ cúng dường làm hai phần.

Hỏi: Đàm-vô-kiệt có sáu vạn thể nữ, cung điện, năm dục, làm sao có thể có thần lực dùng hoa đã rải hóa làm đài hoa?

Đáp: Có người nói: Do thần lực chư Phật mà nhân nơi vật cúng dường của Tát-đà-ba-luân lấy làm biến hóa. Có người nói: Đàm-vô-kiệt là vị Bồ-tát lớn, thân do pháp tính sinh, song vì độ chúng sinh nên thọ năm dục.

Hỏi: Phép của Bồ-tát trước tiên đối với chúng sinh là khởi tâm bi, vì muốn độ chúng sinh hết khổ nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay chỉ thấy uy đức thần lực của Đàm-vô-kiệt làm sao phát tâm?

Đáp: Phát tâm có nhiều cách. Có người nghe thuyết pháp mà phát tâm. Có người đối với chúng sinh khởi từ bi mà phát tâm. Có người thấy sức thần thông oai đức lớn mà phát tâm, vậy sau dần dần sinh tâm bi lớn; như trong kinh Trì Ấn nói: “Nương ái mà dứt ái, nương kiêu mạn mà dứt kiêu mạn”. Như người nghe đạo pháp, vì ái trước pháp ấy nên bỏ năm dục mà xuất gia. Lại như nghe người kia được quả A-la-hán mà sinh tâm cao ngạo, rằng: Người kia đối với ta không hơn, mà còn có thể như vậy, ta sao không được như thế? Vì thế nên sinh tâm tinh tấn lớn, được đạo A-la-hán; đối với Phật đạo cũng như vậy. Người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái thường đấm chặt cái vui tự do của thế tục, nghe ngày xưa có người do thần lực biến hóa mà đầy đủ vật báu, hưởng thọ cái vui trời ở giữa loài người, sau thấy đài quán, cung điện của Đàm-vô-kiệt, ngồi trên pháp tòa lớn được trời người cúng dường. Lại thấy vật cúng dường ở giữa hư không hoá thành đài lớn, tâm rất vui mừng, phát sinh ý tưởng khó gặp, biết việc ấy đều từ nhân duyên phước đức mà có được, nên phát tâm muốn làm Phật. Nghe người phát tâm tu hành đều thứ lớp như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: “Các phiền não ái và mạn đều là căn bản Phật đạo”. Thế nên người con gái thấy việc ấy rồi sinh tâm ưa thích, biết do nhân duyên phước đức có thể được các việc ấy nên đều phát tâm. Nhân nơi ái và mạn mà sau được tâm tốt trong sạch nên nói ái và mạn là căn bản của Phật đạo; thí như hoa sen sinh trong bùn. Phát tâm rồi thề nguyện: Như Đàm-vô-kiệt làm được, chúng ta cũng sẽ làm được.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân đầu mặt đảnh lễ Đàm-vô-kiệt. Vì cúng dường hoa hương không quý nên đem cúng dường trước tiên; còn thân quý trọng nên tiếp

sau lễ bái. Lễ bái rồi nói lý do vốn cầu Bát-nhã, như trong kinh nay nói: Con xưa khi cầu Bát-nhã, nghe ở giữa hư không có tiếng nói cho đến con nay hỏi đại sư: chư Phật từ đâu đến và đi về đâu?

Hỏi: Tát-đà-ba-luân đã được các tam-muội lớn là tam-muội Phá vô minh, tam-muội Quán các pháp tính v.v... vì sao không biết Không mà còn chấp thủ tướng Phật, sinh tâm đấm trước?

Đáp: Bồ-tát mới phát tâm tuy có thể biết tướng chung của các pháp không, vô tướng, song vì đối với chư Phật ưa đấm sâu dày nên không thể hiểu được tướng Phật rốt ráo không. Tuy biết không mà không thể hợp với không, vì sao? Vì chư Phật có vô lượng vô biên công đức chơn thật. Bồ-tát ấy lợi căn nên vào sâu đấm sâu. Nếu Phật không vì Bồ-tát ấy thuyết giảng Không, thì Bồ-tát ấy vì ưa đấm Phật mà có thể tự hủy diệt thân tộc, hưởng nữa là người khác. Chỉ nhờ hiểu Không nên không có việc ấy. Tát-đà-ba-luân rất ưa đấm chư Phật nên không thể biết mà phải hỏi đại sư: Nay vì con nói chư Phật từ đâu đến và đi về đâu. Con thấy thân Phật không nhàm chán nên thường không lìa việc thấy Phật.

(Hết cuốn 98 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 99

### Phẩm 89

#### Giải Thích: Phẩm Đàm-Vô-Kiệt Thứ 89

KINH: Bảy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Nay thiện nam tử, chư Phật không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, vì sao? Vì các pháp như như bất động; các pháp như tức là Phật. Nay thiện nam tử, pháp vô sinh không đến không đi; pháp vô sinh tức là Phật. Pháp vô diệt không đến không đi; pháp vô diệt tức là Phật. Phát thật tế không đến không đi; pháp thật tế tức là Phật. Không, không đến không đi; không tức là Phật. Nay thiện nam tử, không nhiễm không đến, không đi; không nhiễm tức là Phật. Tịch diệt không đến, không đi; tịch diệt tức là Phật. Tính hư không không đến, không đi; tính hư không tức là Phật. Nay thiện nam tử, lìa các pháp ấy lại không có Phật. Chư Phật như, các pháp như là một như, không có phân biệt. Nay thiện nam tử, như ấy thường một, không hai, không ba, ra ngoài pháp số, không có sở hữu. Thí như ánh trăng vào lúc cuối xuân và khi giữa ban ngày nóng bức, có người thấy ánh nắng lung linh. bèn chạy theo tìm, mong có được nước, ý ông nghĩ sao, nước ấy từ ao, từ núi hay từ suối đến? Nay nó đi về đâu? Hoặc vào biển đông, biển tây, biển nam hay biển bắc?

Tát-đà-ba-luân thưa: Thưa đại sư, giữa ánh nắng còn không có nước, làm sao có chỗ đến, chỗ đi?

Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Nay thiện nam tử, người ngu vô trí vì nóng khát bức bách, thấy ánh nắng lung linh, không có nước mà tưởng là nước. Nay thiện nam tử, có người phân biệt chư Phật có đến có đi, nên biết người ấy đều là kẻ ngu, vì sao? Vì chư Phật không thể thấy bằng sắc thân; mà pháp của chư Phật không đến không đi. Chỗ chư Phật đến, chỗ chư Phật đi cũng như vậy; thí như vị thầy huyền thuật, huyền làm ra các đồ vật hoặc voi, hoặc ngựa, hoặc trâu dê, hoặc trai gái; các đồ vật như vậy, ý ông nghĩ sao? Việc huyền ấy từ chỗ nào đến và đến chỗ nào?

Tát-đà-ba-luân đáp: Thưa đại sư, việc huyền còn không thật, làm sao có chỗ đến, chỗ đi?

Nay thiện nam tử, người phân biệt Phật có đến có đi cũng như vậy. Thí như trong mộng thấy voi ngựa, trâu, dê, trai gái, ý ông nghĩ sao, các vật trông thấy trong mộng ấy có chỗ đến, chỗ đi chăng?

Tát-đà-ba-luân thưa: Thưa đại sư, các vật thấy trong mộng là hư dối, làm sao có đến có đi?

Này thiện nam tử, người phân biệt Phật có đến có đi cũng như vậy. Phật nói các pháp như mộng, nếu có chúng sinh không biết nghĩa của pháp ấy, dùng danh từ sắc thân mà đả trước Phật, người ấy phân biệt chư Phật có đến có đi, vì không biết thật tướng các pháp nên đều là ở trong số kẻ ngu vô trí. Người ấy thường thường qua lại trong năm đường sinh tử, xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, xa lìa Phật pháp. Này thiện nam tử, Phật nói các pháp như huyễn, như mộng. Nếu có chúng sinh biết như thật thời người ấy không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi hoặc sinh hoặc diệt; nếu không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi hoặc sinh hoặc diệt thời có thể biết thật tướng các pháp của Phật nói. Người ấy hành Bát-nhã ba-la-mật gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác, gọi là chơn Phật tử, không hư dối, khi thọ dụng của tín thí, người ấy đáng hưởng thọ cúng dường, làm ruộng phước cho thế gian. Thí như các châu báu trong biển nước lớn, không từ phương đông đến, không từ phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới đến, mà do căn lành của chúng sinh nên biển sinh các thứ châu báu ấy. Châu báu ấy cũng chẳng phải không có nhân duyên sinh, châu báu ấy đều từ nhân duyên hòa hợp sinh. Châu báu ấy nếu diệt cũng không đi đến mười phương; do duyên hợp nên có, duyên tan rã nên diệt. Này thiện nam tử, thân chư Phật cũng như vậy, từ nhân duyên bản nghiệp mà có quả báo sinh; sinh không từ mười phương đến, diệt cũng không đi đến mười phương; chỉ các duyên hợp nên có, các duyên li tán nên diệt. Thí như tiếng đàn Không hầu, khi đi ra không có chỗ đến, khi diệt không có chỗ đi, đủ nhân duyên hòa hợp thời có, như có bầu, có cổ, có da, có dây, có trụ, có nút vặn và có người lấy tay gảy. Đủ các duyên hòa hợp như vậy thời có tiếng. Tiếng ấy không từ bầu ra, không từ cổ ra, không từ da ra, không từ dây ra, không từ trụ ra, cũng không từ tay người ra, đủ các nhân duyên hòa hợp nên có tiếng. Khi nhân duyên xa lìa thời không có chỗ đi. Này thiện nam tử, thân chư Phật cũng như vậy, từ vô lượng công đức sinh ra, không từ một nhân, một duyên hay một công đức sinh; cũng chẳng phải không có nhân duyên mà có, đủ các duyên hòa hợp nên có. Thân chư Phật không chỉ từ một việc thành, đến không từ đâu đến, đi không đến đâu. Này thiện nam tử, nên như vậy biết tướng đi tướng đến của chư Phật, cũng nên biết hết thấy pháp không có tướng đến đi. Nếu người biết chư Phật và các pháp không đến không đi, không sinh không diệt thời chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng có thể hành Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện.

Bấy giờ trời Đế-thích lấy hoa Mạn-đà-la trời cho Tát-đà-ba-luân, nói rằng: Nay thiện nam tử, dùng hoa này cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ta sẽ thủ hộ cúng dường ngài, vì sức nhân duyên của ngài mà ngày nay làm lợi ích trăm ngàn vạn ức chúng sinh khiến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay thiện nam tử, người lành như vậy rất là khó gặp, vì lợi ích chúng sinh nên trải qua vô lượng vô số kiếp chịu siêng khổ.

Tát-đà-ba-luân nhận hoa Mạn-đà-la của trời Đế-thích đem rải trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thưa rằng: Thưa đại sư, con từ nay thân này thuộc về đại sư, cung cấp cúng dường. Thưa như vậy rồi chắp tay đứng trước đại sư. Khi ấy người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái cũng thưa Tát-đà-ba-luân rằng: Thân chúng tôi từ nay cũng thuộc về đại sư. Nhờ nhân duyên thiện căn này mà chúng tôi sẽ được pháp như vậy, cũng như đại sư đã được. Cùng với đại sư đời đời cúng dường chư Phật, đời đời thường cúng Phật. Khi ấy Tát-đà-ba-luân nói với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái rằng: Nếu các chị đem tâm thành kính thuộc về ta thời ta sẽ thọ nhận. Các người con gái nói: Chúng tôi đem tâm thành kính thuộc về thầy, theo thầy dạy bảo. Khi ấy Tát-đà-ba-luân và 500 cô gái đem theo vật báu trang nghiêm đồ cúng dường thượng diệu và 500 cỗ xe bảy báu dâng lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và thưa rằng: Thưa đại sư, chúng con đem 500 người con gái này và 500 cỗ xe phụng cấp đại sư, tùy đại sư sử dụng.

Bấy giờ trời Đế-thích khen ngợi Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Bồ-tát nên bỏ hết thấy của cải như vậy. Bồ thí như vậy, mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cúng dường người thuyết pháp như vậy chắc chắn được nghe Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện. Chư Phật quá khứ khi xưa hành đạo Bồ-tát cũng Bồ thí như vậy mà được nghe Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, Đàm-vô-kiệt muốn khiến cho thiện căn Tát-đà-ba-luân đầy đủ, nên thọ nhận 500 cỗ xe, người con gái trưởng giả và 500 người hầu gái; thọ nhận rồi cho trở lại Tát-đà-ba-luân.

Khi ấy Đàm-vô-kiệt thuyết pháp đến hết ngày, rồi đứng dậy đi vào cung. Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta vì pháp mà đi đến, không nên ngồi nằm, nên dùng hai việc hoặc đi hoặc đứng để hầu hạ pháp sư. Từ trong cung đi ra thuyết pháp. Bấy giờ Đàm-vô-kiệt trong bảy năm nhất tâm vào vô lượng vô số tam-muội của Bồ-tát, hành Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện. Tát-đà-ba-luân bảy năm kinh hành, đứng mãi không nằm, không ngồi, không ngủ nghỉ, không có dục, sân hận

bức não, tâm không đắm vị, chỉ nghĩ tới Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lúc nào sẽ từ tam-muội dậy, đi ra thuyết pháp. Tát-đà-ba-luân qua bảy năm nghĩ rằng: Ta sẽ vì Đàm-vô-kiệt mà trải pháp tòa. Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi trên tòa thuyết pháp, ta sẽ quét dọn đất cho sạch sẽ, rải các thứ hoa để trang nghiêm chỗ ấy, vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ thuyết Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện.

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà trải giường bảy báu. Năm trăm người con gái cởi áo trên để trải trên tòa, nghĩ rằng: Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi trên tòa này nói Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện. Tát-đà-ba-luân trải tòa rồi tìm nước, chùi đất mà không được, vì có sao? Vì ác ma ngăn che làm cho nước không hiện. Ma nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân tìm nước không được thời đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác sẽ sinh tâm yếu luột, tâm đổi khác, thời căn lành không tăng trưởng, trí tuệ không soi sáng, đối với Nhất thiết trí bị chướng ngại.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta sẽ tự cắt thân mình lấy máu rửa đất, khiến đất không có bụi, làm nhớt đại sư, ta đâu dùng thân này, thân này chắc chắn sẽ hư hoại. Ta từ vô thủy sinh tử đến nay mà chưa từng vì pháp. Liền lấy dao bén tự cắt thân ra máu, rửa đất. Tát-đà-ba-luân và con gái trưởng giả cùng 500 hầu gái đều không có tâm đổi khác. Ác ma cũng không thể làm gì được. Khi ấy trời Đế-thích nghĩ rằng: Chưa từng có! Tát-đà-ba-luân mền mộ pháp đến như vậy, dùng dao tự rạch mình ra máu để rửa đất. Tát-đà-ba-luân và các người nữ tâm không chuyển động, ác ma Ba tuần không thể phá hoại căn lành của họ. Tâm kia kiên cố, phát thệ nguyện đại trang nghiêm không tiếc thân mạng, vì tâm sâu xa muốn cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sẽ độ hết thảy chúng sinh thoát khỏi vô lượng khổ sinh tử. Trời Đế-thích khen ngợi Tát-đà-ba-luân: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Sức tinh tấn của Ngài rất lớn, kiên cố khó lay động, không thể nghĩ nghĩ. Ông ái mộ pháp cầu pháp rất là vô thượng. Nay thiện nam tử, chư Phật quá khứ cũng như vậy, vì tâm ái mộ pháp sâu xa, tiếc pháp, quý trọng pháp mà chứa nhóm các công đức, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta nên vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà trải pháp tòa, rưới quét đất sạch sẽ xong sẽ đi đến chỗ nào tìm được hoa danh tiếng làm trang nghiêm chỗ đất này? Nếu Đàm-vô-kiệt khi ngồi trên pháp tòa thuyết pháp ta cũng sẽ trải hoa cúng dường. Trời Đế-thích biết tâm của Tát-đà-ba-luân nghĩ gì, liền lấy ba ngàn đầu hoa Mạn-đà-la trời đem cho Tát-đà-ba-luân. Tát-đà-ba-luân nhận hoa xong, lấy một nửa rải trên đất, để lại một nửa chờ Đàm-vô-kiệt khi ngồi trên pháp tòa thuyết pháp sẽ cúng dường.

Bấy giờ Đàm-vô-kiệt qua bảy năm rồi từ các tam-muội dậy, vì chúng nói Bát-nhã ba-la-mật, có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng cung kính vây quanh, đi đến ngồi trên pháp tòa. Tát-đà-ba-luân khi thấy Đàm-vô-kiệt thời tâm rất vui vẻ; thí như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba.

LUẬN: Tát-đà-ba-luân tuy biết các pháp không, không có tướng đến, đi mà chưa thể vào sâu, nên cũng không hiểu các pháp môn. Vì đối với thân Phật quá cung kính, thâm trọng nên không thể quán không; như sóng trên biển lớn, sức nó tuy lớn song đến bên núi Tu-di thời ngưng lại, không có tác dụng. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, tuy có tâm và trí lực lớn mà đến chỗ Phật thời cũng vô dụng. Thế nên Đàm-vô-kiệt vì Tát-đà-ba-luân nói cho biết chư Phật không từ đâu đến, đi không đến đâu. Trong kinh này Đàm-vô-kiệt tự nói nhân duyên: Các pháp như như bất động; các pháp như tức là Phật.

Hỏi: Thế nào là các pháp như?

Đáp: Thật tướng các pháp là tính không, không có sở đắc; các pháp môn không v.v...

Hỏi: Đại Bát-nhã là pháp bậc nhất ở trong sáu Ba-la-mật của Phật pháp Đại thừa, nếu không có Phật thời không có người nói Bát-nhã. Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, mười lục, bốn điều không sợ, sắc pháp, vô sắc pháp và năm uẩn tịnh diệu hòa hợp nên gọi là Phật; như năm ngón tay hòa hợp gọi là bàn tay, không được nói không có bàn tay? Danh từ đã khác thời hình tướng cũng khác, sức dùng cũng khác, không được nói không có bàn tay; thế nên nói có Phật?

Đáp: Không phải vậy. Trong Phật pháp có hai đế là thế đế và đệ nhất nghĩa đế. Theo thế đế nên nói Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật; theo đệ nhất nghĩa đế nên nói Phật không; không đến không đi. Như ông nói: Do năm uẩn thanh tịnh hòa hợp nên gọi là Phật, vì hòa hợp nên có, ấy tức là không có; như trong kinh này Phật tự nói nhân duyên: Năm uẩn chẳng phải Phật, lia năm uẩn cũng không có Phật; năm uẩn không ở trong Phật, Phật không ở trong năm uẩn; Phật chẳng phải do năm uẩn có, vì sao? Vì năm uẩn là năm, Phật là một, một không thể làm năm, năm không thể làm một. Lại năm uẩn không có tự tính nên hư dối không thật. Phật tự nói: Đối với hết thảy pháp không cưỡng dối, Ta là bậc nhất. Thế nên năm uẩn chẳng tức là Phật. Lại nữa, nếu năm uẩn tức là Phật thời ai có năm uẩn, lẽ đáng đều là Phật?

Hỏi: Vì nghi nạn ấy nên tôi trước nói, năm uẩn thanh tịnh bậc nhất và 32 tướng gọi là Phật?

Đáp: Ba mươi hai tướng v.v... khi làm Bồ-tát cũng có, cứ gì không gọi là Phật?

Hỏi: Bấy giờ tuy có thân tướng tốt đẹp trang nghiêm, mà không có trí Nhất thiết chủng. Nếu có trí Nhất thiết chủng ở trong thân sắc tốt đẹp bậc nhất ấy tức gọi là Phật?

Đáp: Trí Nhất thiết chủng ở trong Bát-nhã nói là tướng tịch diệt, không có hí luận. Nếu được pháp ấy là không có sở đắc, vì không có sở đắc nên gọi là Phật. Phật tức là không. Có nhân duyên như vậy nên năm uẩn không được tức là Phật. Lìa năm uẩn cũng không có Phật, vì sao? Vì lìa năm uẩn lại không có pháp gì khác có thể nói được, như lìa năm ngón tay lại không có bàn tay có thể nói được.

Hỏi: Cứ gì không có bàn tay? Hình sắc cũng khác, sức dùng cũng khác, nếu chỉ là ngón tay thì không thể khác? Nhân năm ngón tay hòa hợp nên có bàn tay, bàn tay ấy tuy vô thường, sinh diệt, song không được nói là không có.

Đáp: Bàn tay ấy nếu nhất định có thời trừ năm ngón tay ra lý đáng có bàn tay có thể trông thấy được, mà không cần nhân nơi năm ngón tay? Có các nhân duyên như vậy, lìa năm ngón tay lại không có bàn tay; Phật cũng như vậy, lìa năm uẩn thì không có Phật. Phật không ở trong năm uẩn, năm uẩn không ở trong Phật, vì sao? Vì sự khác biệt không thể có được. Nếu năm uẩn khác với Phật thì lẽ đáng Phật ở trong năm uẩn, nhưng việc ấy không đúng. Phật cũng chẳng có năm uẩn, vì sao? Vì lìa năm uẩn không có Phật; lìa Phật cũng không có năm uẩn. Thí như Tỳ-kheo có ba y và bình bát, nên có thể nói được là có, nhưng Phật với năm uẩn không được riêng khác, thế nên không được nói Phật có năm uẩn. Nơi năm uẩn như vậy tìm Phật không thể có được, nên biết không có Phật. Phật không có nên không đến không đi.

Hỏi: Nếu không có Phật tức là tà kiến, làm sao Bồ-tát phát tâm cầu làm Phật?

Đáp: Trong đây nói không có Phật là để phá cái vọng tưởng chấp trước Phật, chứ không nói cái vọng tưởng chấp thủ không có Phật. Nếu có Phật còn không để cho chấp thủ, huống nữa là tà kiến chấp thủ không có Phật?

Lại, Phật thường tịch diệt, không có tướng hí luận, nếu người ta phân biệt, hí luận tướng thường tịch diệt thì người ấy rơi vào tà kiến. Lìa hai bên có và



không ấy, ở vào trung đạo, tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Phật, vì sao? Vì được thật tướng các pháp gọi là được thành Phật!

\* Lại nữa, sắc pháp v.v... như tướng, tức là Phật; sắc pháp v.v... tính không là như tướng. Chư Phật như tướng cũng là tính không, thế nên không đến không đi, không sinh không diệt. Pháp tính, thật tế không, vô nhiễm, tịch diệt, hư không tính cũng như vậy, không đến không đi. Như, cho đến tính hư không như, Phật như, là một như, không hai, không ba sai khác, trong kinh này tự nói nhân duyên, vì có gì? Vì ra khỏi pháp số, không có sở hữu. Như v.v... là thật pháp, trong đó không có ước tưởng phân biệt, vì chấp thủ tướng nên có danh tự, trong danh tự có số. Trong kinh đây tự nói nhân duyên: Không chẳng phải thật, vì không có sở hữu.

Hỏi: Nếu pháp ấy không có, thì làm sao có thể thấy, có thể nghe, có khổ, có vui, có trí, có mở, phân biệt sai khác?

Đáp: Trong đây Đàm-vô-kiệt dùng mỗi mỗi phân biệt thí dụ nói: Như ánh trăng cuối xuân và thấy ánh nắng, cho đến người ấy không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi. Trong ánh nắng tuy không có nước thật sự mà cũng có thể dỗi gạt mắt người nên sinh ra khổ vui. Các pháp cũng như vậy, tuy không, không có sở hữu, cũng có thể làm cho người ta khổ vui, lo mừng; mộng huyễn cũng như vậy.

\* Lại nữa, Phật có hai thân: Một là sắc thân, hai là pháp thân. Pháp thân là chơn thật, sắc thân vì theo nghĩa thế đế nên nói có Phật. Tướng pháp thân, trên kia dùng mỗi mỗi nhân duyên nói là thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp cũng không đến không đi, thế nên nói chư Phật không từ đâu đến và không đi đến đâu. Nếu người có được tướng pháp thân chư Phật ấy gọi là gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chưa được Nhất thiết trí nên gọi là gần, vì tương tự. Bát-nhã ba-la-mật gọi là thật tướng các pháp, nếu hành được như vậy ấy là chơn Phật tử hành Bát-nhã ba-la-mật.

Chơn Phật tử là, vì được thật tướng các pháp gọi là Phật, và vì được thật tướng các pháp sai khác nên có Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, Bồ-tát lớn sai khác. Tu-đà-hoàn cho đến Bồ-tát lớn, ấy là chơn Phật tử.

Không lường dối ăn của tín thí là, bố thí cho súc sinh, tuy được quả báo gấp trăm lần mà phước ấy có hạn lượng cùng tận, không thể độ chúng sinh khỏi sinh tử nên gọi là lường dối ăn của tín thí. Tu-đà-hoàn cho đến Phật, các bậc hiền thánh nhận sự bố thí của người, quả báo của phước ấy cho đến khi chứng Niết-bàn không có hạn lượng cùng tận, nên nói không lường dối ăn của tín thí. Người ấy

đáng được lãnh thọ sự cúng dường của chúng sinh. Như Tu-đà-hoàn xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu; Tư-đà-hàm xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu cho đến Tu-đà-hoàn; A-na-hàm xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm; A-la-hán xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm; Bích-chi Phật xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. Bồ-tát gần thành Phật xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Thanh văn, Bích-chi Phật.

Vì thế gian làm ruộng phước là, như gieo giống vào ruộng tốt, thu hoạch chắc chắn nhiều. Ruộng phước của người trì giới, thiền định, trí tuệ, chúng sinh gieo giống phước vào được quả vô lượng.

Ở trên nói, chư Phật không đến, không đi. Tát-đà-ba-luân và các thánh giả ý cho rằng, chư Phật còn không có, các pháp lẽ đáng cũng đều diệt, thời rơi vào đoạn diệt! Thế nên nay nói nhân duyên thí dụ. Đàm-vô-kiệt mở bày cho Tát-đà-ba-luân rằng: Như chỗ ông chấp trước, ý cho rằng cái thật có là không có, vì độ chúng sinh nên từ nhân duyên hòa hợp có hình tượng hiện ra. Muốn chứng minh để làm rõ việc ấy nên nói thí dụ: Như châu báu sinh ra trong biển, nó không từ mười phương đến, khi diệt không đi đến đâu, cũng chẳng phải không có nhân duyên mà sinh. Chánh do nhân duyên phước đức của chúng sinh trong bốn châu thiên hạ nên trong biển lớn sinh châu báu ấy. Nếu khi kiếp tận thời nó không có chỗ đi; thí như đèn tắt lửa không đi đến đâu. Thân Phật cũng như vậy, từ khi mới phát tâm gieo trồng căn lành, đều là nhân duyên của tướng tốt thân Phật. Thân Phật cũng chẳng tự tại, vì đều thuộc nhân duyên nghiệp quả báo sinh. Nhân duyên ấy tuy trú lâu song tính nó là pháp hữu vi nên chắc chắn trở về với vô thường tan hoại, thời không có thân; thí như người giỏi bắn mà ngược mặt bắn lên hư không, mũi tên đi xa mà chắc chắn sẽ rơi xuống đất. Thân Phật cũng như vậy, tuy tướng tốt chói sáng mà do phước đức thành tựu, danh xưng vô lượng nên độ người vô lượng, cũng quy về tiêu diệt.

Hỏi: Nếu do nhân duyên phước đức của chúng sinh nên trong biển lớn sinh ra châu báu, có gì không sinh ra gần chỗ chúng sinh mà lại sinh ra ở giữa biển lớn, là nơi khó kiếm được?

Đáp: Trong biển cũng có chúng sinh, như rồng và A-tu-la v.v... sử dụng châu báu ấy.

\* Lại nữa, nếu châu báu sinh trong đời xấu ác của loài người thời kẻ tham lam che giấu, không cho người có được. Nếu ở vào đời tốt đẹp, châu báu tự sinh trong cõi người, không có ai tham tiếc, như thời kỳ đức Phật Di-lặc, châu báu xem như gói gạch. Vì người giải đãi, lười biếng tiếc thân, cố mong tìm vui, nên châu báu ở trong biển không thể tìm được. Nếu người có tâm lớn, không tiếc thân mạng, siêng năng tìm kiếm thời dễ được. Nước trong biển lớn ví dụ cho cõi nước trong mười phương sáu nẻo, các châu báu tức là chư Phật. Như châu báu vì chúng sinh nên phát sinh, nhưng người giải đãi, biếng nhác thời không thể có được. Chư Phật cũng như vậy, tuy vì chúng sinh mà ra đời, song những người vì giải đãi, tiểu tâm, tiếc thân, chấp đắm ngã nên cũng không được độ, vì sao? Vì các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sinh.

Chúng sinh có hai nhân duyên được độ: Một là bên trong có chánh kiến; hai là bên ngoài gặp được người khéo thuyết pháp. Chư Phật tuy khéo thuyết pháp mà chúng sinh bên trong chánh kiến không đầy đủ nên Phật không thể độ hết. Như châu báu tuy vì chúng sinh mà xuất hiện, song vẫn có chúng sinh nghèo cùng; chư Phật cũng như vậy, tuy vì chúng sinh xuất hiện, song chúng sinh bên trong chánh kiến ít nên cũng không được độ. Lại ví dụ như đàn Không hầu, có thùng, có cổ, có da, có dây, có trục, có người lấy tay gảy, đủ các duyên như vậy hòa hợp thời có tiếng. Tiếng ấy cũng không ở trong các duyên, mà lìa các duyên cũng không có tiếng. Do nhân duyên hòa hợp nên có tiếng có thể nghe. Thân Phật cũng như vậy, do các nhân duyên sáu Ba-la-mật và sức phương tiện hòa hợp nên có. Thân Phật không ở trong sáu Ba-la-mật và sức phương tiện, cũng không lìa sáu Ba-la-mật và sức phương tiện. Như tiếng không do một nhân duyên, cũng chẳng phải không có nhân duyên. Thân Phật cũng như vậy, không từ không có nhân duyên, cũng không từ chút ít nhân duyên, mà phải đầy đủ các nhân duyên pháp lành nên sinh thân Phật. Như tượng trong gương đủ nhân duyên hòa hợp nên có, nhân duyên ly tán nên không; thân Phật cũng như vậy, có đủ nhân duyên nên xuất hiện, nhân duyên ly tán nên diệt. Này thiện nam tử, nên như vậy quán tưởng đi, đến của chư Phật. Hết thấy pháp tướng cũng nên biết như vậy. Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Ông có thể biết tướng các pháp không đến không đi thời chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thoái chuyển, cũng có thể hành Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, vì sao? Vì hết thấy pháp không có chướng ngại.

Hỏi: Trời Đế-thích vì sao hóa làm hoa Mạn-đà-la đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Trời Đế-thích vì ưa vui Phật đạo nên thường cung kính các Bồ-tát.

\* Lại nữa, trời Đế-thích muốn nhiếp thủ chúng sinh vào trong Phật đạo nên hiện thân vua trời đem hoa cho Tát-đà-ba-luân. Tát-đà-ba-luân nhất tâm cầu Phật đạo nên chư thiên đến cúng dường, chúng sinh trông thấy đều cũng phát tâm. Trời Đế-thích vì dẫn đường cho chúng sinh nên cúng dường Tát-đà-ba-luân. Có người nói: Trời Đế-thích rất ái kính Tát-đà-ba-luân, mà cách cao nhất là đi đến thử, thử rồi làm cho thân thể người ấy trở lại bình phục, nay lại lấy hoa đem cho. Sức của trời Đế-thích có thể cho hoa mọi người, vì chúng sinh không có phước thời người đáng cho hoa cũng liền biến hoại. Tát-đà-ba-luân đã thành tựu phước đức nên được hoa chắc chắn không biến mất; vì thế nên đem cho. Nếu các Bồ-tát khi cúng dường thầy không cúng hết thời nên thủ hộ người cúng dường.

Trước đã nói nhân duyên rằng cắt thịt ra máu là cốt tử vì làm thân thích lâu ngày nên thủ hộ.

\* Lại nữa, trời Đế-thích, như ở trong kinh này tự nói nhân duyên: Vì sức nhân duyên của ông nên làm lợi ích cho trăm ngàn vạn ức chúng sinh. Tát-đà-ba-luân nhận lấy hoa, theo ý nguyện mà cúng dường Đàm-vô-kiệt. Tát-đà-ba-luân lúc đầu nghe danh thầy, sau mắt thấy, tai nghe pháp thời dứt hết nghi, nên đem thân cúng dường. Người con gái của vị trưởng giả cũng bắt chước Tát-đà-ba-luân, đem thân thí cho Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân đem thân cúng dường Đàm-vô-kiệt vì ruộng phước Đàm-vô-kiệt lớn, có gì người con gái không đem thân cúng dường Đàm-vô-kiệt mà lại đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Trí người con gái ngẩn ngủ mà tâm ái trước nhiều, nên không đem cúng dường bản sư mà đem cho người khác. Lại, vì thân người nữ tội uế, tâm tuy trong sạch mà bên ngoài có chỗ chê bai.

Hỏi: Người con gái trưởng giả lúc đầu rời bỏ cha mẹ rồi làm quyến thuộc của Tát-đà-ba-luân, nay có gì lại đem thân bố thí?

Đáp: Lúc đầu rời bỏ cha mẹ cùng Tát-đà-ba-luân đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt, vì pháp nên cúng dường, cũng không tự đem thân mình bố thí. Cha mẹ cũng không đem bố thí cho Tát-đà-ba-luân. Nay thấy Tát-đà-ba-luân hỏi lý nghĩa sâu sa, Đàm-vô-kiệt giải nói, trời Đế-thích hoan hỷ cúng dường, thế nên người con gái của vị trưởng giả pháp tâm hoan hỷ, đem thân cúng dường vì tâm tự tại. Lại, hết thấy thân người nữ không có chỗ hệ thuộc thời mang tiếng xấu. Thân thể người nữ khi nhỏ thời theo cha mẹ, khi trẻ thời theo chồng, khi già thời theo

con. Người con gái của vị trưởng giả ấy tuy cùng một đường đi đến mà không được phép lâu ngày không có sở thuộc, thế nên tự đem mình bố thí, nguyện rằng: Như những điều thầy chúng được, chúng ta cũng sẽ chúng được.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân muốn đem người con gái ấy cúng dường Đàm-vô-kiệt, nhưng còn sợ người nữ ấy hiềm hận nên nói: Các chị thật đem thành tâm cúng dường thời tôi sẽ nhận các chị.

Thành tâm là không tự mình dụng tâm, mà tùy người khác phân xử, như vật vô tâm. Các người nữ đáp rằng thật do thành tâm. Tức thời Tát-đà-ba-luân đem người con gái của vị trưởng giả và các người hầu gái cùng 500 cỗ xe dâng lên Đàm-vô-kiệt. Đàm-vô-kiệt muốn trừ cái nghi thường tình của thế gian cho rằng người kia dối gạt trưởng giả, nên đem các người con gái đến mà bố thí tất cả, rõ ràng đã không dẫm trước.

\* Lại nữa, Tát-đà-ba-luân nhờ tiếng nói giữa hư không, nên nghe rồi hiểu được, hoan hỷ, như điều yêu quý của người đời, cả vật bên trong, bên ngoài đều đem cúng dường, vì muốn đi vào sâu cửa bố thí Ba-la-mật. Trời Đế-thích biết Tát-đà-ba-luân chưa sạch hết các phiền não tham ái mà có thể thí xả hết vật trong ngoài, không còn sót lại gì, nên khen ngợi rằng lành thay và đem việc Phật quá khứ làm thí dụ. Vì làm được việc khó làm nên được quả báo khó được, đó là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hỏi: Nếu Đàm-vô-kiệt muốn làm cho căn lành bố thí của Tát-đà-ba-luân đầy đủ nên lãnh thọ cúng dường, có gì trở lại đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Đàm-vô-kiệt có đại trí phương tiện làm cho Tát-đà-ba-luân được phước đức lớn, không bị mất, ấy là sự lãnh thọ cao thượng. Tát-đà-ba-luân rất thành tâm bố thí, dứt các tham trước, không mong được trả lại nên đầy đủ phước đức. Đàm-vô-kiệt suy nghĩ : Tát-đà-ba-luân từ xa đi đến mà đối với năm dục tâm không nhiễm trước; và người trước đây đã biết cúng dường tức là người thiện, thế nên đem cho trở lại.

Lại, nghe các người nữ trước đem thân dâng cho Tát-đà-ba-luân là người chứ không phải tài vật, vì muốn toại bản ý.

\* Lại nữa, các người nữ đời đời làm đệ tử Tát-đà-ba-luân; có các nhân duyên như vậy nên đem cho trở lại Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Các Bồ-tát lớn thuyết pháp không nên mệt nhọc, có sao còn vào cung?

Đáp: Vì theo pháp của người đời. Lại, chúng sinh trong thành Chúng Hương không thường cầu đạo, có khi nhàm chán, ưa hưởng thọ năm dục. Chư thiên vì thường hưởng thọ năm dục nên ngăn ngại, phớt bỏ việc cầu đạo. Có cõi nước của Bồ-tát ở thường siêng tinh tấn, không hưởng thọ năm dục, còn bản nguyện của chúng sinh trong thành Chúng Hương hưởng thọ lẫn lộn. Bồ-tát theo chí nguyện của họ, vì muốn dẫn dắt họ nên sinh vào nước ấy. Thế nên, vì chúng sinh nghe Phát mệt mỗi mà Bồ-tát đứng dậy đi vào trong cung.

Lại, người chưa đắc đạo thời pháp tuy vì diệu mà thường nghe cũng dễ sinh tâm mỗi mệt nhàm chán; trong chúng này có những người như vậy.

Lại, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trong nước này hưởng thọ giàu vui, theo Pháp của người đời, khi mặt trời lặn nên nghỉ ngơi.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta vì Pháp nên đi đến, không nên ngồi, nằm.

Hỏi: Vì Pháp, có gì không nên ngồi nằm?

Đáp: Không có Pháp nhất định ấy. Người ấy rất ước muốn, rất tinh tấn. Vì cung kính Pháp nên tự nghĩ rằng: Ta nếu nằm ngồi thời là biếng nhác. Khi mới đầu cầu Pháp, ta còn không tiếc thân mạng, huống nữa mệt mỗi, nên không ngồi, nằm. Ước muốn tinh tấn lớn ngược lại với việc ngồi, nằm.

Lại, ngồi nằm thời không gắng sức; đi và đứng thời gắng sức siêng năng, nên thường dùng hai oai nghi ấy để chờ thầy khi đi ra.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân trước đã biết bảy năm thầy không đi ra chăng?

Đáp: Lúc mới đến không biết.

Lại, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cũng thường bảy năm không đi ra. Vì nhân duyên nên tự thề bảy năm vào định. Tát-đà-ba-luân tự thề rằng: Thầy chưa đi ra thời ta không bao giờ ngồi.

Lại, theo pháp thế gian thời người lớn còn không tự trái với mình, huống nữa vì đạo Pháp!

Lại, lúc mới cầu Pháp còn không tiếc thân mạng, huống gì nay đứng bảy năm thời đâu đủ là khó!

Hỏi: Thân người mềm yếu, làm sao có thể bảy năm không ngồi, không nằm?

Đáp: Người lúc ấy mạng sống rất lâu, tuy bảy năm mà như nay bảy ngày. Lại, thân người trong đời tốt đẹp có sức phước đức lớn, tuy đứng luôn bảy năm mà không cho là khó. Như Hiếp Tỳ-kheo năm 60 tuổi mới xuất gia mà tự cam kết thề rằng: Lưng ta không dính chiếu, phải được hết mọi việc đáng được của hàng Thanh văn cho đến được thành A-la-hán đủ sáu thần thông, tạo bộ kinh luận nghị trong bốn A-hàm, đến nay còn lưu hành rộng rãi trong đời. Vị Tỳ-kheo ấy ở đời xấu ác mà còn được như vậy, huống nữa là Tát-đà-ba-luân sinh ở đời tốt đẹp! Lại, sức của thân tuy yếu mà sức của tâm mạnh, nên có thể làm thành công việc.

\* Lại nữa, người nhất tâm cầu Phật đạo được mười phương Phật hộ niệm rằng: Các đại Bồ-tát và chư thiên cầu Phật đạo sẽ làm tăng ích khí lực cho người ấy, bao quanh thủ hộ, nên tuy trụ đứng bảy năm mà không mỏi mệt.

Hỏi: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vào tam-muội, vì có gì cho đến bảy năm?

Đáp: Như trước đã đáp: Người sinh trong đời tốt đẹp sống rất lâu, tuy bảy năm mà không cho là lâu.

Lại, Đàm-vô-kiệt có cung điện, thể nữ vi diệu, đủ năm dục giống như trời. Tát-đà-ba-luân mới phát tâm nên tâm chưa nhu nhuyễn, nghi Đàm-vô-kiệt tuy thuyết pháp không, tán thán ly dục mà tâm mình chưa thể xả bỏ. Bảy năm vào tam muội ấy vì muốn trừ nghi cho chúng sinh nên sinh tâm quý kính. Nghe Đàm-vô-kiệt bảy năm vào tam-muội, tâm và miệng khế hợp nhau, nói được, làm được thời người ta tin thọ lời kia, có thể dễ được độ. Thí như mụn nhọt chưa chín muối thời thầy thuốc không phá được, chỉ dùng thuốc bôi, làm cho chín muối thời dễ phá.

\* Lại nữa, vì muốn tâm hưởng thọ phát sinh cái vui chơn thật, nên vào vô lượng tam-muội. Lại, thuyết pháp có hai: Một là miệng thuyết pháp; hai là thân hiện pháp. Nay muốn lấy thân hiện pháp nên vào vô lượng tam-muội, khiến chúng sinh biết nhiếp tâm vào tuệ mà được trí như thật.

Bồ-tát tam-muội là như đã nói trong nghĩa Bồ-tát trước kia.

Hành Bát-nhã và sức phương tiện là như đã nói trong phẩm Phương tiện trước kia.

Tát-đà-ba-luân trong bảy năm mà ba thứ ác giác quán không sinh, không nhiễm đắm vào ý vị. Người ấy tuy chưa phá phiền não mà vì nhóm các pháp lành nên

chế phục các phiền não không cho phát sinh, chỉ phát sinh một niệm: Lúc nào Đàm-vô-kiệt sẽ đi ra, ta sẽ theo nghe Bát-nhã.

Qua bảy năm rồi, nghi rằng: Ta sẽ trải tòa cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và quét rửa làm cho trang nghiêm.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân làm thế nào biết được qua bảy năm rồi Đàm-vô-kiệt sẽ đi ra?

Đáp: Có người nói: Trước từng bảy năm triển chuyển nghe biết. Có người nói: Đàm-vô-kiệt khi mới vào tam-muội, tự nói rằng: Hạn trong bảy năm. Như đức Phật Thích-ca-văn-ni bảo A-nan: Ta muốn vào thiền định một tháng, hai tháng. A-nan bảo lại với bốn chúng. Tát-đà-ba-luân rất mến mộ Phật pháp, kính trọng Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên cúng dường, trang nghiêm chỗ thuyết pháp. Hàng Bồ-tát xuất gia chỉ trang nghiêm tâm mình để đi đến pháp sư thọ pháp; hàng Bồ-tát tại gia thời trang nghiêm chỗ thuyết pháp, cúng dường hoa hương.

\* Lại nữa, Tát-đà-ba-luân trang nghiêm như vậy là muốn để Đàm-vô-kiệt biết dấu hiệu mình ái mộ Pháp, ham muốn Pháp, thâm tâm tin vui, nên hiện ra việc ấy; thế nên sinh tâm, cùng với 500 người con gái, thay nhau tưới quét, tự đem vàng bạc, châu báu trải lên trên tòa. Tát-đà-ba-luân tuy tự mình có chấn, nệm đẹp đẽ, song vì tâm ái mộ Pháp thiết tha nên lấy áo trên thân mình đang mặc trải trên tòa, tìm nước tưới đất, bị ma che lấp nên không thể tìm được. Trong kinh này tự nói nhân duyên: Ma nghĩ rằng, nếu Tát-đà-ba-luân tìm nước không được thời tâm kia sẽ mềm yếu, chí nguyện không đầy đủ. Lại để cho tự khinh khi thân mình rằng, vì ta phước đức mỏng nên muốn cúng dường Pháp mà tìm nước không có được. Do sự tự khinh nên ưu sầu che lấp tâm.

Phước đức không tăng trưởng, trí tuệ không chiếu sáng là, vì các phiền não ưu sầu che tâm nên phước đức trí tuệ không thể chiếu sáng. Thí như mặt trời bị chướng ngại nên ánh sáng không rõ ràng. Ma biết tâm người đó lớn, không thể làm trở ngại, chỉ làm trở ngại chút ít, làm cho người ấy đình trệ.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân tự cắt thân mình ra máu để tưới đất, muốn làm cho sạch bụi. Máu thịt người tuy hôi, song vì chí tâm tìm nước không được, ý không phân biệt thơm thối, tốt xấu mà vì muốn sạch bụi nên không tiếc thân mạng.

Lại, Tát-đà-ba-luân tâm sâu xa ưa đắm Bát-nhã ba-la-mật nên không yêu tiếc gì. Có người nói: Có nhiều trời, rồng, quỷ, thần thường đi theo Tát-đà-ba-luân thủ hộ giúp đỡ, thế nên máu chảy ra biến thành nước thơm. Như tiên nhân Sần-đề



lúc bị cắt xẻ, máu biến thành sữa. Lại, vì thành tựu vô lượng phước đức nên theo nguyện được thành.

Hỏi: Nếu phước đức thành tựu, theo nguyện liền được thành thời ma không thể che giấu nước?

Đáp: Bồ-tát ấy mới phát tâm, có thể thành nguyện nhỏ mà chưa thể trừ ma. Trong kinh này, Tát-đà-ba-luân tự nói nhân duyên chảy máu rằng: Ta từ vô thị sinh tử lại đây, nhiều lần tan thân mà chưa từng vì Pháp.

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân yêu mến Pháp, cắt thân ra máu, nếu thân kia chết đi thời còn ai nghe Pháp?

Đáp: Việc ấy đã đáp như trong đoạn rạch xương, lấy tủy. Lại, trong đây được chư thiên và đại Bồ-tát thủ hộ nên làm cho người kia không chết. Lại, ác ma biết tâm người kia không thể phá hoại thời nước trở lại chảy ra.

Tát-đà-ba-luân v.v... đều không có tâm khác là như người lúc đầu thực tập tâm từ, muốn vì chúng sinh và vì Bát-nhã ba-la-mật nên không tiếc thân mạng. Nhưng đến khi có được dao bén cắt thân thời sợ đau đớn, sinh tâm hối hận, ấy gọi là tâm khác. Bồ-tát ấy có sức tin lớn nên muốn được quả báo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên không kể cái khổ ấy. Lại, vì tâm bi sâu xa, ái niệm chúng sinh, tuy chịu các khổ não mà không cho là khó. Thí như mẹ hiền thương con, tuy vì con chịu khổ nhọc, bất tịnh mà không cho là nhớp. Lại thấy thật tướng các pháp rốt ráo không, nên biết thân này chỉ là hòa hợp, hư dối. Vì phá cái hư dối ấy nên khi cắt xẻ thân, không làm chướng ngại Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Ma không được phá hoại dễ dàng là, như người có mụn thời chịu chất độc. Bồ-tát nếu có mụn tham dục ưu sầu, thời ma được dễ dàng phá hoại. Vì lấy máu chảy rưới đất mà tâm không ưu sầu nên ma không được dễ dàng phá hoại. Như tâm Tát-đà-ba-luân, tâm 500 người con gái cũng như vậy, kính trọng Tát-đà-ba-luân nên thấy người cắt thân lẽ đáng có ưu não, song vì người ấy được thỏa nguyện nên không lấy làm buồn.

Bấy giờ trời Đế-thích thấy việc đó rồi tán thán chưa từng có. Người ấy chưa được vô sinh nhẫn, các phiền não chưa dứt mà vì cúng dường Pháp nên không tiếc thân mạng, như người đã lia dục, khi bị cắt xẻ thân mạng như cắt cây cỏ. Tâm ban đầu đã vậy thời tâm sau càng mạnh hơn.

\* Lại nữa, chưa từng có là trong đây trời Đế-thích tự nói nhân duyên rằng: Tát-đà-ba-luân ái mộ Pháp đến như vậy, lấy dao tự cắt mình. Tâm trời Đế-thích hoan hỉ rồi, khen rằng lành thay. Khen người kia vì ái mộ Pháp, vui Pháp, tâm siêng tinh tấn nên đem việc Phật quá khứ làm ví dụ, nói rằng: Chẳng phải chỉ ngày nay khổ nhọc, mà chư Phật quá khứ khi cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng khổ nhọc như vậy. Tát-đà-ba-luân nghe trời Đế-thích an ủi tâm mình rồi, như lửa được mỡ thì càng thêm rực cháy, nghĩ rằng: Ta đã trải tòa, quét đất, sẽ ở chỗ nào ta tìm được danh hoa để trang nghiêm chỗ thuyết pháp?

Hỏi: Khi không thấy nước, có sao không nghĩ rằng sẽ ở đâu tìm được nước để tưới đất?

Đáp: Tát-đà-ba-luân trước biết chỗ có nước mà tức khắc lại đều không có, nên biết bị ma làm trở ngại. Thế nên, tự mình lấy thân gồm bốn phần đại, cắt lấy huyết là phần thủy đại để tưới đất. Phần thủy đại trong thân tuy nhiều mà máu là thứ mạng sống, nên cắt lấy tưới đất. Tự mình không có hoa, nên khi Đàm-vô-kiệt đi ra sắp đến, không thể đi tìm nơi xa, lại cần dùng nhiều để rải khắp trên đất. Thế nên sinh ý nghĩ muốn có được. Trời Đế-thích biết ý nghĩ của người kia, liền lấy thứ hoa đẹp nhất trong hoa trời Mạn-đà-la đầy, gồm ba ngàn đầu đem cho, đủ để rải khắp. Sở dĩ trời Đế-thích không lấy hoa người đem cho là vì muốn làm cho phát tâm hy hữu. Tát-đà-ba-luân nhận hoa xong chia làm hai phần: Phần tốt giữ lại để khi thuyết pháp đem rải, còn phần khác thì rải trên đất. Theo pháp thông thường của nước ấy, lấy hoa rải trên đất để đi trên đó, thế là cúng dường.

Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt như điều đã ước trước kia, đủ bảy năm xong từ tam-muội dậy, cùng với vô lượng trăm ngàn chúng cung kính vây quanh, đi thẳng đến Pháp tòa, vì chúng nói Bát-nhã.

Hỏi: Nếu các Bồ-tát vào tam-muội vì diệu thời ai làm cho khởi dậy?

Đáp: Hành giả lúc mới vào tự hẹn thời hạn, sau đó mới vào định. Khi thời hạn đến, tâm kia tự nhiên từ tam-muội dậy. Vì bi tâm nên sinh giác quán. Có một Tỳ-kheo khi vào Diệt thọ tưởng định, tự mình hẹn thời hạn rằng, khi nghe tiếng kiền chùy sẽ khởi định. Khi đã vào định xong, lúc ấy phòng Tăng bị lửa cháy. Các Tỳ-kheo hoảng sợ, không đánh kiền chùy mà bỏ đi. Bấy giờ qua mười hai năm rồi, đàn-việt lại họp chúng Tăng, muốn dựng lại căn phòng mới đánh kiền chùy. Khi nghe tiếng kiền chùy thì Tỳ-kheo từ định khởi dậy, lúc ấy thân liền tan rã mà chết. Những người đắc đạo về sau nói lại việc như vậy.

\* Lại nữa, có người nói: Thân đại Bồ-tát là thân do pháp tính sinh. Như chư Phật thường vào tam-muội, không có tâm thô tán loạn, vì sức thần thông nên có thể thuyết pháp và bay đi độ thoát chúng sinh. Vì theo pháp thế tục nên có tướng vào định, ra định. Thế nên, tuy vào tam-muội vì diệu mà có thể ra trở lại, vì có tâm đại bi dẫn dắt; thí như chú thuật khiến cho rồng bay ra.

Đại chúng vây quanh là nội quyến thuộc cung kính rải hoa, đốt hương, theo sau mà đi ra, vì họ mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

Nói Bát-nhã ba-la-mật là nhân theo danh từ, ngôn ngữ thế đế, muốn mở bày tướng bất động của đệ nhất nghĩa đế cho chúng sinh. Tát-đà-ba-luân thấy Đàm-vô-kiệt liền được tâm hoan hỷ, thanh tịnh, hỷ lạc chạy khắp mình, như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba, vì sao? Vì chúng sinh nhiều tham muốn, tuy chẳng phải tịnh diệu mà khi được còn hỷ lạc hưởng nữa là người đã được trông thấy thân trang nghiêm có công đức chơn thật!

Tát-đà-ba-luân từ thân Phật giữa hư không nghe nói Đàm-vô-kiệt liền sinh ước muốn lớn, được các tam-muội. Thấy chư Phật mười phương, lại nghe mười phương chư Phật nói nhân duyên đời trước: Chỉ có Đàm-vô-kiệt có thể độ cho ông. Nghe như vậy rồi tâm người ấy tăng ích, khát ngưỡng muốn trông thấy, nên giữa đường muốn bán thân để cúng dường. Nay ở trong thành Chúng Hương, bảy năm không ngồi không nằm là vì muốn trông thấy Đàm-vô-kiệt; tâm khát ngưỡng như vậy mà dục lạc đến lâu thời như người bị nóng khát bức bách, dù gặp được nước đục, nóng vẫn còn hoan hỷ, hưởng nữa là gặp nước ngon, trong, mát? Đã vì lòng khát ngưỡng lâu ngày; lại, công đức của Đàm-vô-kiệt lớn, thế nên khi gặp được vui mừng.

Hỏi: Vui có bốn thứ, có gì đây chỉ nói cái vui ở thiền thứ ba mà không nói đến cái vui định của các bậc trên và cái vui giải thoát?

Đáp: Vì chúng sinh cõi dục đối với ba thọ phần nhiều ham cái cảm thọ vui, nghe cái vui Niết-bàn không có sở hữu, thời tâm không vui mừng. Vì bốn thiền dứt khổ, lạc thọ, nên tâm cũng không vui; cái vui trong thiền thứ ba là cái vui cùng cực.

Lại, có người nói: Tát-đà-ba-luân mới phát tâm, chưa vào được định thâm tế, vì diệu, nên thấy Đàm-vô-kiệt liền phát sinh hoan hỷ, như vào thiền thứ ba. Tát-đà-ba-luân tự biết mình có hoan hỷ lớn, nên tức thời bỏ hỷ, được pháp tính thanh tịnh, sự an lạc chạy khắp mình, thế nên đem cái vui ở thiền thứ ba để ví dụ.

(Hết cuốn 99 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 100

KINH: Bảy giờ Tát-đà-ba-luân và người con gái của vị trưởng giả cùng 500 người hầu gái đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt rải hoa trời Mạn-đà-la, đầu mặt đánh lễ xong lui ngồi một bên. Đàm-vô-kiệt thấy các người ấy ngồi xong, bảo Tát-đà-ba-luân rằng: Này thiện nam tử, hãy lắng nghe, khéo lãnh thọ, nay Ta sẽ vì ông nói tướng Bát-nhã ba-la-mật. Này thiện nam tử, vì các pháp bình đẳng nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng; vì các pháp lìa tướng nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng lìa tướng; vì các pháp bất động nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bất động; vì các pháp không nhớ nghĩ nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không nhớ nghĩ; vì các pháp không sợ nên Bát-nhã ba-la-mật cũng không sợ; vì các pháp một vị nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng một vị; vì các pháp vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì các pháp vô sinh nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô sinh; vì các pháp vô diệt nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô diệt; vì hư không vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì nước biển lớn vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì núi Tu-di trang nghiêm nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng trang nghiêm; vì hư không không có phân biệt nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có phân biệt; vì sắc vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì thọ, tướng, hành, thức vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì địa chủng vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì không giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì như kim cương bình đẳng nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng; vì các pháp không có phân biệt nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có phân biệt; vì các pháp tính không thể có được nên biết Bát-nhã ba-la-mật tính cũng không thể có được; vì các pháp không có sở hữu, bình đẳng; nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có sở hữu, bình đẳng; vì các pháp không làm nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không làm; vì các pháp không thể nghĩ nghĩ nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể nghĩ nghĩ.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân ngay nơi chỗ ngồi được các tam-muội, đó là tam-muội Các pháp bình đẳng, tam-muội Các pháp lìa tướng, tam-muội Các pháp không sợ, tam-muội Các pháp một vị, tam-muội Các pháp vô biên, tam-muội Các pháp

không sinh, tam-muội Các pháp không diệt, tam-muội Hư không vô biên, tam-muội Nước biển lớn vô biên, tam-muội Núi Tu-di trang nghiêm, tam-muội Hư không không có phân biệt, tam-muội Sắc vô biên, tam-muội Thọ, tưởng, hành, thức vô biên, tam-muội Địa giới vô biên, tam-muội Thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới vô biên, tam-muội Như kim cương bình đẳng, tam-muội Các pháp không có phân biệt, tam-muội Các pháp không thể nghĩ bàn; như vậy thầy đều được trăm ngàn vạn ức môn tam-muội.

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề: Như Ta nay ở giữa ba ngàn đại thiên thế giới có các Tỳ-kheo Tăng vây quanh, với tướng ấy, với tướng mạo ấy, với danh tự ấy nói Bát-nhã ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân được 600 vạn môn tam-muội, thấy phương đông, tây, nam, bắc, bốn góc, trên, dưới. Chư Phật trong thế giới đại thiên ba ngàn số như cát sông Hằng với các Tỳ-kheo cung kính vây quanh; do tướng như vậy; tướng mạo như vậy, danh từ như vậy, thuyết Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Tát-đà-ba-luân từ đó về sau trí tuệ nghe nhiều không thể nghĩ bàn, như nước biển lớn; thường không xa lìa Phật, thường sinh trong nước có Phật, cho đến trong mộng chưa từng lúc nào không thấy Phật. Hết thấy các nạn đều dứt sạch, theo nguyện vãng sinh ở nước có Phật. Nay Tu-bồ-đề, nên biết nhân duyên của Bát-nhã ba-la-mật ấy có thể làm thành tựu hết thảy công đức của Bồ-tát, được trí Nhất thiết chủng. Vì thế, nên các Bồ-tát nếu muốn học sáu Ba-la-mật hãy nên vào sâu trí tuệ chư Phật, muốn được trí Nhất thiết chủng hãy nên thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, rộng vì người nói, cũng viết chép quyển kinh cúng dường, tôn trọng, tán thán, cúng hương hoa cho đến kỹ nhạc, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của mười phương chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; được mười phương chư Phật tôn trọng.

LUẬN: Đàm-vô-kiệt đã đi ra đến pháp tòa, xem khắp không có ai hơn mình, bấy giờ mới ngồi. Khi ấy Tát-đà-ba-luân biết đã ngồi chắc, đi đến đầu mặt đánh lễ dưới chân rồi ngồi một bên.

Đánh lễ có ba cách: Một là miệng lễ, hai là quỳ gối mà đầu không sát đất, ba là đầu sát đất; đó là sự lễ cao thượng. Trong một thân người, đầu ở trên hết, chân ở dưới hết; đem đầu lễ chân là cung kính cùng tốt.

Đàm-vô-kiệt thấy người kia đã ngồi xong, biết người từ xa đi đến không tiếc thân mạng, chịu mọi siêng khổ, chỉ vì muốn nghe Pháp. Lúc mới thấy nhau, vì mặt trời sắp lặn nên thời gian nghe Pháp ngắn. Đàm-vô-kiệt vì thấy mặt trời lặn nên đứng dậy đi vào cung; nay vì Pháp nên bảy năm khát ngưỡng không sinh tâm khác. Khi Đàm-vô-kiệt sắp đi ra, thời Tát-đà-ba-luân lấy máu rưới đất, biết người

kia vì Pháp, không tiếc thân mạng, tâm kia không thoái chuyển, quyết định không nghi ngờ, có thể nhận sự giáo hóa, nên bảo rằng: Nay thiện nam tử, hãy nhất tâm lắng nghe. Ở trên nói nghi Phật từ đâu đến, đi về đâu đã dứt, nay chỉ muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, nên nói cho tướng Bát-nhã ba-la-mật.

Tướng Bát-nhã ba-la-mật là như trước đã nói trong các nghĩa: Các pháp bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng v.v...

Hoặc có người nói: Vì sức Bát-nhã ba-la-mật nên quán các pháp đều bình đẳng, chứ chẳng phải tính các pháp bình đẳng. Thế nên Đàm-vô-kiệt nói: Vì các pháp bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, vì sao? Vì nhân quả giống nhau. Lúc mới quán các pháp bình đẳng là nhân, khi tâm quyết định được Bát-nhã ba-la-mật là quả.

Hỏi: Quán các pháp bình đẳng tức là Bát-nhã, Bát-nhã tức là bình đẳng, có gì phân biệt làm nhân, quả?

Đáp: Bát-nhã và các pháp tuy một tướng, không hai không khác, song hành giả khi quán các pháp bình đẳng là nhân, quán xong gọi là quả. Như đạo Tu-đà-hoàn có đức và hướng. Lại như năm uẩn hữu lậu, khi ở trong tập gọi là nhân, khi ở trong quả gọi là quả. Hết thấy pháp sắc v.v... bình đẳng tức là Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng.

Hỏi: Nên nói tướng Bát-nhã ba-la-mật, nay có gì nói bình đẳng? Nhân không có bình đẳng nên mới có bình đẳng, nhân có bình đẳng nên mới có không bình đẳng? Đối với Bát-nhã cũng chẳng phải một tướng, cũng chẳng phải khác tướng, có gì ông muốn thủ lấy một tướng?

Đáp: Bát-nhã rất sâu xa, vi diệu, không dùng phương tiện thuyết thời không ai hiểu được. Thế nên, nếu phân biệt không có bình đẳng thời sinh ra phiền não. Ba độc tăng trưởng, đó là thân yêu, oán ghét, yêu thiện, ghét bất thiện. Bồ-tát đối với hai thứ ấy quán hết thấy pháp đều bình đẳng, nơi chúng sinh quán oán thân, thương ghét đều bình đẳng, mở cửa phước đức, đóng các đường ác. Trú trong pháp bình đẳng thời các ức tướng phân biệt và tâm thủ tướng chấp trước đối với hết thấy pháp đều dứt trừ, chỉ thấy các pháp không; không tức là bình đẳng.

Có người được các pháp bình đẳng không ấy, đi thẳng đến đạo Bồ-tát, đối với không, không còn hí luận. Có người tuy được pháp bình đẳng mà sinh hí luận, hoặc quán tất cả đều không. Vì có lỗi như vậy, nên người ấy đối với bình đẳng

tức không bình đẳng. Thế nên trong đây vì chơn bình đẳng nên nói Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, chẳng phải là hí luận. Là hai bên bình đẳng và không bình đẳng là tướng Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Bình đẳng là đối với tướng Bát-nhã đã đầy đủ, có gì còn nói là tướng, vô biên v.v... là tướng Bát-nhã?

Đáp: Trong kinh chỉ nói các pháp bình đẳng nên Bát-nhã bình đẳng. Hành giả thủ lấy tướng bình đẳng ấy mà sinh tâm chấp trước, nên nói tướng Bát-nhã bình đẳng, tự tính xa lìa, vì sắc pháp v.v... tự tính xa lìa. Nghĩa xa lìa như trong phẩm Tướng, Vô tướng đã nói. Được các pháp bình đẳng này, lại đối với bình đẳng là tướng, an trú trong không; trú trong không thời bất động, hí luận không làm lay động, núi phiến nào không làm lay động được, kiếp vô thường không lay động được, vì sao? Vì được thật tướng của hết thấy pháp. Bồ-tát trú trong hai không ấy được Bát-nhã bất động; ấy là rất ráo. Nếu có khởi lên nhớ nghĩ tức là chỗ có tướng chấp trước, nên nói các pháp không có nhớ nghĩ. Nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có nhớ nghĩ.

Tướng không động là Bát-nhã, vì Bát-nhã ba-la-mật tướng diệt. Nếu không nhớ nghĩ Bát-nhã ấy thời hoặc bị mê muội, không có chỗ xu hướng. Người có hí luận ở giữa đại chúng thời hay sinh sợ hãi. Hoặc vì đối Niết-bàn không hiểu rõ nên cũng sinh sợ hãi, thế nên nói tướng không sợ hãi là Bát-nhã ba-la-mật. Người ấy tuy không quyết định chấp thủ tướng các pháp mà vào sâu pháp tính, nên ở giữa đại chúng nếu có người luận nạn về các tướng thời tâm không sợ hãi, vì đối với các pháp được vô tướng.

Lại, khi vào vô sinh pháp nhẫn, biết hết thấy pháp không thể có được, nơi trong ấy cũng không sợ hãi, vì sao? Vì Bồ-tát khéo thông đạt hết thấy pháp.

\* Lại nữa, hết thấy pháp một tướng nghĩa là tính không. Thế nên Bát-nhã ba-la-mật tùy theo hết thấy pháp, nên cũng một vị tính không.

Hỏi: Trên đã nói các pháp bình đẳng, nay có gì còn nói một vị?

Đáp: Không, hoặc có khi có vị, hoặc có khi không có vị. Nếu hành giả vì các kiến chấp thủ tướng phân biệt mà trừ lượng tốt xấu; bấy giờ được bình đẳng không tâm đối với các pháp, thời rất hoan hỷ, nên gọi là ý. Như người bị nóng khát bức bách, gặp được nước trong mát cho vị ấy không gì sánh bằng, tùy thời sử dụng nên gọi là vị. Chơn thật rất ráo không, thời không có vị hay không vị.

\* Lại nữa, một vị là Bồ-tát khi hành Bát-nhã, đối với sở quán, sở duyên đều là một vị, vì sức trí biết về tính không rất lớn, nên các pháp khác đều đi theo mà không. Thí như nấu đường phèn, khi sắp chín, tuy có vật khác hợp vào đều biến thành đường phèn.

Lại như biển lớn trăm sông chảy về đều thành một vị, đó là vị rất ráo không. Các pháp sắc v.v... cũng như vậy, ở trung tâm phàm phu mỗi mỗi sai khác mà vào trong Bát-nhã thời đều thành một vị. Bên cạnh danh và tướng hoặc có hoặc không, nếu thật quán các pháp sắc v.v... chẳng phải có chẳng không nên vô tướng, vô tướng tức là vô biên; quán như vậy tức là Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

\* Lại nữa, có người nói: Biên có hai, là bên thường và bên đoạn; bên thế gian và bên Niết-bàn. Bên Niết-bàn, bên ác, bên lành v.v... trong đây không có các bên như vậy nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

\* Lại nữa, có người nói: Biên là đời trước, đời sau. Thế gian vô tử cho nên không có đời trước; vào Vô dư Niết-bàn nên có đời trước, không sinh ra trở lại cho nên không có đời sau. Phân biệt các biên như vậy, đấng trước thế gian nên sợ Niết-bàn. Thế nên trong Bát-nhã ba-la-mật không có các biên ấy, chỉ nghe nói thật tướng các pháp không vào, không ra.

Hỏi: Các pháp bình đẳng, các pháp tự tính lia đều là vô biên, cứ gì còn nói riêng?

Đáp: Có người biết các pháp bình đẳng, biết các pháp tự tính lia, thời không cần nói. Nếu có người chấp thủ tướng, vì đấng trước một vị ấy nên nói là vô biên. Đàm-vô-kiệt không phải chỉ vì Tát-đà-ba-luân mà thuyết pháp, Tát-đà-ba-luân cũng không chỉ tự vì mình nên hỏi, mà chỉ vì chúng sinh có nhiều tâm tính, nhiều hành động nên đối với tướng Bát-nhã ba-la-mật lược nói các tướng. Không sinh, không diệt như trước đã nói ở đoạn dùng các nhân duyên phá sinh diệt. Hư không vô biên như đã nói trong ví dụ hư không trong pháp Đại thừa. Nước biển lớn vô biên, Tu-di trang nghiêm vì trước chưa nói nên nay sẽ lược nói.

Hỏi: Hư không vô biên vì là pháp thường, không tìm được biên giới nó, có thể nói vô biên, còn nước biển lớn ở trong bốn châu thiên hạ, bao quanh núi Tu-di có số lượng do tuần, có người vượt qua được, cứ sao nói vô biên?

Đáp: Vô biên có hai: Một là thật vô biên; hai là người ta không thể đếm được nên vô biên. Biển cũng có hai phần: Phần có thể qua được và phần bao quanh



núi Tu-di ở giữa chín núi báu rộng 84.000 do tuần. Người thế gian không biết được biên giới nó nên nói là vô biên. Như biển nhỏ, sức thuyền có thể qua được, nước biển lớn sức thuyền không thể qua được. Như phạm phu ngoại đạo có thể có chiếc thuyền thiền định vượt qua biển Dục giới, Sắc giới, còn Vô sắc giới như biển lớn sâu rộng, không thể vượt qua được, vì không thể phá tâm ngã. Các bậc hiền thánh có đôi cánh trí tuệ và thiền định, phá tướng tà đối với các pháp, được thật tướng nên có thể qua được. Thế nên mà nói ví dụ như biển lớn.

Hỏi: Núi Tu-di một màu sắc, vì sao nói trang nghiêm?

Đáp: Sách ngoài nói núi Tu-di một màu sắc, thuần là vàng ròng. Luận Lục-túc Tỳ-bà-sa nói: Bốn phía núi Tu-di đều do một thứ báu thành, hoặc vàng, bạc, pha lê, lưu ly trang nghiêm, chim đến đậu phía nào cũng đều đồng một màu sắc ấy. Anh em của Long vương như Nan-đà-bà-nan-đà đem thân nhiều quanh bảy vòng. Trên đỉnh núi có cung trời Ba mươi ba, thành kia bảy lớp gọi là Hỷ kiến. Có 999 cửa, bên mỗi mỗi cửa đều có 16 vị thần đại lực áo xanh thủ hộ. Chỗ cao trong thành dựng điện gọi là điện Tối thắng. Bốn phía có bốn vườn lớn, bốn vua trời ở bốn phía, có núi gọi là Du-càn-đà, mỗi núi cao 42.000 do tuần, mỗi Thiên vương trị vì trên đó. Nước trong bốn biển lớn có cung điện của A-tu-la và Long vương. Chín núi báu Du-càn-đà v.v... có mặt trời, mặt trăng, năm tinh, 28 tú và các sao khác vây quanh trang nghiêm. Các thứ trang sức dùng để trang nghiêm như vậy trông không biết chán; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Quả báo của sáu Bát-nhã ba-la-mật là được làm Chuyển luân vương, Phạm vương, Đế-thích, trời Tịnh cư, trời Đại tự tại. Quả báo như vậy do khi hành Bát-nhã ba-la-mật chưa đầy đủ nên hưởng được quả báo trang nghiêm ấy. Khi Bát-nhã ba-la-mật đầy đủ thời được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, địa vị Bồ-tát bất thoái chuyển và đạo quả chư Phật trang nghiêm. Như phía trên và dưới núi Tu-di đều trang nghiêm, Bát-nhã ba-la-mật trang nghiêm cũng như vậy. Khi chưa đầy đủ thời sự trang nghiêm của chư thiên là bậc nhất, khi đầy đủ rồi thời có các đạo quả trang nghiêm. Như núi Tu-di khi kiếp bắt đầu thành lập, bốn phía có gió lớn thổi thời chất vị tinh túy của đất nhóm lại làm Tu-di, lại có gió thổi làm cho cứng thành báu; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Đối với hết thầy pháp lành là cứng, chắc thật bậc nhất, hòa hợp bền chắc bằng Bát-nhã. Như núi Tu-di bốn phía gió lớn thổi sóng nước biển lớn, không thể làm lay động; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, các ngoại đạo tà kiến hí luận và các ma dân không thể làm lay động. Như đỉnh núi Tu-di có vườn bốn phía, chư thiên đi đến hưởng

thọ các thứ vui; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Hành giả lên được đỉnh Bát-nhã, đi đến trong vườn bốn thiên định hưởng các thứ vui.

\* Lại nữa, có người nói: Núi Tu-di chim đến đều đồng một màu với núi, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, các pháp vào trong Bát-nhã đều đồng một tướng, đó là vô tướng.

Như hư không không có phân biệt, là hư không không có phân biệt trong ngoài, xa gần, dài ngắn, sạch, không sạch; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Các pháp vào trong Bát-nhã cũng không có phân biệt trong ngoài, lành, chẳng lành.

Như năm uẩn vô biên là, năm uẩn thường biến khắp thế gian; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, không xa lìa năm uẩn. Thật tướng năm uẩn tức là Bát-nhã ba-la-mật.

\* Lại nữa, như sắc pháp v.v... phân tích, chia rẽ cho đến vi trần thời không có phương hướng nên không có ranh giới. Pháp vô sắc vì không có hình nên không có đây kia, không có đây kia nên không có ranh giới; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, đối với hết thảy pháp phân biệt sắc cho đến vi trần, phân biệt pháp vô sắc cho đến trong một niệm không thấy chắc chắn có thường, lạc, ngã, tịnh. Thế nên nói sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên, cho đến hư không sáu chủng cũng như vậy.

Như Kim cương là, chư Thiên vương Cầm kim cương, không ghét không thương, tùy chỗ sử dụng mà không có việc gì không đánh nát. Tâm trước khi được Nhất thiết trí của chư Phật, tam-muội trong tâm ấy có thể dứt hết thảy kiết sử phiền não điên đảo và tập khí nên gọi là như Kim cương. Như trí tuệ tương ứng với tam-muội Kim cương mà quán hết thảy pháp đều bình đẳng, Bát-nhã ba-la-mật quán hết thảy pháp bình đẳng cũng như vậy, vì sao? Vì Bát-nhã trước quán các pháp bình đẳng vậy sau mới được tam-muội ấy.

Các pháp không có phân biệt là, người phạm phu thế gian vì sức phiền não nên phân biệt các pháp, được thật tướng các pháp thời đều phá hoại đổi khác. Thế nên thánh nhân được Bát-nhã ba-la-mật không theo ức tướng phân biệt các pháp mà vào trong tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác; nếu khi các pháp đổi khác thời không ưu sầu, vì từ trước lại đây không phân biệt thủ tướng các pháp.

Các pháp tính không thể có được là, hết thảy pháp đều do nhân duyên hòa hợp sinh, không có cái gì không do nhân duyên hoặc ít nhân duyên mà sinh khởi. Nếu từ nhân duyên sinh thời không có tự tính. Tự tính là sự thật quyết định vốn

có. Nếu tính từ nhân duyên hòa hợp sinh, nên biết khi chưa hòa hợp thời không có. Nếu trước không có nay từ nhân duyên hòa hợp có thời biết không có tính. Nếu từ nhân duyên hòa hợp sinh tính thời tính ấy tức là pháp tạo tác. Tính gọi là không đọi nhau, không nhân nhau, thường phải riêng có, độc lập. Pháp hữu vi như vậy thời không có. Thế nên nói hết thấy pháp tính không thể có được; tính Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

Vì các pháp không có sở hữu là, các pháp tính không thể có được, các duyên cũng không thể có được. Các duyên cũng không thể có được nên đều là không có sở hữu. Vào trong không có sở hữu, thời đều bình đẳng, vì sao? Vì có nên có phân biệt; vì không nên không có phân biệt. Như hương cỏ, hương chiên đàn, khi đốt lên thời có phân biệt, khi diệt mất thời không có phân biệt.

Các pháp không làm là, vì chúng sinh không, pháp không thời đều không làm.

Chúng sinh làm là, làm mười việc lành và mười việc chẳng lành v.v...

Pháp làm là, lửa cháy, nước chảy, gió động, thức hay nhận thức, tri hay biết các pháp như vậy, mỗi mỗi tự có sức riêng. Không có chúng sinh cho đến không có kẻ biết kẻ thấy; không có sắc cho đến trí Nhất thiết chủng đều như trước đã phá.

Phá chúng sinh cho nên không có kẻ làm là, phá pháp nên không có làm, chỉ vì người phàm phu bị điên đảo che lấp nên nói có làm.

Các pháp không thể nghĩ nghĩ là, hết thấy pháp không có được tướng quyết định hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc thật hoặc không, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc sinh diệt hoặc không sinh diệt, hoặc tịch diệt hoặc không tịch diệt, hoặc lìa hoặc chẳng lìa, hoặc có hoặc không có; các môn phân biệt cũng như vậy, không thể nghĩ nghĩ, vì sao? Vì các pháp ấy đều từ trong tâm ức tướng phân biệt sinh, không thể có quyết định. Thật tính của hết thấy pháp đều vượt qua danh tự ngôn ngữ của tâm tâm số pháp. Như phẩm trước nói: Hết thấy pháp bình đẳng, hết thấy hiện thánh không thể hành, không thể đến, thế nên không thể nghĩ nghĩ; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, vì quán pháp ấy nên phát sinh.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân liền từ chỗ ngồi được các tam-muội.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân trước đã biết các pháp tướng không, nay chịu mọi siêng khổ, đứng luôn bảy năm để thấy Đàm-vô-kiệt được lợi ích gì?

Đáp: Tát-đà-ba-luân trước thấy chư Phật được các tam-muội, vì quý trọng Bát-nhã ba-la-mật nên sinh ra trước tướng. Nay Đàm-vô-kiệt qua bảy năm từ định khởi dậy nói Bát-nhã để phá tâm chấp trước tướng kia. Hết thầy pháp tính tự không, chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật làm cho nó không. Vì thế nên nói, vì các pháp bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, vì các pháp lìa tướng, cho đến các pháp không thể nghĩ nghĩ nên Bát-nhã ba-la-mật không thể nghĩ nghĩ. Không thể khinh hèn các pháp khác mà quý trọng Bát-nhã, vì sao? Vì không để cho nhân Bát-nhã lại sinh chấp trước cấu uế. Bát-nhã ba-la-mật tuy rất ráo thanh tịnh, có nhiều lợi ích lại không thể thủ tướng mà sinh tâm chấp trước, như vàng chói nóng tuy đẹp mà không thể lấy tay nắm. Tát-đà-ba-luân được sự giáo hóa ấy, dứt tâm chấp trước đối với Bát-nhã, liền được các tam-muội. Giải nói mỗi mỗi câu, đối với tâm tán loạn chỉ có trí tuệ chứ không gọi là tam-muội, nay theo thầy nghe rồi nhất tâm suy nghĩ gọi là tam-muội. Nhiếp tâm không tán loạn, trí tuệ biến thành tam-muội. Như đèn giữa gió không thể chiếu sáng, ở trong nhà yên lặng đóng cửa, ánh sáng chiếu khắp. Trước đã vì tâm dục giới tán loạn nên sức trí tuệ chưa thành tựu; nay trong khi nhiếp tâm nghe được các pháp đều gọi là tam-muội, có thể phá trừ phiền não và ma dân. Như nước khi gió lạnh chưa đến, chưa đóng thành băng thời không có tác dụng cứng, nếu đóng thành băng thời có thể đi lên trên được. Được sáu trăm vạn môn tam-muội như vậy, Tát-đà-ba-luân được nghe Đàm-vô-kiệt thuyết pháp, đối với các pháp được trí tuệ sáng suốt lớn; nghĩa là được môn thật tướng của các pháp. Các pháp bình đẳng, bình đẳng là trí tuệ. Vào trong tâm thiền định của Tát-đà-ba-luân biến thành tam-muội.

Nay muốn nói tam-muội, trí tuệ, quả báo đời này đời sau.

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề, như nay ta ở giữa chúng thuyết Bát-nhã, vì tướng ấy, vì tướng mạo ấy, vì danh dự ấy nói Bát-nhã ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân theo Đàm-vô-kiệt được tam-muội, ở trong tam-muội thấy mười phương Phật ở giữa đại chúng nói Bát-nhã cũng như vậy. Nay Tu-bồ-đề, Tát-đà-ba-luân từ đây về sau rất ưa vui pháp nên chứa nhóm nhiều kinh, nghe nhiều, đọc tụng rộng rãi; như A-nan, Phật dạy điều gì đều có thể nhớ giữ. Tát-đà-ba-luân, có trí tuệ đã vẫn không thể nghĩ nghĩ, như nước biển lớn, ngay trong đời ấy thường không lìa Phật. Như vậy gọi là quả báo đời nay. Xả bỏ thân, thường sinh trong nước có Phật, khéo tu hành tam-muội Niệm Phật, nên cho đến trong mộng, ngay từ đầu không rời sự thấy Phật. Các nạn địa ngục v.v... đều đã dứt hết vĩnh viễn, tùy ý vãng sinh vào cõi nước của chư Phật. Vì người kia sâu vào Bát-nhã ba-la-mật, chứa nhóm vô lượng công đức nên không theo nghiệp thọ sinh. Tát-đà-ba-luân

từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sinh, nhóm vô lượng công đức; thí như vị trưởng giả hào quý, từ một chúng hội đến một chúng hội, cho đến nay ở chỗ Phật Đại Lôi Âm tịnh tu phạm hạnh. Nếu có người muốn cầu Bát-nhã ba-la-mật hãy nên như Tát-đà-ba-luân, kiên định nhất tâm, không thể khuynh động. Thế nên nên biết, nhân duyên của Bát-nhã ba-la-mật có thể thành tựu được hết thảy công đức. Các Bồ-tát được Bát-nhã, các tội cấu khi xuất gia như tà nghi, hí luận thảy đều trừ diệt, được tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh nên được hết thảy công đức.

Được trí Nhất thiết chủng là, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Sáu Bát-nhã ba-la-mật là, từ sơ địa cho đến thất địa, được vô sinh pháp nhẫn; bát địa, cửu địa, thập địa là vào sâu trí tuệ Phật, được trí Nhất thiết chủng, thành Phật.

Đối với hết thảy pháp được tự tại là, đều có thể thọ trì cho đến dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường.

Tu-bồ-đề vì thường ưa hạnh Không nên Phật cùng Tu-bồ-đề nói Bát-nhã. Lại, Tu-bồ-đề được tam-muội Vô tránh nên Phật không thể phó chúc. A-nan được Đà-la-ni Văn trì, lại thường gần gũi Phật, nên được Phật phó chúc rộng rãi.

## Phẩm 90

### Giải Thích: Phẩm Chúc Lụy Thứ 90

KINH: Bấy giờ Phật bảo A-nan: Ý ông nghĩ sao, Phật là đại sư của ông chăng? Ông là đệ tử của Phật chăng?

A-nan thưa: Bạch đức Thế Tôn, Phật là đại sư của con. Tu-già-đà là đại sư của con, con là đệ tử của Phật.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Ta là đại sư của ông, ông là đệ tử của Ta. Như những việc đệ tử cần làm ông đã làm xong. Nay A-nan, ông dùng nghiệp từ của thân, nghiệp từ của miệng, nghiệp từ của ý mà cúng dường cung cấp cho Như Lai, thường làm đúng ý Như Lai, không có trái lỗi. Nay A-nan, thân Như Lai hiện tại ông yêu kính cúng dường cung cấp, tâm ông thường thanh tịnh, sau khi Như Lai diệt độ, hết thảy sự ái kính cúng dường cung cấp nên ái kính cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến lần thứ hai, thứ ba Như Lai lấy Bát-nhã ba-la-mật

phó chúc cho ông. Này A-nan, ông chớ quên mất, chớ là người tối hậu làm dứt giống Phật. Này A-nan, tùy theo bao nhiêu lâu Bát-nhã ba-la-mật trú ở đời, nên biết bấy nhiêu lâu có Phật trú ở đời thuyết pháp. Này A-nan, nếu có người chép Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, rộng vì người nói, nên cung kính, tôn trọng tán thán, hoa hương phan lọng, áo báu, đèn đuốc mỗi mỗi cúng dường người ấy, nên biết người ấy không lìa thấy Phật, không lìa nghe pháp, thường gần gũi Phật.

Phật nói Bát-nhã ba-la-mật xong, các Bồ-tát Di-lặc v.v... và Huệ mạng Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-Diếp, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nan v.v... cùng hết thấy đại chúng và hết thấy thế gian trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la nghe Phật thuyết đều rất hoan hỉ v.v...

LUẬN. Hỏi: Phật đã dứt tâm ưa đắm pháp, cho đến trí Nhất thiết chủng, Niết-bàn, còn không chấp trước, không thủ tướng, có sao nay dùng mỗi mỗi nhân duyên phó chúc pháp ấy, in tuồng như ưa đắm pháp?

Đáp: Chư Phật có tâm đại từ bi, từ khi mới phát tâm lại đây cho đến khi vào cửa Niết-bàn, thường không rời bỏ, ở giữa đôi cây Ta-la dùng sức tam-muội Kim-cang vì chúng sinh mà làm nát thân như mè, gạo để lại làm lợi ích, hưởng gì kinh pháp có nhiều lợi ích mà không phó chúc?

Lại, A-nan là người chưa lìa dục, chưa biết hết uy lực quả báo của Bát-nhã ba-la-mật có nhiều lợi ích, vì thế ân cần phó chúc rằng: Ông nên khéo gìn giữ, không để quên mất. Vì vậy nên Phật tuy đối với hết thảy pháp không có thương ghét, tướng thường tịch diệt mà phó chúc Bát-nhã ấy.

Hỏi: A-nan là người Thanh văn, có gì Phật đem Bát-nhã ba-la-mật phó chúc mà không phó chúc cho các đại Bồ-tát như Di-lặc v.v...?

Đáp: Có người nói: A-nan thường hầu hai bên Phật, cúng dường sự cần dùng, được Đà-la-ni Văn trì. Nghe rồi nhớ giữ, một lần nghe nhớ mãi không quên. Đã là em chú bác của Phật, lại có nhiều bè bạn tiếng tăm rộng khắp, bốn chúng nương nhờ, là vị thầy thứ ba theo Phật chuyển bánh xe pháp. Phật biết Xá-lợi-phất thọ mạng ngắn ngủi, diệt độ sớm nên không phó chúc.

Lại, A-nan là thầy của 500 A-la-hán có đủ sáu thần thông, ba minh, cộng giải thoát. A-nan đã có nhiều lợi ích như vậy, nên phó chúc. Các đại Bồ-tát như Di-lặc v.v... sau khi Phật diệt độ mỗi mỗi phân tán, theo quốc độ thích ứng hóa độ chúng sinh. Di-lặc trở lại trên trời Đâu-suất; Tỳ-ma-la-cật, Văn-thù-sư-lợi cũng đi

đến chỗ chúng sinh thích ứng để hóa độ. Phật lại do vì các vị Bồ-tát có sức hiểu sâu Bát-nhã ba-la-mật nên không cần phải nhọc nhằn phó chúc. A-nan là người Thanh văn, theo pháp Tiểu thừa, thế nên Phật ân cần phó chúc.

Hỏi: Nếu như vậy, thời kinh Pháp Hoa và các kinh Phương Đẳng khác có sao lại phó chúc cho các Bồ-tát Hỷ Vương v.v...?

Đáp: Có người nói: Khi ấy Phật thuyết pháp sâu xa khó tin, người Thanh văn không ở tại đó. Lại như Phật thuyết kinh Giải thoát không thể nghĩ nghĩ, 500 A-la-hán ở bên Phật mà không nghe được; hoặc có khi nghe được mà không thể ứng dụng; thế nên phó chúc cho các Bồ-tát.

Hỏi: Lại có pháp gì sâu xa hơn Bát-nhã mà đem Bát-nhã phó chúc cho A-nan, còn các kinh khác phó chúc cho Bồ-tát?

Đáp: Bát-nhã chẳng phải là pháp bí mật; mà các kinh Pháp Hoa v.v... nói A-la-hán được thọ ký, chắc chắn làm Phật, đại Bồ-tát vẫn có thể thọ trì, ứng dụng; thí như thầy thuốc giỏi có thể dùng chất độc làm thuốc.

\* Lại nữa, như trước nói: Bát-nhã có hai, một là Bát-nhã nói chung cho Thanh văn nghe, hai là chỉ nói cho mười phương đại Bồ-tát trú trong thập địa nghe, chẳng phải cứu địa nghe, huống nữa là Bồ-tát mới phát tâm! Lại có kinh Bồ-tát cứu địa nghe được cho đến sơ địa nghe được, mỗi mỗi không đồng nhau. Tướng chung của Bát-nhã ba-la-mật là một mà sâu cạn có khác, thế nên đem phó chúc cho A-nan, không lỗi.

Hỏi: Trước đây thấy trong phẩm A-sơ Phật đã phó chúc, nay còn phó chúc, vậy có gì sai khác?

Đáp: Đạo Bồ-tát có hai: Một là đạo Bát-nhã ba-la-mật, hai là đạo phương tiện. Trước phó chúc là nói thể tướng Bát-nhã ba-la-mật xong, nay là nói khiến cho chúng sinh được phương tiện Bát-nhã ấy xong mà phó chúc; vì thế nên sau khi thấy Phật A-súc, tiếp nói phẩm AÂu-hòa. Trong Bát-nhã ba-la-mật tuy có phương tiện, phương tiện tuy có Bát-nhã, mà tùy theo sự thọ dụng nhiều nên gọi tên. Bát-nhã và phương tiện, bản thể là một, vì chỗ dùng hơi khác cho nên nói riêng. Thí như thợ vàng vì phương tiện khéo léo nên lấy vàng làm các vật khác nhau, tuy đều là vàng mà tên gọi có mỗi mỗi khác. Bồ-tát được thật tướng Bát-nhã ba-la-mật ấy, nghĩa là hết thấy pháp tính không, tướng tịch diệt, không có sở hữu, tức là muốn diệt độ. Vì sức phương tiện nên không thủ chứng Niết-bàn. Khi ấy nghĩ rằng, hết thấy pháp tính không, Niết-bàn cũng không. Ta nay đối với

công đức Bồ-tát chưa đầy đủ nên không nên thủ chứng; khi công đức đầy đủ mới có thể thủ chứng. Khi ấy Bồ-tát dùng sức phương tiện vượt qua địa vị Nhị thừa mà vào Bồ-tát vị. Trú trong Bồ-tát vị biết pháp sâu xa vi diệu không có văn tự mà dẫn đường cho chúng sinh; ấy gọi là phương tiện.

\* Lại nữa, có phương tiện là Bồ-tát biết hết thấy pháp rốt ráo tính không, không có sở hữu mà có thể trở lại khởi lên pháp lành, hành sáu Ba-la-mật, không theo không; hoặc có thể sinh bốn việc là hoặc nghi, hoặc tà kiến, hoặc vào Niết-bàn, hoặc làm Phật. Vì Bát-nhã có sự phân biệt như vậy, nếu có thể trừ tà nghi, không vào Niết-bàn, ấy là phương tiện. Có người nói: Bát-nhã ba-la-mật có nhiều lợi ích, tối thắng đối với kho châu báu lớn. Phật biết sau khi diệt độ có nhiều giặc oán muốn hủy hoại Bát-nhã nên ở mỗi mỗi phẩm đều phó chúc còn không có lỗi, huống nữa là chỉ phó chúc hai lần.

Hỏi: Nếu phó chúc, có gì ân cần, trịnh trọng như vậy?

Đáp: Vì theo pháp thế tục mà dẫn đường cho chúng sinh. Thí như chủ khách buôn muốn đi xa đến nước khác, tuy đem tài bảo phó chúc cho con mà riêng ngọc báu tốt đẹp, giá trị lớn mới ân cần phó chúc riêng, vì người con kia chưa biết rõ giá trị quý trọng của châu báu đẹp ấy. Những người khác vì thấy người chủ khách buôn là người biết giá trị của châu báu mà ân cần phó chúc nên chắc chắn biết thứ đó quý, còn nếu nghe người con kia khen ngợi giá trị châu báu thời không tin; Phật cũng như vậy.

\* Lại nữa, nếu giữa chúng khác và người khác mà khen ngợi Bát-nhã, phó chúc Bát-nhã thời người ta chê Phật tự khen ngợi tán thán pháp mình, nên sinh nghi mà không tin, còn đối với đệ tử phó chúc thời không có chê bai.

Lại có người nói: Ở phẩm trên Phật nói tướng tịch diệt không có hí luận là Nhất thiết trí, trong đó không có pháp quyết định có thể thủ đắc, thời người ta cho là không quý; nay ân cần phó chúc thời biết Phật không đả trước pháp không. Giữa hết thấy chúng sinh, người ái niệm Bát-nhã không ai hơn Phật. Phật biết Bát-nhã có ơn sâu nên quý trọng Bát-nhã mà ân cần phó chúc.

Có người nói: Phật muốn hiện trung đạo nên phó chúc. Trước nói các pháp không để ngăn bên chấp hữu, nay ân cần phó chúc thời phá bên chấp không; ấy là trung đạo. Đối với người cho rằng Phật có tâm tham, ưa đả trước pháp ấy, thời Phật đã dùng các nhân duyên nói Bát-nhã ba-la-mật tướng không; đối với người cho Phật rơi vào đoạn diệt nên Phật ân cần phó chúc. Như vậy là xa lìa hai bên.



Hỏi: Phật đã biết A-nan là đệ tử, có gì còn hỏi A-nan rằng, ông là đệ tử của Như Lai chăng? Như Lai là thầy của ông chăng?

Đáp: Phật có người đệ tử ác là Tu-na-lij-đa-la. Nhờ có chút ít nhân duyên nên làm đệ tử Phật. Vì muốn ở nơi Phật học cách bán cung, Phật không nói cho, nên liền trở lại nói với Phật rằng: Tôi chẳng phải đệ tử Phật. Lại như Tu-thi-ma vì muốn trộm pháp nên làm đệ tử. Như vậy là hạng đệ tử chỉ trên danh dự.

Lại, ngoại đạo cho A-nan bắt đắc dĩ mà ở bên Phật. A-nan đã từng làm đệ tử ngoại đạo, mặc áo cỏ, cầu thần tiên, nay vì Phật là thân tộc nên tôn trọng, cung cấp, hầu hạ. Do những việc như vậy nên ở giữa đại chúng Phật hỏi A-nan: Ông là đệ tử Như Lai chăng? Nếu nói là chơn đệ tử thì nên theo lời dạy bảo của Như Lai. Thế nên A-nan vì muốn khiến người khác tin, nên đáp lại với Phật. Phật bảo A-nan: Việc người đệ tử nên làm ông đã làm đầy đủ. Phép của đệ tử là đem thân, miệng, ý lành mà cung cấp cho thầy. Có đệ tử tâm tốt mà thân miệng không xứng; có đệ tử nghiệp thân miệng tốt mà tâm không xứng. Như đệ tử đem tâm lành, rất ưa mến thầy, thân miệng tương xứng, không tiếc thân mạng, không ngại khó nhọc, tự bỏ tâm mình, theo lời dạy bảo của thầy, A-nan có đủ các việc ấy, nên Phật bảo A-nan: Nay ông hiện tại cung kính Như Lai, sau khi Như Lai diệt độ, hãy cung kính Bát-nhã cũng như vậy.

Hỏi: Bát-nhã là thầy của chư Phật, vì sao A-nan không cung kính thầy của Phật mà cung kính Phật?

Đáp: A-nan tuy chứng đạo quả thứ nhất, song vì lậu hoặc chưa hết nên không biết sâu Pháp bảo như Phật đã biết. Thế nên Phật bảo A-nan: Ông cung kính Bát-nhã tức là cung kính Như Lai.

\* Lại nữa, chúng sinh thấy Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng một trượng, thân kim sắc, nhiều người ái kính, còn Bát-nhã ba-la-mật thời vi diệu, sâu xa, không hình, không sắc, chỉ người trí mới biết được. Thân Phật tướng tốt, người trí kẻ ngu đều thấy, đều không nhầm lẫn, thế nên Phật đem thân ví dụ Bát-nhã. Khi Phật ở đời có thể tự ngăn ma, vì vậy mà Phật bảo A-nan: Sau khi Như Lai diệt độ, hãy khéo gìn giữ Bát-nhã.

Hỏi: Phó chúc một lần là đủ, có gì đến ba lần?

Đáp: Phật rất ưa mến Bát-nhã ba-la-mật, nên ba lần phó chúc.

Hỏi: Nếu rất ưa mến, sao giới hạn ba lần thôi?

Đáp: Thường thời pháp của chư Phật nói không quá ba. Nếu nói quá ba mà không theo thời thần cầm Kim cương đánh nát. Lại, ý của thần cầm Kim cương là nếu quá ba lần không theo, thời là người nghịch, hãy nên diệt đi. Thế nên Phật hỏi không quá ba lần.

\* Lại nữa, nói một lần thời còn chậm, còn nói quá ba lần thời rất gấp; giống như người phạm phu tham trước.

\* Lại nữa, tâm người lãnh thọ có ba hạng: Hạng độn căn phải nói đến ba lần mới sinh tâm thiện. A-nan tuy là lợi căn nhưng tâm còn Thanh văn, chỉ cầu độ một mình, thế nên bảo ba lần. Sở dĩ phó chúc là vì không để pháp diệt tận. Ông nên giáo hóa đệ tử, đệ tử lại giáo hóa người khác, triển chuyển giáo hóa nhau; thí như một ngọn đèn lại thắp lên các ngọn đèn khác; ánh sáng triển chuyển nhiều ra.

Chớ làm người tối hậu dứt giống Phật, là người đời có con, nếu không người thừa kế thời gọi là dứt giống, rất đáng hổ thẹn. Phật lấy thí dụ này bảo A-nan rằng, ông chớ làm giống Bát-nhã tuyệt dứt ngay nơi thân ông.

Hỏi: Như phẩm trước thuyết minh Bát-nhã ba-la-mật, dù nói cũng không thêm, không nói cũng không bớt, vì tướng rốt ráo tịch diệt, nay có gì nói chớ để diệt mất? Thí như hư không, ai diệt mất được?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật tuy tịch diệt, tướng không sinh không diệt, như hư không không thể hí luận; nhưng văn tự ngữ ngôn chép quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật, vì người khác nói, Bát-nhã trong đây là từ trong nhân mà nói quả. Người phạm phu nghe Bát-nhã ba-la-mật vì điều liền sinh tâm chấp trước, thủ tướng Bát-nhã ba-la-mật, phân biệt các pháp là lành, là chẳng lành, là thế gian, là Niết-bàn v.v... Vì phân biệt nên đối với pháp sinh tâm chấp trước, tâm chấp trước nên đấu tranh, đấu tranh nên gây tội nghiệp; người như vậy gọi là diệt Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo A-nan: Ông nên như tướng Bát-nhã ba-la-mật, chớ chấp trước văn tự ngữ ngôn mà giáo hóa chúng sinh; ấy gọi là không làm diệt mất. Nay A-nan, tùy theo bao lâu thời gian Bát-nhã ở đời thời biết bấy nhiêu thời gian Phật ở đời, như trong kinh đây Phật nói rộng. Phật ân cần phó chúc cho chúng sinh, ở hội chúng có người sinh nghi, thế nên Phật nói nhân duyên của sự phó chúc là: Hễ có Bát-nhã ở đời thời là Phật ở đời, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Chư Phật lấy pháp làm thầy, mà pháp tức là Bát-nhã ba-la-mật. Nếu thầy

ở đời, mẹ ở đời thời không gọi là mất lợi, vì sao? Vì lợi ích vốn tồn tại. Vì vậy nên nói Bát-nhã ba-la-mật ở đời thời như Phật ở đời.

Lại, Pháp bảo không lìa Phật bảo. Bồ-tát có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình không gọi là Phật, mà có được Pháp bảo mới gọi là Phật. Pháp bảo tức là Bát-nhã ba-la-mật; như người theo Phật được lợi ích cho đến giải thoát Niết-bàn. Như người đối với Bát-nhã có thể tin, thực hành, cũng do pháp ba thừa mà vào Niết-bàn; thế nên nói Bát-nhã ở đời như Phật ở đời nói Pháp không khác. Nay Anan, nếu người nghe lãnh thọ, viết chép, giữ gìn, nên biết người ấy không rời sự thấy Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật.

Hỏi: Người có tội nặng, ba nghiệp bất thiện thành tựu mà nghe, lãnh thọ, viết chép, giữ gìn Bát-nhã, có sao người ấy được không xa lìa Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật?

Đáp: Việc ấy như đã đáp ở trong phẩm trước. Người nghe Pháp có hai hạng: Một là hạng người chỉ nghe mà không thể tin thọ, thực hành; hai là hạng người nghe mà tin thọ, phụng hành. Như đệ tử không nghe, không tin thọ, thực hành lời thầy; ấy gọi là không nghe. Nếu nhất tâm lắng nghe, tin thọ, phụng hành, chán thế gian, ưa Niết-bàn, lìa Tiểu thừa, ưa thích Đại thừa; nghe, lãnh thọ như vậy gọi là thật nghe; tụng, đọc cũng như vậy. Nhớ nghĩ đúng theo như ý Phật, xa lìa hai bên, hành trung đạo, đúng như chỗ được nghe, thọ trì và hiểu nghĩa Bát-nhã, vì người khác giảng nói, cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán, hoa hương, lúc mới đầu còn mỏng ít, cho đến nhớ nghĩ đúng, vì người khác nói, tâm kia càng sâu dày, công đức càng nhiều, bền chắc, không lay động.

Nếu nghe thầy dạy, hoặc thấy quyển kinh mà cúng dường hương hoa là, nếu người trí biết công đức của Bát-nhã mà cúng dường thời được phước đức dày, còn người không biết mà cúng dường thời được phước đức mỏng ít. Phước đức thuần hậu là dù chuyển đổi thân cũng không lìa sự thấy Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật.

Phước đức mỏng ít là không nói rằng chuyển đổi thân, được ba phước báo, trả hết tội rồi lâu về sau cũng chắc chắn được làm Phật. Trong đây Phật tổng quát nói phước đức thuần hậu, mỏng ít dần dần đều sẽ thấy mười phương Phật, nghe Phật nói Pháp, dần dần đủ sáu Ba-la-mật, đều được làm Phật. Phật dùng Phật nhãn thấy Bát-nhã ba-la-mật có sự lợi ích lớn cho chúng sinh như vậy nên ân cần phó chúc.

Hỏi: Các đại A-la-hán ấy đã thủ chứng thật tế, không còn lo mừng, vì mừng chút ít còn không có, huống nữa là vui mừng lớn?

Đáp: Các đại A-la-hán tuy xa lìa tham dục của ba cõi, mà vì chưa được Nhất thiết trí nên đối với pháp sâu xa còn hồ nghi không rõ ràng. Đây đối với Bát-nhã ba-la-mật hiểu biết rõ ràng, dứt trừ nghi hoặc kia, thế nên vui mừng lớn.

\* Lại nữa, các đại đệ tử ấy đã thủ chứng thật tế. Thật tế tức là không, không có tướng, không có lượng, không có phân biệt. Phật đối với pháp tịch diệt ấy mỗi mỗi phân biệt danh tự, ngữ ngôn, thí dụ, nói rộng mà cũng không phá hoại pháp tính, lại không trái với thế gian. Các A-la-hán vì chứng được pháp ấy nên vui mừng lớn. Phật khéo nói pháp tịch diệt không, vô tướng, vô lượng ấy, đại chúng tuy chưa sạch hết lậu hoặc, mà vì có sức tin sâu, nên cũng vui mừng lớn, nói rằng pháp ấy có thể dứt hết khổ sinh tử cho chúng ta, khiến được Phật đạo. Có vô lượng nhân duyên như vậy nên đại chúng đều hoan hỉ.

Hỏi: Nếu Phật phó chúc cho A-nan Bát-nhã ba-la-mật ấy, sau khi Phật Niết-bàn, A-nan cùng với Đại Ca-diếp kết tập Kinh tạng, có gì trong ấy không nói đến Bát-nhã?

Đáp: Vì Đại thừa sâu xa, khó tin, khó hiểu, khó hành. Lúc Phật ở đời, có các Tỳ-kheo theo pháp Đại thừa do không tin không hiểu nên từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, huống nữa là sau khi Phật diệt độ! Thế nên không nói.

\* Lại nữa, ba tạng chính thức có ba mươi vạn bài kệ và chín trăm sáu mươi vạn lời. Pháp Đại thừa rất nhiều, vô lượng vô hạn, như phẩm Bát-nhã ba-la-mật trong đây có hai mươi hai ngàn bài kệ. Phẩm Đại Bát-nhã có mười ngàn bài kệ, ở chỗ các vua rồng, vua A-tu-la và trong các cung trời, Bát-nhã có ngàn vạn ức bài kệ, vì sao? Vì chư thiên, rồng, quỷ, thần, mạng sống lâu dài, có sức biết nhớ mạnh. Người đời nay thọ mạng ngắn ngủi, sức biết nhớ mỏng, tiểu phẩm Bát-nhã còn không thể tụng đọc, huống gì nhiều? Các đại Bồ-tát biết Bát-nhã ba-la-mật vô lượng vô hạn, vì sao? Vì Phật chẳng phải chỉ một thân nói Bát-nhã mà trong vô lượng đời hoặc biến hóa vô số thân nói Bát-nhã, nên có vô lượng.

Lại, kinh Giải thoát không thể nghĩ nghĩ có mười vạn bài kệ, kinh chư Phật bốn khởi, kinh mây, kinh mây lớn, mỗi mỗi có mười vạn bài kệ. Kinh Pháp Hoa, kinh Hoa thủ, kinh Đại bi, kinh Phương tiện, kinh Vua rồng hỏi, kinh Vua A-tu-la hỏi, các kinh lớn ấy vô lượng vô biên, như châu báu trong biển lớn, làm sao có thể đưa hết vào ba tạng? Vật nhỏ có thể ở trong vật lớn, mà vật lớn thì không thể ở trong vật nhỏ? Nếu muốn hỏi thì nên hỏi rằng, vì có gì Tiểu thừa không ở

trong Đại thừa mà Đại thừa có thể hàm chứa luôn cả Tiểu thừa? Thế nên ông không nên hỏi như vậy.

Lại nữa, có người nói: Như Đại Ca-diếp đem các Tỳ-kheo vào trong núi Kỳ-xà-quật kết tập ba tạng. Sau khi Phật diệt độ, các đại Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc v.v... cũng đem A-nan để kết tập kinh Đại thừa. Lại, A-nan biết trù lượng ý chí nghiệp lực lớn nhỏ của chúng sinh. Thế nên không ở giữa hàng Thanh văn nói pháp Đại thừa, vì sợ nói thời lầm loạn không thành tựu được. Phật pháp chỉ có một vị, đó là vị giải thoát hết khổ. Vị giải thoát ấy có hai: Một là chỉ giải thoát tự thân, hai là giải thoát chung hết thảy chúng sinh. Tuy cùng cầu một cửa giải thoát mà có tự lợi và lợi người khác nhau, thế nên có Đại thừa, Tiểu thừa sai khác. Vì hai hạng người ấy nên miệng Phật nói ra đều dùng văn tự ngữ ngôn chia làm hai thứ. Ba tạng là pháp Thanh văn, Ma-ha-diễn là pháp Đại thừa.

Lại nữa, lúc Phật ở đời không có danh từ ba tạng, chỉ có Tỳ-kheo thọ trì Tu-đa-la, Tỳ-kheo thọ trì Tỳ-ni, Tỳ-kheo thọ trì Ma-đa-la-ca.

Tu-đa-la là kinh trong bốn A-hàm, kinh trong Ma-ha-diễn. Tu-đa-la có hai phần: Một là Tu-đa-la trong bốn A-hàm, hai là kinh Ma-ha-diễn, gọi là Đại thừa. Tu-đa-la vào hai phần, vừa Đại thừa, vừa Tiểu thừa: 250 giới, như thị ngữ v.v... gọi là Tu-đa-la.

Tỳ-ni là nhân Tỳ-kheo tạo tội, Phật kiết giới, dạy việc nên làm, không nên làm, làm việc ấy mắc tội ấy, lược nói có tám mươi bộ, cũng có hai phần: Một là Tỳ-ni ở nước Ma-tu-la, chứa A-ba-đà-na bản sinh, có tam mươi bộ; hai là Tỳ-ni ở nước Kế-tân, trừ bản sinh A-ba-đà-na, chỉ lấy việc thiết yếu làm mười bộ, có tám mươi bộ Tỳ-bà-sa giải thích. Thế nên biết kinh Đại Bát-nhã ba-la-mật ở trong Tu-đa-la kinh, vì kinh lớn và vì sự việc khác cho nên nói riêng. Thế nên không tập vào trong ba tạng.

(Hết cuốn 100 theo bản Hán)

Chùa Từ Đàm, dịch xong chiều 08-01-2001

(PL. 2544 - 14.12 năm Canh Thìn)

THÍCH THIỆN SIÊU

--o0o--